BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGỮ VĂN 7

TẬP HAI

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
PHAN HUY DŨNG – NGUYỄN THỊ NGÂN HOA (Đồng Chủ biên)
DƯƠNG TUẤN ANH – NGUYỄN LINH CHI – ĐẶNG LƯU

NGỮ VĂN 7

(Tái bản lần thứ tư)

TẬP HAI

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÀI 6. BÀI HỌC CUỘC SỐNG	4
ĐỌC	5
Đẽo cày giữa đường (Ngụ ngôn Việt Nam)	6
Ếch ngồi đáy giếng (Trang Tử)	7
Con mối và con kiến (Nam Hương)	8
Thực hành tiếng Việt	10
Một số câu tục ngữ Việt Nam	12
Thực hành tiếng Việt	13
Con hổ có nghĩa (Vũ Trinh)	14
VIẾT	16
Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)	16
NÓI VÀ NGHE	21
Kể lại một truyện ngụ ngôn	21
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG	22
THỰC HÀNH ĐỌC	23
Thiên nga, cá măng và tôm hùm (I-van Cru-lốp)	23
BÀI 7. THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG	25
ĐỌC	26
Cuộc chạm trán trên đại dương (trích *Hai vạn dặm dưới biển*, Giuyn Véc-nơ)	27
Thực hành tiếng Việt	34
Đường vào trung tâm vũ trụ (trích *Thiên Mã*, Hà Thuỷ Nguyên)	35
Thực hành tiếng Việt	41
Dấu ấn Hồ Khanh (Nhật Văn)	42
VIẾT	45
Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử	45
NÓI VÀ NGHE	48
Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người	48
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG	50
THỰC HÀNH ĐỌC	50
Chiếc đũa thần (trích *Tinh vân Tiên Nữ*, I. A. E-phơ-rê-mốp)	51
ĐỌC MỞ RỘNG	53
BÀI 8. TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH	54
ĐỌC	55
Bản đồ dẫn đường (Đa-ni-en Gốt-li-ép)	56
Thực hành tiếng Việt	59
Hãy cầm lấy và đọc (Huỳnh Như Phương)	61

Thực hành tiếng Việt	64
Nói với con (Y Phương)	65
VIẾT	67
Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)	67
NÓI VÀ NGHE	71
Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống	71
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG	73
THỰC HÀNH ĐỌC	73
Câu chuyện về con đường (Đoàn Công Lê Huy)	74
BÀI 9. HOÀ ĐIỆU VỚI TỰ NHIÊN	76
ĐỌC	77
Thuỷ tiên tháng Một (Thô-mát L. Phrít-man)	78
Thực hành tiếng Việt	83
Lễ rửa làng của người Lô Lô (Phạm Thuỳ Dung)	84
Bản tin về hoa anh đào (Nguyễn Vĩnh Nguyên)	87
Thực hành tiếng Việt	90
VIẾT	91
Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động	91
NÓI VÀ NGHE	95
Giải thích quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động	95
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG	97
THỰC HÀNH ĐỌC	98
"Thân thiện với môi trường" (Nguyễn Hữu Quỳnh Hương)	98
ĐỌC MỞ RỘNG	100
BÀI 10. TRANG SÁCH VÀ CUỘC SỐNG	101
ĐỌC	102
Thách thức đầu tiên	103
Chinh phục những cuốn sách mới	103
VIẾT	109
Thách thức thứ hai	109
Từ ý tưởng đến sản phẩm	109
Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc	112
NÓI VÀ NGHE	115
Về đích: Ngày hội với sách	115
ÔN TẬP HỌC KÌ II	117
Phụ lục 1: Bảng tra cứu thuật ngữ	123
Phụ lục 2: Bảng giải thích thuật ngữ	124
Phụ lục 3: Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt	126
Phụ lục 4: Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài	133

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 6 BÀI HỌC CUỘC SỐNG

Học ăn, học nói, học gói, học mở.

(Tục ngữ)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Tục ngữ có câu: *Đi một ngày đàng, học một sàng khôn*. Đúng vậy, không chỉ học ở nhà trường, chúng ta còn học hỏi được nhiều điều trong cuộc sống: học qua những chuyến đi; học từ việc tiếp xúc với những người từng trải, hiểu biết; học ở cuốn sách ta đọc, bộ phim ta xem;... Chúng ta học suốt đời nhờ những nguồn "tài liệu" vô tận đó.

- Đến với bài học này, em sẽ được làm quen và tìm hiểu hai thể loại sáng tác ngôn từ: truyện ngụ ngôn và tục ngữ. Đi sâu tìm hiểu những câu chuyện ngắn gọn mà sâu sắc, những lời nói thường có vần, nhịp nhàng, cân đối, đúc kết bao nhiêu tri thức về mọi mặt của đời sống, em sẽ thấy có những điều thật mới mẻ, bổ ích.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề.
- Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ; vần.
- Hiểu được đặc điểm và chức năng của thành ngữ, đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá.
- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến của người viết; đưa ra lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.
- Biết kể lại một truyện ngụ ngôn: kể đúng cốt truyện gốc, có cách kể chuyện linh hoạt, hấp dẫn.
- Có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian hay của người xưa để rèn các đức tính: khiêm tốn, cẩn trọng, kiên trì, nhân nghĩa, có trách nhiệm.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Truyện ngụ ngôn

Truyện ngụ ngôn là hình thức tự sự cỡ nhỏ, trình bày những bài học đạo lí và kinh nghiệm sống, thường sử dụng lối diễn đạt ám chỉ, ngụ ý, bóng gió.

Một số đặc điểm của truyện ngụ ngôn

- Truyện ngụ ngôn thường ngắn gọn, được viết bằng văn xuôi hoặc thơ.
- Nhân vật ngụ ngôn có thể là con người hoặc con vật, đồ vật được nhân hoá (có đặc điểm như con người).
- Truyện ngụ ngôn thường nêu lên những tư tưởng, đạo lí hay bài học cuộc sống bằng ngôn ngữ giàu hình ảnh, có thể pha yếu tố hài hước.

Tục ngữ

Tục ngữ thuộc loại sáng tác ngôn từ dân gian, là những câu nói ngắn gọn, nhịp nhàng, cân đối, thường có vần điệu, đúc kết nhận thức về tự nhiên và xã hội, kinh nghiệm về đạo đức và ứng xử trong đời sống.

Thành ngữ

Thành ngữ là một loại cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toát ra từ cả cụm từ, chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố.

Nói quá

Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại tính chất, quy mô của đối tượng để nhấn mạnh, tăng sức biểu cảm hoặc gây cười.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Đẽo cày giữa đường* (Ngụ ngôn Việt Nam)

VĂN BẢN 2. *Ếch ngồi đáy giếng* (Trang Tử)

VĂN BẢN 3. *Con mối và con kiến* (Nam Hương)

VĂN BẢN 4. *Một số câu tục ngữ Việt Nam*

VĂN BẢN 5. *Con hổ có nghĩa* (Vũ Trinh)

VĂN BẢN TRUYỆN NGỤ NGÔN

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Kể một câu chuyện em được đọc (nghe) hoặc một sự việc em chứng kiến (tham gia) đã để lại cho em bài học sâu sắc. Bài học em rút ra được từ câu chuyện hoặc sự việc đó là gì?

2. Hãy chia sẻ cách hiểu của em về câu nói: "Anh ta nhận ra mình chỉ là ếch ngồi đáy giếng mà thôi".

ĐỌC VĂN BẢN

VĂN BẢN 1

Đẽo cày giữa đường

Xưa có một người thợ mộc bỏ ra ba trăm quan[1] tiền mua gỗ về để làm cái nghề đẽo cày mà bán.

Theo dõi
Số tiền người thợ mộc bỏ ra mua gỗ.

Cửa hàng anh ta mở bên đường. Ai qua đó cũng ghé vào coi. Người này thì nói: "Phải đẽo cày cho cao, cho to, thì mới dễ cày". Anh ta cho là phải, đẽo cày vừa to vừa cao. Người khác lại nói: "Có đẽo nhỏ hơn, thấp hơn thì mới dễ cày". Anh ta cho là phải, lại đẽo cày vừa nhỏ, vừa thấp. Sau lại có người bảo: "Nay ở trên ngàn[2], hiện có người đang phá hoang[3] bao nhiêu đồng ruộng và cày tinh[4] bằng voi cả. Nếu đẽo cày cho thật cao, thật to gấp đôi gấp ba thế này để voi cày được, bày ra hàng bán thì chắc là bán được nhiều lắm, mà rồi lãi vô vàn". Người thợ mộc nghe nói, liền đẽo ngay một lúc bao nhiêu cày to gấp năm, gấp bảy thứ thường bày ra bán.

Theo dõi
Hành động của người thợ mộc mỗi khi nhận được lời khuyên của người qua đường.

(1) *Quan*: đơn vị tiền tệ thời xưa.
(2) *Ngàn*: rừng, vùng rừng.
(3) *Phá hoang*: khai khẩn đất tự nhiên làm đất cày cấy, trồng trọt (hoặc phục vụ cho những nhu cầu khác của con người).
(4) *Tinh*: toàn, hoàn toàn.

Nhưng qua bao nhiêu ngày tháng, chẳng thấy ai đến mua cho một cái nào, cũng chẳng thấy ai nói voi đi cày ruộng cả. Thành ra có bao nhiêu gỗ hỏng bỏ hết và bao nhiêu vốn liếng đi đời nhà ma[1] sạch.

Suy luận

Vì sao người thợ mộc không bán được cày?

Người thợ mộc bây giờ mới biết dễ nghe người là dại. Nhưng quá muộn rồi, không sao chữa được nữa!

Bởi chuyện này mới có thành ngữ: "Đẽo cày giữa đường", để nói những người hay để tai nghe làm theo thiên hạ đến nỗi mất cả cơ nghiệp.

(*Theo* Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, *Truyện cổ nước Nam*, tập I, Thăng Long, 1958, tr. 101 – 102)

VĂN BẢN 2

Ếch ngồi đáy giếng

TRANG TỬ[2]

Một con ếch nhỏ ngồi trong một cái giếng sụp nói với một con rùa lớn biển đông[3]: "Tôi sung sướng quá, tôi có thể ra khỏi giếng, nhảy lên miệng giếng, rồi lại vô[4] giếng, ngồi nghỉ trong những kẽ gạch của thành giếng. Bơi trong nước thì nước đỡ nách và cằm tôi, nhảy xuống bùn thì bùn lấp chân tôi tới mắt cá. Ngó lại phía sau, thấy những con lăng quăng[5], con cua, con nòng nọc, không con nào sướng bằng tôi. Vả lại một mình chiếm một chỗ nước tụ, tự do bơi lội trong một cái giếng sụp, còn vui gì hơn nữa? Sao anh không vô giếng tôi một lát coi cho biết?

Theo dõi

Sự khác nhau về môi trường sống của ếch và rùa.

Theo dõi

Những điều khiến ếch cảm thấy sung sướng.

(1) *Đi đời nhà ma*: chết; mất, mất hết (cách nói thông tục, hàm ý chế giễu).
(2) Trang Tử (khoảng năm 369 – 286 trước Công nguyên) là một triết gia nổi tiếng của Trung Quốc. Cuốn sách *Trang Tử* (tên gọi khác: *Nam Hoa kinh*) của ông vừa chứa đựng những tư tưởng triết học uyên bác, vừa đậm chất văn chương với nhiều mẩu chuyện sinh động, mang tính ngụ ngôn sâu sắc. Truyện *Ếch ngồi đáy giếng* trích trong thiên *Thu thuỷ* (thiên thứ 17) của sách *Trang Tử*.
(3) *Biển đông*: biển ở phía đông.
(4) *Vô*: vào.
(5) *Lăng quăng*: con bọ gậy, ấu trùng của muỗi.

Con rùa biển đông vừa mới muốn đút cái chân bên trái vô giếng thì thấy không còn chỗ vì cái đùi bên phải đã bít cái giếng rồi. Nó từ từ rút chân ra, lùi lại, bảo con ếch:

– Biển đông mênh mông, ngàn dặm đã thấm gì, sâu thăm thẳm, ngàn nhẫn[1] đã thấm gì. Thời vua Vũ[2], cứ mười năm thì chín năm lụt, vậy mà mực nước ở biển không lên. Thời vua Thang[3], tám năm thì bảy năm hạn hán, vậy mà bờ biển không lùi ra xa. Không vì thời gian ngắn hay dài mà thay đổi, không vì mưa nhiều hay ít mà tăng giảm, đó là cái vui lớn của biển đông.

Con ếch trong cái giếng sụp nghe vậy ngạc nhiên, thu mình lại, hoảng hốt, bối rối.

Theo dõi

Biểu hiện của ếch khi được nghe về biển.

(*Trang Tử và Nam Hoa kinh*, Nguyễn Hiến Lê *giới thiệu và chú dịch*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 1994, tr. 337)

VĂN BẢN 3

Con mối và con kiến

NAM HƯƠNG[4]

Con mối trong nhà trông ra
Thấy một đàn kiến đang tha cái mồi
Mối gọi bảo: "Kiến ơi các chú
Tội tình gì lao khổ lắm thay!

Theo dõi

Mối có thái độ như thế nào khi thấy kiến làm việc vất vả?

(1) *Nhẫn*: đơn vị đo độ dài thời cổ, bằng khoảng 1,8 m.
(2) *Vũ*: Hạ Vũ, một vị vua trong truyền thuyết của Trung Quốc.
(3) *Thang*: Thành Thang, một vị vua trong truyền thuyết của Trung Quốc.
(4) Nam Hương (1899 – 1960) quê ở Hà Nội, sáng tác nhiều thơ ngụ ngôn, được in trong các tập: *Gương thế sự* (1920), *Ngụ ngôn mới* (1935), *Thơ ngụ ngôn* (1937),... Ngoài ra, ông còn có tập thơ *Bài hát trẻ con* (1936) dành cho thiếu nhi.

Làm ăn tìm kiếm khắp ngày
Mà sao thân thể vẫn gầy thế kia
Chúng ta đây chẳng hề khó nhọc
Mà ồ ề[1] béo trục béo tròn
Ở ăn ghế chéo[2] bàn tròn
Nhà cao cửa rộng, tủ hòm thiếu đâu?"
Kiến rằng: "Trên địa cầu muôn loại
Hễ có làm thì mới có ăn
Sinh tồn là cuộc khó khăn
Vì đàn vì tổ nên thân gầy gò.
Các anh chẳng vun thu[3] xứ sở[4]
Cứ đục vào chỗ ở mà xơi
Đục cho rỗng hết mọi nơi
Nhà kia đổ xuống đi đời các anh".

Theo dõi

Kiến tỏ thái độ ra sao về lối sống của mối?

Theo dõi

Lối sống của mối gây ra hậu quả nghiêm trọng như thế nào?

(*Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam*, tập III,
Nguyễn Cừ – Phan Trọng Thưởng *biên soạn và tuyển chọn*,
NXB Giáo dục, 1999, tr. 805)

[1] *Ồ ề*: (dáng người) béo mập và chậm chạp (nghĩa trong văn bản).
[2] *Ghế chéo*: ghế chân chéo, có lưng tựa.
[3] *Vun thu*: vun vén, thu xếp, chăm lo.
[4] *Xứ sở*: nơi ở, quê hương, đất nước.

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Người thợ mộc trong truyện *Đẽo cày giữa đường* đã xử sự thế nào trước mỗi lời khuyên, khiến công sức và của cải "đi đời nhà ma"?

2. Nếu là người thợ mộc trong câu chuyện này, em sẽ làm gì trước những lời khuyên như vậy?

3. Những điều gì làm cho con ếch trong truyện *Ếch ngồi đáy giếng* cảm thấy sung sướng?

4. Hãy chỉ ra những điểm khác biệt về môi trường sống của ếch và rùa. Sự khác biệt đó ảnh hưởng như thế nào đến nhận thức và cảm xúc của hai con vật?

5. Vì sao con ếch "ngạc nhiên, thu mình lại, hoảng hốt, bối rối"?

6. Trong truyện *Con mối và con kiến*, quan niệm sống của mối và kiến bộc lộ như thế nào qua các lời thoại của chúng?

7. Theo em, thiện cảm của người kể chuyện được dành cho mối hay cho kiến? Vì sao em khẳng định như vậy?

8. Nêu những điểm giống nhau về nội dung của ba truyện ngụ ngôn: *Đẽo cày giữa đường*, *Ếch ngồi đáy giếng*, *Con mối và con kiến*.

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) có sử dụng thành ngữ *đẽo cày giữa đường*.

Thực hành tiếng Việt

THÀNH NGỮ

1 Chỉ ra và giải nghĩa thành ngữ trong các câu sau:

a. *Tất cả những cái đó cám dỗ tôi hơn là quy tắc về phân từ; nhưng tôi cưỡng lại được, và ba chân bốn cẳng chạy đến trường.*

(An-phông-xơ Đô-đê (Alphonse Daudet), *Buổi học cuối cùng*)

b. *Lại có khi tôi cảm thấy mình dũng mãnh đến nỗi dù có phải chuyển núi dời sông tôi cũng sẵn sàng.*

(Trin-ghi-đơ Ai-tơ-ma-tốp, *Người thầy đầu tiên*)

Nhận biết đặc điểm và chức năng của thành ngữ

- Đọc hai câu sau và chú ý các cụm từ in đậm:

(1) ***Kẻ hầu người hạ*** *ra vào tới tấp, bưng lên cho khách toàn* ***sơn hào hải vị****, mùi thơm nức mũi.* (*Vua chích choè*)

(2) *Mọi người trong làng luôn đoàn kết, sẵn sàng* ***chia ngọt sẻ bùi*** *cho nhau.*

Ba cụm từ in đậm trong các câu trên đều là những tổ hợp có cấu tạo chặt chẽ. Nghĩa của mỗi cụm từ đều hàm súc, có tính hình tượng. Đó là nghĩa chung của

2 Thử thay thành ngữ (in đậm) trong các câu sau bằng từ ngữ có ý nghĩa tương đương, rồi rút ra nhận xét:

a. *Thành ra có bao nhiêu gỗ hỏng bỏ hết và bao nhiêu vốn liếng* ***đi đời nhà ma*** *sạch.*

(*Đẽo cày giữa đường*)

b. *Giờ đây, công chúa là một chị phụ bếp, thôi thì* ***thượng vàng hạ cám****, việc gì cũng phải làm.*

(*Vua chích choè*)

3 Nhận xét về việc sử dụng thành ngữ *đẽo cày giữa đường* ở hai trường hợp sau:

a. *Anh làm việc này chắc nhiều người góp cho những ý kiến hay. Khác gì đẽo cày giữa đường.*

b. *Chín người mười ý, tôi biết nghe theo ai bây giờ? Thật là đẽo cày giữa đường.*

4 Hãy đặt 4 câu, mỗi câu sử dụng một trong các thành ngữ sau:

a. *Học một biết mười*

b. *Học hay, cày biết*

c. *Mở mày mở mặt*

d. *Mở cờ trong bụng*

cả cụm từ chứ không phải là tổng số nghĩa của các từ. *Kẻ hầu người hạ, sơn hào hải vị, chia ngọt sẻ bùi* là các thành ngữ.

Là một loại cụm từ đặc biệt, nhiều khi cách kết hợp các từ trong thành ngữ không theo quy tắc thông thường, chẳng hạn: *cao chạy xa bay, con ông cháu cha, nhường cơm sẻ áo, thượng cẳng chân hạ cẳng tay,...*

- Đọc các câu sau và tìm hiểu chức năng của thành ngữ:

(3) *Cô đem lòng yêu, có* ***của ngon vật lạ*** *đều giấu đem lên cho.* (*Sọ Dừa*)

(4) *Lần này hai đội lại gặp nhau,* ***chưa biết mèo nào cắn mỉu nào****.*

Ở câu (3), *của ngon vật lạ* có nghĩa là những thức ăn ngon, quý hiếm; ở câu (4), *chưa biết mèo nào cắn mỉu nào* có nghĩa là chưa biết ai thắng ai thua. Việc dùng thành ngữ giúp cho câu trở nên súc tích, bóng bẩy, gợi nhiều liên tưởng.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VĂN BẢN 4

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Khi trò chuyện với người khác, đã bao giờ em dùng tục ngữ chưa? Em hãy lí giải về thực tế đó của bản thân.

2. Theo em, vì sao người ta lại dùng tục ngữ trong một số tình huống giao tiếp thường ngày?

ĐỌC VĂN BẢN

Một số câu tục ngữ Việt Nam

1. Gió heo may, chuồn chuồn bay thì bão.
2. Kiến cánh vỡ tổ bay ra

   Bão táp mưa sa gần tới.
3. Mây kéo xuống biển thì nắng chang chang,
   mây kéo lên ngàn thì mưa như trút.
4. Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng

   Ngày tháng Mười chưa cười đã tối.
5. Nắng chóng trưa, mưa chóng tối.
6. Nhất nước, nhì phân, tam cần[1], tứ giống.
7. Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa.
8. Làm ruộng ba năm không bằng chăn tằm một lứa.
9. Người sống hơn đống vàng.
10. Đói cho sạch, rách cho thơm.
11. Không thầy đố mày làm nên.
12. Học thầy chẳng tày[2] học bạn.
13. Muốn lành nghề, chớ nề[3] học hỏi.
14. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.
15. Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

(Nguyễn Xuân Kính (Chủ biên) – Nguyễn Thuý Loan – Phan Lan Hương – Nguyễn Luân,
Kho tàng tục ngữ người Việt, tập 1 và tập 2,
NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 2002)

Theo dõi

Những chủ đề được thể hiện qua các câu tục ngữ.

Suy luận

Nét chung nhất về hình thức của các câu tục ngữ.

[1] *Cần*: siêng năng, chăm chỉ.
[2] *Tày*: bằng.
[3] *Nề*: ngại (nghĩa trong văn bản).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Tìm hiểu số tiếng trong những câu tục ngữ trên, từ đó rút ra nhận xét chung về độ dài của tục ngữ.

2. Trong 15 câu tục ngữ ở trên, những câu nào có gieo vần? Việc gieo vần như vậy có tác dụng gì?

3. Câu tục ngữ nào trong bài học này có hình thức của một thể thơ quen thuộc, được dùng rất nhiều trong ca dao của người Việt? Nêu thêm hai câu tục ngữ có hình thức tương tự.

4. Tính chất cân đối trong cấu trúc ngôn từ được thể hiện như thế nào ở những câu tục ngữ trên? Việc tạo nên sự cân đối trong cấu trúc của một câu tục ngữ có tác dụng gì?

5. Có thể phân chia các câu tục ngữ trên vào những chủ đề nào?

6. Chỉ ra những câu tục ngữ thể hiện ý nghĩa một cách trực tiếp, những câu tục ngữ thể hiện ý nghĩa qua hình ảnh có tính chất ẩn dụ.

7. Ý nghĩa của câu tục ngữ số 11 và 12 có loại trừ nhau không? Em rút ra được bài học gì từ hai câu tục ngữ đó?

8. Vì sao nhiều câu tục ngữ về đời sống xã hội ra đời từ thuở xưa mà vẫn còn giá trị đối với con người ngày nay?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Ghi lại một cuộc đối thoại (giả định) giữa hai người (khoảng 5 – 7 câu), trong đó, một người có dùng câu tục ngữ: *Muốn lành nghề, chớ nề học hỏi.*

Thực hành tiếng Việt

BIỆN PHÁP TU TỪ

1 Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nói quá trong những câu tục ngữ sau:

a. *Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng*

Ngày tháng Mười chưa cười đã tối.

b. *Ngày vui ngắn chẳng tày gang.*

c. *Thuận vợ thuận chồng tát bể đông cũng cạn.*

Nhận biết đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá

- Biện pháp tu từ nói quá có đặc điểm: luôn phóng đại tính chất, quy mô của sự vật, hiện tượng được nói đến.

Ví dụ:

Con rận bằng con ba ba

Đêm nằm nó ngáy cả nhà thất kinh.

(Ca dao)

2 Cho biết trong những câu sau, câu nào là nói quá, câu nào là nói khoác. Từ đó, nêu sự khác nhau giữa nói khoác và nói quá.

a. *Cày đồng đang buổi ban trưa*
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.
(Ca dao)

b. *Trời nóng quá, mồ hôi nhỏ xuống ướt sũng cả sàn nhà.*

c. *Đời người có một gang tay*
Ai hay ngủ ngày còn có nửa gang.
(Ca dao)

d. *Bài văn này tôi chỉ làm vèo trong năm phút, thế mà vẫn viết được ba trang.*

3 Hãy đặt 4 câu, mỗi câu sử dụng một trong các cụm từ có biện pháp tu từ nói quá sau đây:

a. *buồn nẫu ruột*

b. *rụng rời chân tay*

c. *cười vỡ bụng*

d. *mệt đứt hơi*

Ở câu ca dao này, độ lớn của con rận và tác động của tiếng ngáy mà nó phát ra là không thể tin được, vì đã được phóng đại đến mức phi lí.

- Biện pháp tu từ nói quá có tác dụng: gây ấn tượng đặc biệt, tăng sức biểu cảm hoặc gây cười.

Ví dụ:

(1) *Dời non lấp biển* (Thành ngữ)

(2) *Làm trai cho đáng nên trai*
Khom lưng chống gối gánh hai hạt vừng.
(Ca dao)

Thực tế cho thấy, dời non lấp biển là việc quá lớn, phi thường. Nói quá như ở câu (1) nhằm đề cao ý chí hoặc thể hiện sự khâm phục trước những kì tích của con người. Câu (2) vẽ nên một tình huống hài hước: cái gọi là sự nghiệp "lớn lao" của kẻ làm trai ở đây rốt cục chỉ thể hiện ở chỗ cố gắng làm sao để gánh cho nổi hai hạt vừng. Nói quá như thế là để chế nhạo cái vô tích sự của đối tượng.

VĂN BẢN 5

ĐỌC VĂN BẢN

Con hổ có nghĩa

VŨ TRINH[1]

Huyện Đông Triều[2] có bà đỡ[3] là bà Trần. Một đêm bà nghe tiếng gõ cửa, bèn mở cửa nhìn khắp xung quanh mà chẳng thấy ai. Đột nhiên, có con hổ chồm tới cõng bà đi. Ban đầu, bà sợ chết khiếp. Sau đó, bà tỉnh táo lại, thấy hổ dùng một chân trước ôm bà chạy như bay, gặp bụi rậm gai góc thì dùng một chân rẽ lối, từ từ mà đi. Tới chỗ

[1] Vũ Trinh (1759 – 1828) người làng Xuân Lan, huyện Lương Tài, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc (nay thuộc tỉnh Bắc Ninh). Ông sáng tác cả thơ (*Cung oán thi tập*, *Sứ Yên thi tập*,...) và văn xuôi (*Lan Trì kiến văn lục*). *Lan Trì kiến văn lục* là một trong những tác phẩm đỉnh cao của thể loại truyện truyền kì Việt Nam thời trung đại. Văn bản *Con hổ có nghĩa* là truyện thứ 8 trong 45 truyện ngắn viết bằng chữ Hán trong *Lan Trì kiến văn lục*.
[2] *Huyện Đông Triều*: địa phương ở vùng đông bắc Bắc Bộ.
[3] *Bà đỡ*: người phụ nữ làm nghề đỡ đẻ.

ngọn núi sâu trong rừng, hổ thả bà xuống. Bà lại thấy một con hổ cái đang cào đất, lăn lộn. Bà cho là hổ định ăn thịt mình, sợ hãi không dám động đậy. Hổ đực dùng chân chỉ dẫn bà nhìn hổ cái và chảy nước mắt. Bà thấy như có cái gì động đậy trong bụng hổ cái, biết là nó sắp đẻ. Sẵn có thuốc kích đẻ trong dải áo, bà bèn hoà với nước suối cho nó uống. Cảm thấy hổ cái đỡ đau, bà lại xoa bóp bụng cho nó. Lát sau thì hổ sinh con. Bà thấy hổ đực mừng rỡ đùa giỡn với con mình, còn hổ cái thì nằm phục xuống, dáng mệt mỏi lắm. Hổ đực rời khỏi gốc cây, đến bên bà đỡ, quỳ chân trước trên đất, vừa quỳ vừa nhìn bà, lát sau đưa ra một khối bạc. Bà biết hổ tặng mình, nhận lấy và buộc vào thắt lưng. Hổ đực từ từ đứng dậy, vừa đi vừa ngoái nhìn bà. Bà theo hổ ra khỏi rừng. Lúc rời khỏi khu rừng, trời sắp sáng, bà giơ tay nói: "Xin chúa sơn lâm quay về". Hổ bèn dừng lại quỳ xuống, hướng về bà đỡ cúi đầu quẫy đuôi tỏ ý tiễn biệt. Bà đi khá xa, hổ mới gầm lớn rồi rời đi. Bà về đến nhà, bỏ bạc ra cân được hơn mười lạng[1]. Năm ấy mất mùa, bà nhờ có số bạc ấy mà sống qua được.

Huyện Lạng Giang[2] có một người tiều phu[3] nọ đang kiếm củi ở chân núi. Từ xa thấy cây cối trong thung lũng phía trước ngọn núi lay động không ngớt, bác tiều mới vác búa đến xem. Bác ngó quanh thì thấy một con hổ trán trắng, to như con bò, khi thì cúi đầu cào đất, khi thì nhảy lên vật xuống, thỉnh thoảng lấy chân móc họng, miệng ngoác lớn như cái sàng, máu chảy lênh láng. Bác tiều phu thấy miệng hổ có khúc xương mắc trong họng. Bàn chân hổ móng vuốt lớn, càng móc, khúc xương càng vào sâu. Bác tiều chậm rãi uống rượu lấy can đảm, rồi trèo lên cây hô lên rằng: "Cổ họng ngươi đau phải không? Đừng cắn ta, ta sẽ lấy xương ra cho ngươi". Hổ nghe thấy, nằm phục xuống, há miệng hướng về bác tiều như cầu cứu. Bác tiều trèo xuống, thò tay vào cổ họng hổ, lấy ra một chiếc xương bò to như cánh tay. Hổ liếm mép, vừa bỏ đi vừa nhìn khuôn mặt bác tiều. Bác tiều hô lớn: "Nhà ta ở thôn ấy, hễ được miếng ngon thì nhớ nhau nhé". Bác tiều ra về được mấy hôm, nửa đêm nghe thấy ngoài cửa có tiếng kêu rất dữ dội. Sáng hôm sau mở cửa, bác tiều thấy có một con hươu chết ở đó. Nhiều năm sau, bác tiều qua đời. Lúc sắp chôn, một con hổ bỗng nhiên đến trước mộ. Những người đưa đám bỏ chạy, từ xa thấy hổ dùng đầu dụi vào quan tài, gầm gừ, gào lớn, đi quanh quan tài vài vòng rồi bỏ đi. Về sau, mỗi dịp đến ngày giỗ bác tiều, hổ lại đưa hươu, lợn đến để ở ngoài cửa, mấy chục năm liền.

(Dương Tuấn Anh *dịch*, tạp chí *Văn học và Tuổi trẻ*, tháng 5/2021, tr. 47 – 49)

(1) *Lạng*: đơn vị đo khối lượng thời xưa, xấp xỉ 37,8 g.
(2) *Huyện Lạng Giang*: thuộc tỉnh Bắc Ninh ngày nay.
(3) *Tiều phu*: người làm nghề đốn củi.

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Các con hổ đã được bà đỡ Trần và bác tiều phu giúp đỡ như thế nào?
2. Hổ đã làm những gì để tri ân người giúp đỡ mình?
3. Em cảm nhận được điều gì về tiếng gầm của hai con hổ ở phần cuối mỗi câu chuyện?
4. Mượn hình tượng con hổ có nghĩa, tác phẩm đã gửi gắm bài học đạo lí nào cho con người?
5. Việc tác giả ghép hai câu chuyện khác nhau vào trong cùng một văn bản có ý nghĩa gì? Theo em, nếu bớt đi một câu chuyện, ý nghĩa của văn bản có thể bị ảnh hưởng như thế nào?
6. Nêu cảm nghĩ về một chi tiết em thấy ấn tượng nhất trong truyện.

Viết

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)

Các vấn đề trong đời sống luôn đa dạng, phức tạp và thường được đánh giá khác nhau, tuỳ cách nhìn nhận của mỗi người. Sự trung thực của con người thể hiện ở thái độ biết tán thành những ý kiến đúng, phản đối những ý kiến sai trái. Phần Viết của bài học này yêu cầu em bàn luận về một vấn đề trong đời sống, theo hướng trình bày ý kiến tán thành. Sự tán thành dĩ nhiên phải được đặt trên cơ sở những nguyên tắc ứng xử và nền tảng đạo lí thích hợp, cũng như sức thuyết phục của ý kiến tuỳ thuộc vào những lí lẽ và bằng chứng được sử dụng.

Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành):

- Nêu được vấn đề và ý kiến cần bàn luận.
- Trình bày được sự tán thành đối với ý kiến cần bàn luận.
- Đưa ra được những lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng để chứng tỏ sự tán thành là có căn cứ.

Phân tích bài viết tham khảo

Trường học đầu tiên

Tuần trước, cô giáo đã tổ chức cho lớp tôi thảo luận về đề tài: "*Vai trò của gia đình đối với sự trưởng thành của mỗi người*". Các bạn, mỗi người một ý, bàn luận

Nêu vấn đề nghị luận.

rất sôi nổi. Tôi nhớ, ý kiến của Hồng Minh đã gây ra một cuộc tranh luận nhỏ khá thú vị. Bạn ấy cho rằng: "Gia đình cũng là một trường học". Sau khi nghe Hồng Minh trình bày, có bạn phản đối: "Nếu vậy thì còn đâu sự phân biệt gia đình và nhà trường nữa, trong khi gia đình – nhà trường – xã hội là ba môi trường khác nhau". Lại có người chất vấn: "Hồng Minh nghĩ sao về những bạn có hoàn cảnh thiệt thòi, cơ nhỡ vì không được lớn lên trong một mái ấm gia đình?".

Nêu ý kiến đáng quan tâm về vấn đề.

Riêng tôi, sau khi suy nghĩ kĩ, tôi thấy Hồng Minh hoàn toàn có lí.

Thể hiện sự tán thành với ý kiến đã nêu.

Đúng là trong cuộc sống, có những người kém may mắn, vì lí do nào đó mà ngay từ thuở ấu thơ, họ đã không được nuôi nấng, chăm sóc bởi bàn tay của những người thân. Dù được bù đắp bởi những tấm lòng nhân ái, họ vẫn thực sự thiệt thòi. Nhưng tôi nghĩ, những trường hợp như thế không chiếm đa số trong xã hội, do đó ý kiến của bạn Hồng Minh vẫn có sức thuyết phục.

Sử dụng lí lẽ.

Phần lớn mọi người đều có gia đình. Gia đình là nơi ta được sinh ra, lớn lên, được sống với những người ruột thịt. Ông bà, cha mẹ, anh chị không chỉ nuôi nấng, chăm sóc mà còn bảo ban, dạy dỗ ta bằng tấm lòng yêu thương trìu mến, niềm tin và hi vọng. Trong gia đình, ông bà, bố mẹ, anh chị chính là những "thầy cô" đầu tiên của chúng ta. Bài học đầu đời của ta đến từ những truyện cổ tích hấp dẫn, từ những câu ca dao trong lời mẹ hát, hay những câu tục ngữ bà dẫn ra trong lời nói hằng ngày. Đó là những bài học về đạo làm người, về cách đối nhân xử thế nhẹ nhàng, tự nhiên mà thấm thía. Tôi nhớ, lần tôi mới vào lớp 4, có cô bạn của mẹ đến chơi. Cô hỏi khẽ: "Cháu học lớp mấy rồi?". Tôi nhìn cô, giơ bốn ngón tay lên. Mẹ vội lên tiếng: "Con không được trả lời với người lớn như thế. Con lễ phép nói lại với cô đi". Tất nhiên là tôi nghe lời mẹ và ngượng nghịu trả lời. Mấy năm đã trôi qua, nhưng giờ đây, mỗi lần nhớ lại cái cử chỉ giơ bốn ngón tay lên để trả lời người bằng tuổi mẹ mình mà như trả lời bạn cùng lứa, tôi vẫn thấy xấu hổ.

Nêu bằng chứng.

Trong gia đình, mọi người đối xử với nhau theo những chuẩn mực đạo lí có giá trị lâu bền. Tình mẹ con, tình cha con, tình anh em là những tình cảm đặc biệt cao quý, thiêng liêng. Cha mẹ sẵn sàng dành cho con cái tất cả gia tài vật chất và tinh thần, được gây dựng bằng công sức, mồ hôi nước mắt suốt một đời. Anh em, chị em ruột có thể chia sẻ, tương trợ nhau mà không tính toán thiệt hơn. Một thành viên lầm lạc trở về, người thân trong gia đình sẵn lòng tha thứ và đón nhận. Trong nhà có người

Kết hợp lí lẽ và bằng chứng.

ốm đau, bệnh tật, mọi người thực sự lo lắng, săn sóc. Như vậy, nếu coi gia đình là trường học, thì trước hết, đó là trường học của tình thương và bổn phận, của dâng hiến và hi sinh, của khoan dung và độ lượng.

Khi hiểu ra nhiều điều, tôi càng thấy ý kiến của bạn Hồng Minh là rất đúng. Quả thật, gia đình không chỉ là tổ ấm, mà còn là "trường học" đầu tiên của mỗi con người. "Trường học gia đình" đồng hành và hỗ trợ cho ngôi trường nơi hằng ngày ta được học hành với thầy cô, bè bạn. Thật hạnh phúc khi mỗi chúng ta như hạt giống được ươm gieo từ giáo dục gia đình và nảy mầm, sinh trưởng tốt tươi trong môi trường giáo dục lành mạnh của xã hội.

Khẳng định lại sự tán thành ý kiến.

(*Bài làm của học sinh, có chỉnh sửa*)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

a. *Lựa chọn đề tài*

Trong cuộc sống hằng ngày, có biết bao vấn đề gợi những cách nhìn nhận, đánh giá đa chiều và được thể hiện bằng những ý kiến khác nhau. Để lựa chọn đề tài cho bài viết, em có thể tham khảo các vấn đề sau, và hình dung từ các vấn đề đó, nảy sinh những ý kiến đúng đắn, cần thể hiện sự tán thành:

– Sự hỗ trợ của người khác và nỗ lực của bản thân, yếu tố nào quan trọng hơn đối với sự thành công của mỗi người?

Mục đích viết

Khẳng định sự tán thành ý kiến, thuyết phục người đọc đồng tình với quan điểm của mình.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến vấn đề được bàn luận.

– Thành công và thất bại, mặt nào mới là trải nghiệm bổ ích giúp con người tiến bộ?

– "*Không thầy đố mày làm nên.*" và "*Học thầy chẳng tày học bạn.*", câu nào là chân lí?

– Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên?

– Đồ dùng bằng nhựa – tiện ích và tác hại.

Ngoài ra, em có thể tìm đề tài từ sách báo, in-tơ-nét hoặc các phương tiện truyền thông khác. Chọn được đề tài em thực sự am hiểu và có hứng thú thì việc viết bài mới thuận lợi.

b. *Tìm ý*

Sau khi xác định được vấn đề, cần tiến hành tìm ý bằng cách tự trả lời một số câu hỏi:

– *Vấn đề gì được nêu ra để bàn luận?*

Ngay ở phần Mở bài, vấn đề cần bàn luận phải được nêu một cách rõ ràng, cụ thể. Ví dụ: "*Tuần trước, cô giáo đã tổ chức cho lớp tôi thảo luận về đề tài: "Vai trò của gia đình đối với sự trưởng thành của mỗi người".*" (Bài viết tham khảo)

– *Vấn đề gợi ra những cách hiểu nào?*

Một vấn đề có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Đưa ra những cách hiểu như vậy là để nhìn nhận nhiều chiều về vấn đề, có cơ sở thấy được cách hiểu nào là có lí. Ví dụ: Ở bài viết tham khảo, trước đề tài nêu ra, "mỗi người một ý, bàn luận rất sôi nổi". Có người cho gia đình cũng là một trường học, có những người không tán thành ý kiến đó.

– *Ý kiến nào đáng quan tâm nhất?*

Trong những ý kiến đưa ra để đối sánh, có những ý kiến tác động tích cực đến nhiều người. Ví dụ: Trong bài viết tham khảo, khi cô giáo đưa ra đề tài "*Vai trò của gia đình đối với sự trưởng thành của mỗi người*", bạn Hồng Minh nêu quan điểm: "*Gia đình cũng là một trường học*". Ý kiến này đáng quan tâm nhất, vì nó đã gây ra một cuộc tranh luận nhỏ, thú vị, thu hút sự chú ý của các bạn trong lớp.

– *Vì sao cần bày tỏ thái độ tán thành?*

Đây là điều phải được nói rõ, dứt khoát trong bài nghị luận về một vấn đề đời sống (trình bày ý kiến tán thành). Có nêu được ý kiến ngay từ đầu mới có hướng để triển khai các phần tiếp theo của bài viết. Ví dụ: "*Riêng tôi, sau khi suy nghĩ kĩ, tôi thấy Hồng Minh hoàn toàn có lí.*" (Bài viết tham khảo)

– *Những lí lẽ và bằng chứng nào cần đưa ra để chứng tỏ sự tán thành là xác đáng?*

Câu hỏi này nhắc nhở em: Trong quá trình tìm ý, cần nêu được những lí lẽ và bằng chứng cụ thể để ý kiến tán thành có sức thuyết phục. Ở bài viết tham khảo, người viết đưa ra lí lẽ chặt chẽ và bằng chứng xác thực khiến người đọc tin rằng gia đình đúng là trường học đầu tiên của con người. Ví dụ: "*Trong gia đình, mọi người đối xử với nhau theo những chuẩn mực đạo lí có giá trị lâu bền. Tình mẹ con, tình cha con, tình anh em là những tình cảm đặc biệt cao quý, thiêng liêng.*" (Lí lẽ); "*Trong gia đình, ông bà, bố mẹ, anh chị chính là những "thầy cô" đầu tiên của chúng ta. Bài học đầu đời của ta đến từ những truyện cổ tích hấp dẫn, từ những câu ca dao trong lời mẹ hát, hay những câu tục ngữ bà dẫn ra trong lời nói hằng ngày. Đó là những bài học về đạo làm người, về cách đối nhân xử thế nhẹ nhàng, tự nhiên mà thấm thía.*" (Bằng chứng)

c. *Lập dàn ý*

Dàn ý là kết quả của việc sắp xếp hợp lí các ý đã tìm được ở trên, phân bố chúng vào từng phần khi viết bài.

Dàn ý

– *Mở bài*: Nêu vấn đề đời sống cần bàn và ý kiến đáng quan tâm về vấn đề đó.

– *Thân bài*:

+ Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận.

+ Thể hiện thái độ tán thành ý kiến vừa nêu bằng các ý:

- Ý 1: Khía cạnh thứ nhất cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)
- Ý 2: Khía cạnh thứ hai cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)
- Ý 3: Khía cạnh thứ ba cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)
- ...

– *Kết bài*: Khẳng định tính xác đáng của ý kiến được người viết tán thành và sự cần thiết của việc tán thành ý kiến đó.

2 VIẾT BÀI

Việc thực hiện bài viết đòi hỏi triển khai đầy đủ các ý đã có trong dàn ý. Muốn vậy, cần nắm vững cách viết từng phần của bài.

a. *Mở bài*

Có thể nêu vấn đề cần bàn theo cách trực tiếp hay kể một câu chuyện để dẫn đến vấn đề, giới thiệu ý kiến về vấn đề đó. Mở bài cần ngắn gọn, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của người đọc.

b. *Thân bài*

– Làm rõ các khía cạnh cơ bản của vấn đề.

– Khẳng định rõ ràng, dứt khoát thái độ tán thành ý kiến.

– Tuần tự triển khai từng ý, sử dụng lí lẽ và huy động bằng chứng để sự tán thành ý kiến có sức thuyết phục. Mỗi ý cần được viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh, giữa các đoạn có sự liên kết chặt chẽ.

c. *Kết bài*

Khẳng định lại sự tán thành ý kiến, nêu tác dụng của ý kiến đó đối với cuộc sống. Phần Kết bài nên viết trọn vẹn trong một đoạn văn.

3 CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Đọc, rà soát các phần, các đoạn của bài viết để chỉnh sửa theo yêu cầu của bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành). Cụ thể:

Nội dung rà soát	Hướng dẫn chỉnh sửa
Đã nêu rõ ý kiến cần được tán thành chưa?	Nếu ý kiến chưa nêu rõ trong phần Mở bài thì phải bổ sung.

Đã trình bày tường minh sự tán thành đối với ý kiến được nêu lên để bàn luận chưa?	Nếu việc tán thành ý kiến chưa được thể hiện rõ thì phải bổ sung ý hoặc tìm phương án diễn đạt phù hợp hơn.
Việc tán thành ý kiến đã có sức thuyết phục chưa? Lí lẽ và bằng chứng được nêu lên làm cơ sở cho sự tán thành đã thật sự thuyết phục chưa?	Bổ sung, thay đổi nếu thấy lí lẽ và bằng chứng chưa làm cho sự tán thành đủ sức thuyết phục.
Đã nói rõ được ý nghĩa của việc tán thành ý kiến chưa?	Bổ sung nếu thấy ý nghĩa của việc tán thành ý kiến còn được thể hiện mờ nhạt.
Việc dùng từ ngữ, đặt câu, duy trì mạch lạc và liên kết trong bài viết đã đạt yêu cầu chưa?	Chỉnh sửa những lỗi về từ ngữ, ngữ pháp, bổ sung từ ngữ liên kết nếu thấy giữa các câu, các đoạn còn rời rạc.

Nói và nghe

Kể lại một truyện ngụ ngôn

Em đã được học, được đọc về truyện ngụ ngôn. Hẳn nhiều truyện đã đưa lại cho em ấn tượng sâu sắc vì bài học rút ra từ đó rất gần gũi, thiết thực. Em hãy kể lại một truyện ngụ ngôn, nêu ý nghĩa của câu chuyện và chia sẻ cảm xúc của mình.

1 TRƯỚC KHI NÓI

a. *Chuẩn bị*

– Chọn được truyện ngụ ngôn mà mình yêu thích.

– Nắm được cốt truyện của truyện ngụ ngôn. Có thể tóm lược nội dung truyện theo một trật tự đơn giản, dễ hiểu.

– Lưu ý những chi tiết, hình ảnh, từ ngữ diễn đạt đặc sắc, giàu ý nghĩa.

– Có thể sáng tạo thêm những cách diễn đạt thú vị hơn để tăng sức hấp dẫn nhưng không làm sai lệch những yếu tố cơ bản của cốt truyện gốc.

Mục đích nói

Kể một truyện ngụ ngôn nhằm rút ra bài học phù hợp với tình huống đời sống, đồng thời tạo được không khí vui vẻ trong một bối cảnh sinh hoạt cụ thể.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè, những người muốn được nghe và chia sẻ cảm nhận về câu chuyện.

b. *Tập luyện*

– Kể lại truyện trước các bạn trong nhóm, chú ý bài học được thể hiện qua câu chuyện.

– Luyện kể bằng ngữ điệu truyền cảm (giọng to/ nhỏ, cao/ thấp, nhanh/ chậm, nhấn/ lướt,... thể hiện lời thoại phù hợp với đặc điểm nhân vật, cảm xúc của câu chuyện).

– Tập kết hợp lời kể với ngôn ngữ cơ thể (nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...) để cuốn hút người nghe.

2 TRÌNH BÀY BÀI NÓI

– Mở đầu: Tạo không khí thoải mái, thu hút sự chú ý của người nghe trước khi kể.

– Triển khai: Kể nội dung câu chuyện bằng lời kể sinh động; luôn tương tác với người nghe một cách tự nhiên (bằng lời nói, ánh mắt, cử chỉ,...). Có thể sáng tạo trong khi kể (không phải đọc thuộc lòng) để tạo sự lôi cuốn, nhưng không được làm sai lệch nội dung cơ bản của câu chuyện.

– Kết luận: Nêu ý nghĩa của câu chuyện.

3 SAU KHI NÓI

– Cùng người nghe bàn luận, bình phẩm về chi tiết, hình ảnh đặc sắc, bài học đạo lí rút ra từ câu chuyện vừa kể.

– Trao đổi, rút kinh nghiệm về cách sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ cơ thể (nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...).

– Bàn bạc, trao đổi về cách sáng tạo khi kể để câu chuyện thêm thú vị, làm nổi bật bài học đạo lí và những kinh nghiệm sống mà câu chuyện ngụ ngôn muốn truyền tải.

Củng cố, mở rộng

1. Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin phù hợp:

Phương diện so sánh	Truyện ngụ ngôn	Tục ngữ
Loại sáng tác		
Nội dung		
Dung lượng văn bản		

2. Sưu tầm và ghi lại những câu tục ngữ em đã nghe hoặc đọc vào vở hay một cuốn sổ nhỏ (nên chia các câu tục ngữ đó theo nhóm chủ đề).

3. Hãy viết đoạn văn (khoảng 8 – 10 câu) nêu những điều tốt đẹp em đã tiếp nhận được sau khi đọc những truyện ngụ ngôn, tục ngữ và thành ngữ trong bài học này.

4. Hãy kể lại một truyện ngụ ngôn mà ý nghĩa của nó có gắn với một thành ngữ.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Thể loại của văn bản.
- Diễn biến của câu chuyện.
- Bài học kinh nghiệm, đạo lí rút ra từ câu chuyện.

Thiên nga, cá măng và tôm hùm

I-VAN CRƯ-LỐP[1] (IVAN KRYLOV)

Làm việc gì cũng cần nhất trí,
Có thuận hoà mới dễ thành công,
Còn như lục đục, dù đông
Mỗi người một phách[2], chớ hòng[3] việc trôi.

Vào một buổi đẹp trời ba bạn
Thiên nga, tôm hùm với cá măng
Cùng nhau kéo một xe hàng,
Cả ba gắng sức – xe càng đứng im.

[1] I-van Crư-lốp (1769 – 1844) là nhà báo, nhà viết kịch, nhà thơ Nga. Ông sáng tác hơn 200 truyện ngụ ngôn (trong đó có một số truyện chịu ảnh hưởng của Ê-dốp (Aesop) và La Phông-ten (La Fontaine)).
[2] *Phách*: đơn vị đo thời gian cơ bản của nhịp trong âm nhạc. *Mỗi người một phách*: mỗi người một nhịp không đều nhau, ý nói mỗi người có cách riêng, không đồng tâm nhất trí.
[3] *Hòng*: muốn và cố thực hiện được điều biết là rất khó làm, thậm chí không thể thực hiện.

Vì sao vậy? Hãy tìm nguyên cớ
Hoá ra tôm chỉ cố giật lùi,
Thiên nga kéo bổng lên trời,
Cá măng thì cố sức bơi xa bờ.
Đến nay xe vẫn nằm trơ…
Nếu ai có hỏi, xin nhờ ngụ ngôn
Cho hay dù việc cỏn con,
Mà không nhất trí thì còn hỏng to.
Thuận chồng, thuận vợ, hát hò
Biển đông cũng cạn[1], chẳng lo lắng gì.

Thiên nga, cá măng và tôm hùm,
tranh của Vla-đi-mia A-bê-cốp (Vladimir Arbekov)

(Crư-lốp, *Truyện ngụ ngôn*, Hồ Quốc Vỹ *dịch*,
NXB Văn học, Hà Nội, 2000, tr. 61)

[1] *Biển đông cũng cạn*: lấy ý câu tục ngữ *"Thuận vợ thuận chồng tát bể (biển) đông cũng cạn."* (người dịch đã Việt hoá cách diễn đạt trong nguyên tác tiếng Nga).

BÀI 7 THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG

Lô-gíc sẽ đưa bạn từ điểm A tới điểm B.
Trí tưởng tượng sẽ đưa bạn tới mọi nơi.

An-be Anh-xtanh (Albert Einstein)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Thế giới viễn tưởng thể hiện trí tưởng tượng phong phú, không có giới hạn của con người. Nhưng mọi ý tưởng, dù kì lạ nhất, cũng vẫn có "cái lõi sự thực" của nó. Những câu chuyện khoa học viễn tưởng chính là chiếc cầu nối giữa hai bờ hiện thực và tưởng tượng.

- Các truyện khoa học viễn tưởng trong bài học này sẽ dẫn em vào những huyền thoại của khoa học, nơi em có thể thoả thích phiêu lưu và khám phá những điều diệu kì trong cuộc sống tương lai. Cảm hứng phiêu lưu và khám phá thế giới còn đến từ một văn bản thông tin viết về câu chuyện có thật của một con người bình dị đang sống quanh ta. Bằng ý chí, niềm đam mê và khát vọng, em có thể biến ước mơ trở thành hiện thực.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.
- Hiểu được đặc điểm và chức năng của liên kết và mạch lạc, công dụng của dấu chấm lửng trong văn bản.
- Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.
- Biết thảo luận về một vấn đề gây tranh cãi, xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các ý kiến khi thảo luận.
- Biết khát vọng và ước mơ; có ý chí biến khát vọng, ước mơ tốt đẹp thành hiện thực.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Truyện khoa học viễn tưởng

Truyện khoa học viễn tưởng là loại tác phẩm viết về thế giới tương lai dựa trên sự phát triển của khoa học dự đoán, thường có tính chất li kì. Truyện khoa học viễn tưởng sử dụng cách viết lô-gíc nhằm triển khai những ý tưởng về viễn cảnh hay công nghệ tương lai. Vì có nền tảng là các nguyên lí khoa học mới của thời hiện tại nên có những giả tưởng trong truyện khoa học viễn tưởng có thể trở thành sự thật. Truyện khoa học viễn tưởng xuất hiện đầu tiên ở Pháp vào khoảng nửa sau thế kỉ XIX, sau đó nhanh chóng lan rộng ra các nước như Mỹ, Anh, Ca-na-đa (Canada), Nga và phổ biến trên toàn thế giới.

Một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng

- Đề tài của truyện khoa học viễn tưởng thường là những cuộc thám hiểm vũ trụ, du hành xuyên thời gian, những cuộc kết nối với sự sống ngoài Trái Đất,... Tất cả những hoạt động ấy được thực hiện trên cơ sở những phát kiến khoa học đặc biệt trong tương lai, liên quan tới bước tiến nhảy vọt của công nghệ thông tin, công nghệ sinh học hay khoa học vũ trụ.

- Không gian của truyện khoa học viễn tưởng có thể là không gian Trái Đất (trên mặt đất, ở tâm địa cầu hay dưới đáy đại dương) hoặc ngoài Trái Đất (trên các hành tinh của hệ Mặt Trời hay trong những thiên hà xa xôi khác),... Thời gian diễn ra các câu chuyện viễn tưởng thường là thời gian trong tương lai xa, xét từ mốc ra đời của tác phẩm.

- Cốt truyện trong truyện khoa học viễn tưởng gồm một chuỗi tình huống, sự kiện hoàn toàn tưởng tượng, dựa trên những giả thuyết, dự báo và quan niệm khoa học.

- Nhân vật chính của truyện khoa học viễn tưởng thường có sức mạnh thể chất phi thường do những tác động của các nhân tố khoa học nào đó, có cấu tạo hoặc khả năng kì lạ, có trí thông minh kiệt xuất để tạo ra những phát minh.

Mạch lạc và liên kết của văn bản

- Mạch lạc là sự liền mạch về nội dung của một đoạn văn hoặc văn bản; chủ yếu dựa trên sự thống nhất về đề tài và sự tiếp nối theo một trình tự hợp lí giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn văn trong văn bản.

- Liên kết là quan hệ về mặt hình thức giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn trong văn bản, thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như từ ngữ nối, từ ngữ lặp lại, từ ngữ thay thế (từ đồng nghĩa, đại từ),...

Dấu chấm lửng

Dấu chấm lửng thường được dùng để tỏ ý nhiều sự vật, hiện tượng chưa được liệt kê hết; thể hiện lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng; làm giãn nhịp điệu của câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ thường có sắc thái hài hước, châm biếm.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Cuộc chạm trán trên đại dương* (trích *Hai vạn dặm dưới biển*), Giuyn Véc-nơ (Jules Verne)

VĂN BẢN 2. *Đường vào trung tâm vũ trụ* (trích *Thiên Mã*), Hà Thuỷ Nguyên

VĂN BẢN 3. *Dấu ấn Hồ Khanh*, Nhật Văn

VĂN BẢN 1

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Nếu là một nhà phát minh, em muốn chế tạo sản phẩm khoa học gì cho tương lai?

2. Các nhà khoa học nhận định rằng sự sống đầu tiên trên Trái Đất nảy sinh từ đại dương. Nhận định đó gợi cho em những suy nghĩ gì?

ĐỌC VĂN BẢN

Cuộc chạm trán trên đại dương[1]

Trích *Hai vạn dặm dưới biển*[2], GIUYN VÉC-NƠ

(1)

Trước rạng đông, chúng tôi đã sẵn sàng nghênh chiến. Lưới đánh cá voi đã xếp ở hai thành tàu. Thuyền phó ra lệnh chuẩn bị loại súng bắn xa một hải lí[3] và cả loại súng bắn đạn phá có thể hạ được những con thú lớn nhất. Nét Len (Ned Land) mài sắc mũi lao, một thứ vũ khí diệt cá voi lợi hại trong tay anh ta.

Sáu giờ, trời hửng sáng. Cùng với những tia sáng đầu tiên của bình minh, ánh điện của con cá thiết kình[4] cũng phụt tắt. Tới bảy giờ, trời gần sáng rõ. Nhưng sương mù dày đặc đang trải ra ở chân trời, và dùng ống nhòm loại tốt nhất cũng chẳng thấy rõ vật gì. Có thể hình dung được chúng tôi thất vọng và giận dữ đến mức nào!

Suy đoán

Con cá thiết kình này có gì khác thường?

(1) Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

(2) *Hai vạn dặm dưới biển* là tiểu thuyết khoa học viễn tưởng gồm 47 chương. Nội dung tác phẩm kể về chuyến phiêu lưu dưới đáy đại dương của giáo sư Pi-e A-rôn-nác (Pierre Aronnax), chuyên gia nghiên cứu về tự nhiên, và hai cộng sự của ông trên con tàu ngầm Nau-ti-luýt (Nautilus) của thuyền trưởng Nê-mô (Nemo). Giuyn Véc-nơ đã có một dự đoán thiên tài về kĩ thuật khi cho con tàu ngầm được thắp sáng và điều khiển bằng điện. Con tàu ngầm Nau-ti-luýt trong tưởng tượng của ông có những tính năng hiện đại, ưu việt mà khoa học kĩ thuật thời đó chưa đạt được. Văn bản *Cuộc chạm trán trên đại dương* được trích từ chương 6 và chương 7, có nhan đề *Mở hết tốc lực* và *Con cá voi không biết thuộc loại nào.*

(3) *Hải lí*: đơn vị đo độ dài trên mặt biển, 1 hải lí bằng 1,852 km.

(4) *Cá thiết kình*: còn gọi là *cá một sừng*, dài tới 18 m, có một sừng lớn.

Đến tám giờ sáng, những dải sương mù dày đặc bắt đầu trôi trên sóng và từ từ bốc lên cao. Chân trời được mở rộng và sáng rõ.

Bỗng lại có tiếng Nét Len nói:

– Nhìn xem kìa! Nó ở phía bên trái đuôi tàu!

Mọi người phóng mắt nhìn về phía đó.

Theo dõi

Chú ý chi tiết miêu tả sự xuất hiện của con cá.

Cách chiếc tàu chiến một hải lí rưỡi, có một vật dài màu đen nổi lên khỏi mặt nước độ một mét. Đuôi nó quẫy mạnh làm nước biển sủi bọt. Chưa ai thấy đuôi cá quẫy sóng mạnh như vậy bao giờ! Con cá lượn hình vòng cung, để lại phía sau một vệt sáng lấp lánh. Chiếc tàu tiến lại gần. Tôi bắt đầu ngắm kĩ con cá. Báo cáo của tàu Hen-vơ-chi-a (Helvetia) và San-nông (Shannon) hơi cường điệu kích thước của nó. Theo tôi, con cá không dài quá tám mươi mét. Chiều ngang hơi khó xác định, nhưng tôi có cảm tưởng rằng nó cân đối một cách lạ lùng về cả ba chiều.

Trong khi tôi quan sát con vật lạ, thì từ hai lỗ mũi nó vọt lên hai cột nước cao tới bốn mươi mét. Giờ đây tôi mới hình dung được đôi chút về cách thở của cá thiết kình.

Các thuỷ thủ nóng lòng chờ lệnh thuyền trưởng. Phác-ra-guýt (Farragut) quan sát con vật một lúc, rồi lệnh gọi trưởng máy.

– Hơi nước đủ rồi chứ? – Thuyền trưởng hỏi.

– Báo cáo, đủ!

– Tăng áp lực! Cho tàu chạy hết tốc độ!

Theo dõi

Cuộc đuổi bắt con cá của chiếc tàu chiến.

Nghe lệnh thuyền trưởng, toàn thể thuỷ thủ hoan hô ba lần. Giờ chiến đấu đã điểm. Mấy phút sau, hai ống khói tàu nhả ra những cuộn khói đen, boong tàu rung lên vì áp lực cao trong nồi hơi.

Chân vịt[1] bắt đầu quay. Tàu Lin-côn (Lincoln) lao thẳng về phía con cá. Nó để chiếc tàu tới cách nó chừng một trăm mét, rồi mới đủng đỉnh tránh ra một quãng khá xa.

Cuộc đuổi bắt kéo dài ít nhất bốn mươi lăm phút, nhưng tốc độ chiếc tàu không cho phép nó theo kịp con cá.

[...] Nét Len lên vị trí chiến đấu. Lò hơi hoạt động mạnh, chân vịt bắt đầu quay bốn mươi ba vòng một phút. Đồng hồ chỉ tốc độ mười tám phẩy năm hải lí một giờ.

Nhưng con cá cũng bơi với tốc độ y như vậy! Trong suốt một giờ, chiếc tàu chiến không tiến gần thêm được một sải[2]! Thật là nhục nhã cho một trong những chiếc tàu chạy nhanh nhất của hạm đội Mỹ! Anh em thuỷ thủ tức giận điên người. Họ nguyền rủa quái vật, nhưng nó vẫn phớt lờ.

(2)

[...] Có thể hi vọng rằng con cá sẽ thấm mệt và không chịu được cuộc đọ sức với chiếc tàu chạy hơi nước. Nhưng không đúng! Mấy tiếng đồng hồ đã qua mà nó chẳng tỏ vẻ gì mệt mỏi.

Nói cho công bằng thì tàu Lin-côn đã săn đuổi con cá một cách kiên trì đặc biệt. Tôi cho rằng nó đã vượt ít nhất năm trăm ki-lô-mét trong ngày mùng Sáu tháng Mười một rủi ro ấy! Nhưng đêm đã tới và trùm tấm màn đen lên đại dương đang nổi sóng.

Trong giây phút đó, tôi cảm thấy cuộc tìm kiếm của chúng tôi đã kết thúc, và từ nay sẽ không bao giờ gặp quái vật nữa. Nhưng tôi đã lầm.

Mười giờ năm mươi phút đêm hôm ấy, cách tàu ba hải lí lại bừng lên ánh điện sáng chói như đêm trước.

Con cá nằm yên. Có lẽ vì thấm mệt nên giờ đây nó ngủ. Thuyền trưởng Phác-ra-guýt quyết định lợi dụng thời cơ thuận lợi này.

Ông ta ra lệnh cho tàu chạy từ từ để đối thủ khỏi thức giấc. Bắt gặp cá voi ngủ giữa biển khơi không phải là chuyện hiếm, chính Nét Len đã bắn trúng nhiều con đang ngủ như vậy.

Nét lại lên vị trí chiến đấu. Tàu Lin-côn lặng lẽ tới cách con cá bốn trăm mét. Đến đây, máy ngừng chạy, tàu chỉ còn chuyển động theo quán tính. Trên boong im lặng hoàn toàn. Mọi người đều nín thở. Chúng tôi chỉ còn cách điểm sáng khoảng ba mươi mét. Độ sáng mỗi lúc một tăng lên làm chúng tôi loá mắt.

Tôi đứng tựa thành tàu và thấy Nét đứng phía dưới, vũ khí sẵn sàng.

Tàu chỉ còn cách con cá hơn sáu mét.

---

[1] *Chân vịt*: bộ phận máy của tàu, thuyền, có cánh quạt quay dưới nước để tạo nên sức đẩy.
[2] *Sải*: độ dài bằng khoảng cách từ đầu bàn tay này đến đầu bàn tay kia khi dang thẳng cánh tay.

Cánh tay Nét bỗng giơ cao, phóng mũi lao sắt lên không trung. Một tiếng kêu lanh lảnh phát ra như tiếng kim loại chạm nhau.

Dự đoán

Mũi lao đã đâm trúng vật gì?

Ánh điện tắt phụt. Hai cột nước khổng lồ ập xuống boong tàu, quật ngã mọi người.

Tàu kêu răng rắc một cách ghê sợ. Tôi chưa kịp bíu lấy thành tàu thì đã bị văng xuống biển!

Bất thần bị ngã xuống biển, tôi choáng váng nhưng không bị ngất.

Tôi chìm ngay xuống sâu khoảng sáu mét. Tôi bơi giỏi và không đến nỗi mất tinh thần khi rơi xuống nước.

(3)

[...] Công-xây (Conseil) dùng chút sức còn lại đẩy tôi đi. Thỉnh thoảng anh ta lại ngóc đầu lên nhìn về phía xa và kêu. Đáp lại anh ta là một tiếng người nghe càng ngày càng rõ, hình như đang tiến lại gần.

Nhưng tai tôi bắt đầu điếc đặc. Sức tôi đã kiệt, các ngón tay cứng đờ, miệng không thể mím lại được vì cơ miệng bị co rút mạnh. Tôi bị sặc nước mặn và lạnh buốt tới xương. Tôi ngóc đầu lên lần cuối cùng, rồi chìm nghỉm.

Nhưng tôi chạm ngay vào một vật rắn. Tôi níu lấy nó. Tôi cảm thấy mình được đưa lên mặt nước và dễ thở hơn... Tôi ngất đi...

Chắc là nhờ được xoa bóp mạnh toàn thân, nên tôi tỉnh lại ngay. Tôi mở mắt...

– Công-xây! – Tôi thều thào.

– Giáo sư gọi tôi ạ? – Công-xây đáp lại.

Dưới ánh trăng đang lặn, thấp thoáng một khuôn mặt mà tôi nhận ra ngay.

– Nét! – Tôi kêu lên.

– Chính tôi đây, thưa ngài! Ngài thấy đấy, tôi vẫn chạy theo món tiền thưởng!

– Anh bị văng xuống nước khi tàu gặp nạn, phải không?

– Đúng vậy! Nhưng tôi may mắn hơn ngài. Tôi gặp ngay một hòn đảo nhỏ di động.

– Một hòn đảo nhỏ?

– Nói đúng hơn là đã cưỡi trên lưng một con cá thiết kình khổng lồ.

– Tôi không hiểu anh nói gì, anh Nét ạ.

– Ngài thấy đó, tôi nghi ngờ ngay khi phát tên của tôi không đâm thủng được da con quái vật, mà chỉ trượt trên mặt ngoài của nó.

– Vì sao vậy, anh Nét? Vì sao?

– Thưa giáo sư, vì nó được bọc thép!

Hình dung

Hình dáng bên ngoài của chiếc tàu ngầm.

Khả năng suy nghĩ của tôi bỗng trở lại ngay, trí nhớ được phục hồi, tôi tỉnh hẳn là nhờ những lời nói của Nét. Tôi hơi lại sức sau cơn chấn động và trèo lên lưng vật đó. Tôi thử lấy chân gõ. Thân nó rắn như đá, không mềm như cá voi!

Nhưng nếu đó là cái mai bằng xương của loài động vật thời cổ đại thì sao? Nếu vậy thì tôi phải xếp quái vật này vào loại bò sát như rùa hay cá sấu.

Nhưng không! Cái lưng đen bóng, nơi tôi đang đứng nhẵn thín, phẳng lì chứ không có vảy. Gõ xuống, nó kêu boong boong, và lạ thay, nó lại được ghép lại bằng thép lá.

Đối chiếu

Điều em đã dự đoán khi đọc phần (2) của văn bản có phù hợp với điều được các nhân vật khám phá ở đây không?

Không còn nghi ngờ gì nữa! Cái mà người ta vẫn tưởng là động vật, là quái vật, là hiện tượng kì lạ của thiên nhiên, cái đã làm cho cả giới bác học bế tắc, đã kích động óc tưởng tượng của các thuỷ thủ ở cả hai bán cầu, lại là một hiện tượng kì diệu hơn, do bàn tay con người tạo ra.

Nếu như tôi có may mắn xác định được sự tồn tại của một động vật kì quái nhất, tôi cũng chẳng ngạc nhiên tới mức ấy. Việc thiên nhiên tạo ra những điều kì diệu chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Nhưng khi chính mắt mình trông thấy một cái gì đó kì diệu, siêu nhiên, lại do thiên tài con người tạo ra, thì đó là điều đáng suy nghĩ!

Tuy vậy, chúng tôi đâu có thì giờ để suy nghĩ nhiều. Chúng tôi đang nằm trên một chiếc tàu ngầm kì lạ trông tựa một con cá bằng thép khổng lồ. Ý kiến của Nét Len về điểm này đã rõ. Tôi và Công-xây chỉ còn việc đồng ý với anh ta.

Tôi nói:

– Nếu đây đúng là một chiếc tàu thì nhất định phải có máy móc làm nó chuyển động và người điều khiển chứ!

– Chắc là như vậy! Nét trả lời. – Nhưng tôi đứng trên hòn đảo di động này đã ba tiếng đồng hồ mà chẳng thấy một dấu hiệu nào của sự sống cả.

– Nhưng chiếc tàu chuyển động chứ?

– Thưa ngài, không! Nó bập bềnh trên sóng, chứ chẳng chuyển động chút nào.

– Chính chúng ta đã biết rõ hơn ai hết tốc độ con tàu này! Muốn đạt tốc độ đó cần có máy móc; muốn điều khiển máy móc, phải có thợ. Từ đó tôi kết luận rằng... chúng ta đã thoát chết!

– Hừm! – Nét nghi ngờ.

Đúng lúc đó, tựa như để khẳng định lời nói của tôi, phía sau chiếc tàu kì lạ đó có tiếng rít. Đúng là chân vịt bắt đầu quay, đẩy tàu chạy. Chúng tôi vội bám lấy

một chỗ ở mũi tàu nổi lên trên mặt nước chừng tám mươi xen-ti-mét. Cũng may là tàu chạy với tốc độ vừa phải.

Nét Len làu bàu:

– Chừng nào cái "phao" này còn nổi thì tôi chẳng có gì phản đối. Nhưng nếu nó giở trò lặn xuống thì cái mạng tôi chẳng đáng hai đô-la!

Anh chàng Ca-na-đa này có thể đánh giá mạng mình rẻ hơn nữa. Cần cấp tốc đàm phán với những người trong chiếc tàu này. Tôi rờ rờ mặt ngoài để tìm một cái nắp, một lỗ hổng nào đó. Nhưng từng hàng đinh bắt chặt các nếp ngoài, không để một kẽ hở nào.

Trăng đã khuất dưới chân trời. Chúng tôi chìm trong đêm tối. Phải đợi tới rạng đông để tìm cách lọt vào phía trong con tàu.

Thế là tính mạng chúng tôi hoàn toàn phụ thuộc vào ý muốn của những người điều khiển con tàu này! Họ cho tàu lặn xuống là chúng tôi toi mạng ngay! Còn nếu họ không làm như vậy thì tôi chẳng nghi ngờ gì khả năng đặt quan hệ với họ. Nếu họ không chế tạo dưỡng khí bằng phương pháp hoá học thì thỉnh thoảng họ cũng phải cho tàu nổi lên mặt biển để dự trữ không khí mới. Như vậy, phải có một lỗ thủng nào đó để lấy không khí vào trong tàu.

[...] Tôi không thể nhớ hết được tất cả những gì đã trải qua đêm đó! Tôi nhớ là đôi khi sóng yên gió lặng, từ xa vọng lại những nhịp đàn dồn dập, những âm điệu bị đứt quãng. Chiếc tàu ngầm bí hiểm này là thế nào? Nó đang chạy đi đâu? Những người trong tàu là ai? Cái động cơ kì lạ nào đã làm nó chạy được với tốc độ ghê người như vậy?

Trời đã sáng. Sương sớm vây quanh chúng tôi một màn trắng đục. Nhưng rồi sương cũng tan. Tôi đã định xem xét kĩ phần trên của thân tàu nổi lên mặt nước thì bỗng cảm thấy tàu từ từ lặn xuống.

– Ê, đồ quỷ! – Nét Len vừa quát vừa nện chân xuống vỏ tàu. – Mở ra nhanh lên!

Nhưng khó có thể nghe được cái gì, vì tiếng chân vịt quay ầm ầm. Cũng may là tàu tạm ngừng không lặn xuống nữa.

Từ phía trong tàu có tiếng then cửa lạch cạch. Nắp tàu mở ra. Một người thò đầu lên nhìn. Hắn kêu lên một tiếng gì không rõ, rồi biến mất.

Mấy phút sau, từ trong tàu bước ra tám người lực lưỡng, mặt bịt kín. Họ lẳng lặng kéo chúng tôi vào trong chiếc tàu ngầm khủng khiếp của họ.

(Giuyn Véc-nơ, *Hai vạn dặm dưới biển*, Đỗ Ca Sơn *dịch*,
NXB Văn học, Hà Nội, 2020, tr. 57 – 72)

SAU KHI ĐỌC

- **Giuyn Véc-nơ** (1828 – 1905) là nhà văn người Pháp, được xem là "cha đẻ" của thể loại truyện khoa học viễn tưởng. Ông còn được coi như "nhà tiên tri khoa học" kì tài vì đã đề cập đến những cuộc phiêu lưu kì thú bằng tàu ngầm, máy bay, tàu du hành vũ trụ trước khi con người chế tạo ra những phương tiện này. Những truyện khoa học viễn tưởng nổi tiếng của ông: *Hành trình vào Tâm Trái Đất* (1864), *Từ Trái Đất tới Mặt Trăng* (1865), *Hai vạn dặm dưới biển* (1870), *Vòng quanh thế giới trong 80 ngày* (1873), *Năm 2889* (1889),...

- *Hai vạn dặm dưới biển* được Giuyn Véc-nơ hoàn thành năm 1868. Ông tin rằng ước mơ chinh phục đại dương của con người sớm muộn sẽ được thực hiện, và chiếc tàu ngầm lí tưởng của ông hoàn toàn không phải là ý tưởng viển vông.

Em có biết?

- Nhiều chiếc tàu ngầm trên thế giới đã được đặt tên là Nau-ti-luýt.
- Chiếc tàu ngầm Nau-ti-luýt của Giuyn Véc-nơ được điều khiển hoàn toàn bằng điện năng trong khi điện chưa phải là năng lượng chủ yếu của công nghiệp thời bấy giờ.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Đọc phần (1) của văn bản và nêu những chi tiết miêu tả hình dáng lạ lùng của con cá thiết kình.
2. *Cuộc chạm trán trên đại dương* dẫn ba nhân vật Pi-e A-rôn-nác, Công-xây và Nét Len vào cuộc phiêu lưu trong không gian nào? Lúc ấy, không gian này quen thuộc hay xa lạ với họ?
3. Nhan đề *Hai vạn dặm dưới biển* đã thể hiện ước mơ gì của Giuyn Véc-nơ và những người cùng thời với ông? Ước mơ ấy ngày nay đã được hiện thực hoá như thế nào?
4. Theo em, nhà văn đã sáng tạo ra hình ảnh chiếc tàu ngầm dựa trên cơ sở hiện thực nào?
5. Nêu tác dụng của việc nhà văn đã để cho một nhà khoa học vào vai người kể chuyện ngôi thứ nhất.
6. Liệt kê những câu văn thể hiện tư duy lô-gíc đặc trưng của truyện khoa học viễn tưởng trong đoạn kể lại những phán đoán của nhân vật giáo sư Pi-e A-rôn-nác – người kể chuyện – về chiếc tàu ngầm.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

7. Đề tài của tác phẩm *Hai vạn dặm dưới biển* là gì? Hiện nay, đề tài đó có còn nhận được sự quan tâm đặc biệt của chúng ta nữa hay không? Vì sao?

8. Theo em, con người cần làm gì để vừa chinh phục đại dương vừa không làm ảnh hưởng đến môi trường biển?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) kể tiếp (theo tưởng tượng của em) về sự kiện diễn ra sau tình huống nhân vật "tôi", Công-xây và Nét Len bị kéo vào bên trong con tàu ngầm.

Thực hành tiếng Việt

MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT

1 Hãy phân tích tính mạch lạc của đoạn văn sau:

Sáu giờ, trời hửng sáng. Cùng với những tia sáng đầu tiên của bình minh, ánh điện của con cá thiết kình cũng phụt tắt. Tới bảy giờ, trời gần sáng rõ. Nhưng sương mù dày đặc đang trải ra ở chân trời, và dùng ống nhòm loại tốt nhất cũng chẳng thấy rõ vật gì. Có thể hình dung được chúng tôi thất vọng và giận dữ đến mức nào!

2 Hãy chỉ ra các phương tiện liên kết được sử dụng trong đoạn trích sau và nêu chức năng của chúng:

Cách chiếc tàu chiến một hải lí rưỡi, có một vật dài màu đen nổi lên khỏi mặt nước độ một mét. Đuôi nó quẫy mạnh làm nước biển sủi bọt. Chưa ai thấy đuôi cá quẫy sóng mạnh như vậy bao giờ! Con cá lượn hình vòng cung, để lại phía sau một vệt sáng lấp lánh. Chiếc tàu tiến lại gần. Tôi bắt đầu ngắm kĩ con cá. Báo cáo của tàu Hen-vơ-chi-a và San-nông hơi cường điệu kích thước của nó. Theo tôi, con cá không dài quá tám mươi mét. Chiều ngang hơi khó xác định, nhưng tôi có cảm tưởng rằng nó cân đối một cách lạ lùng về cả ba chiều.

3 Theo em, có thể sắp xếp các câu trong đoạn văn dưới đây theo một trật tự khác được không? Vì sao?

Nhận biết mạch lạc và liên kết của văn bản

Đọc đoạn văn sau:

*Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, những **bức tranh** của thí sinh treo kín bốn bức tường. Bố, mẹ tôi kéo tôi chen qua đám đông để xem **bức tranh** của Kiều Phương đã được đóng khung, lồng kính. Trong **tranh**, một **chú bé** đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt **chú bé** như toả ra một ánh sáng rất lạ. Toát lên từ cặp mắt, tư thế ngồi của **chú** không chỉ sự suy tư mà còn rất mơ mộng nữa.*

(Tạ Duy Anh, *Bức tranh của em gái tôi*)

Có thể thấy nội dung chính của đoạn văn nói về bức tranh của Kiều Phương. Các câu được sắp xếp theo một trình tự hợp lí: miêu tả sự vật dựa trên nguyên tắc từ xa (những bức tranh trong phòng triển lãm) đến gần (bức tranh của Kiều Phương). Sự thống nhất về đề tài được nói đến (bức tranh) và trình tự sắp xếp hợp lí của các câu nói về bức tranh làm cho đoạn văn

(1) *Nhưng con cá cũng bơi với tốc độ y như vậy!* (2) *Trong suốt một giờ, chiếc tàu chiến không tiến gần thêm được một sải!* (3) *Thật là nhục nhã cho một trong những chiếc tàu chạy nhanh nhất của hạm đội Mỹ!* (4) *Anh em thuỷ thủ tức giận điên người.* (5) *Họ nguyền rủa quái vật, nhưng nó vẫn phớt lờ.*

4 Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) kể lại một tình huống trong *Cuộc chạm trán trên đại dương*. Thuyết minh ngắn gọn về mạch lạc và liên kết của đoạn văn.

được mạch lạc. Đoạn văn cũng bảo đảm tính liên kết về mặt hình thức giữa các câu thể hiện qua việc dùng từ ngữ đồng nghĩa và từ ngữ lặp lại (*bức tranh*, *tranh*, *chú bé*, *chú*).

Như vậy, nhờ mạch lạc mà người đọc có thể tiếp nhận và hiểu được ý nghĩa của đoạn văn một cách dễ dàng, còn liên kết về mặt hình thức giữa các câu là phương tiện tạo nên tính mạch lạc của đoạn văn.

VĂN BẢN 2

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Nêu hiểu biết của em về hệ Mặt Trời.

2. Tìm đọc và trình bày trước lớp một vài thông tin cơ bản về người đầu tiên trên thế giới thực hiện chuyến bay vào vũ trụ.

ĐỌC VĂN BẢN

Đường vào trung tâm vũ trụ

Trích *Thiên Mã*[1], HÀ THUỶ NGUYÊN[2]

[...] Chúng tôi dừng chân ở một bãi cỏ vắng người phía bên kia đền và trốn trong rừng. Sẽ rất bất tiện nếu để khách du lịch phát hiện ra một con ngựa có cánh đang lai vãng gần khu thánh địa của Hy Lạp! Chúng tôi thả Thần Thoại[3] trong rừng và nó cũng đủ thông minh để biết cách tự bảo vệ mình. Thần Đồng rủ tôi đi xuống bảo tàng dưới chân núi, nơi trưng bày bức tượng Nhân Sư[4] quý giá.

Hình dung

Hình ảnh con ngựa có cánh.

(1) *Thiên Mã* là cuốn tiểu thuyết khoa học viễn tưởng, gồm 10 chương, kể về những cuộc phiêu lưu của nhân vật người kể chuyện xưng "tôi", một cô bé mới lớn, với cậu bé Thần Đồng và con ngựa có cánh Thần Thoại. Các nhân vật này đã tới các nền văn minh lớn của thế giới, khám phá các công trình cổ, bay vào Tâm Vũ Trụ và ghé thăm thành phố Át-lan-tíc (Atlantic) chìm dưới đáy biển sâu,... Đoạn trích *Đường vào trung tâm vũ trụ* nằm ở chương 2, nói về việc các nhân vật chính quyết định đi tới Hy Lạp để giải câu đố viết bằng tiếng Hê-bơ-rơ (Hebrew) trên phiến đá, nhằm tìm được lối vào trung tâm vũ trụ.

(2) Hà Thuỷ Nguyên sinh năm 1986 tại Hà Nội. Một số tác phẩm đã xuất bản: *Điệu nhạc trần gian* (2004), *Bên kia cánh cửa* (2005), *Thiên Mã* (2010),...

(3) *Thần Thoại*: tên con ngựa do nhân vật Thần Đồng tạo ra bằng cách lấy các thông số gen của thiên nga cấy ghép vào phôi ngựa.

(4) *Nhân Sư*: nhân vật đầu người mình sư tử trong thần thoại Hy Lạp.

Pho tượng đã bị bào mòn, không còn sắc nét nhưng vẫn nguyên vẹn vẻ cao ngạo và thần thánh. Trong khi tôi xem xét pho tượng để tìm kiếm manh mối thì hắn lại lang thang ở quầy tạp phẩm. Tính mua quà lưu niệm chắc! Hừ! Hắn thật rảnh rỗi, chẳng biết lo công việc gì cả! Tôi đành cặm cụi làm một mình vậy. Mất một lúc lâu, tôi vẫn không tìm thấy dấu vết gì.

Bộp! Tôi bị giáng một cú vào đầu đau điếng trong khi đang cúi xem từng vết tích. Hắn! Và một cuốn sách!

– Làm cái quái gì vậy? Sao lại đánh người ta!

Hắn nhún vai như không có gì, chìa cho tôi xem quyển sách.

– Xem đi… Đây là nơi đặt hòn đá *trung tâm của vũ trụ!*

"Trung tâm của vũ trụ"? Tôi lặp lại lời hắn. Câu đố cũng nhắc tới "trung tâm của vũ trụ". Tôi không thể hình dung trung tâm của vũ trụ sẽ như thế nào! Nhưng tôi nóng lòng khám phá nơi ấy quá… Ai ngờ hòn đá lại hiện diện ngay trong bảo tàng này. Hòn đá Ôm-phe-lốt[1] (Omphalos) đó được điêu khắc, chạm trổ tinh vi. Nhưng cũng chỉ là một tác phẩm nghệ thuật bình thường, chẳng ra dáng của tầm vũ trụ gì cả. Có thể đây chỉ là bản cóp-pi mà người xưa tạc nên để đánh lạc hướng thiên hạ chăng!

Theo dõi

Đặc điểm của hòn đá Ôm-phe-lốt.

– Tớ nghĩ rằng phiến đá đó vẫn nằm đâu đó trong đền thờ! Để tối vào đó xem… – Thần Đồng bặm môi suy tính.

Chúng tôi phải đợi đến lúc tối mù tối mịt mới dắt Thần Thoại đột nhập đền. Dưới trăng, những cột đá hoa cương ánh lên sắc sáng bạch như những ngọn nến trắng khổng lồ. Theo sơ đồ, chúng tôi lần đến vị trí đặt hòn đá trung tâm của vũ trụ. Chẳng hiểu thật giả thế nào nhưng câu đố đã đề cập đến thì hẳn phải có một manh mối nào đó.

Theo truyền thuyết, thần Dớt[2] (Zeus) cho hai con đại bàng bay theo chiều vuông góc với nhau, một con bay dọc và một con bay ngang; điểm giao nhau giữa chúng chính là "cái rốn" của vũ trụ. Cả Thần Đồng và tôi đều tin "cái rốn" ấy hẳn vẫn còn ở trong đền chứ không thể là hòn đá Ôm-phe-lốt kia. Chúng tôi lần mò từng ngóc ngách, từ điện thờ thần A-pô-lô[3] (Apollo) đến thánh đường A-then-na Pờ-rô-nai-a (Athena Pronaia), thậm chí không bỏ sót những vết tích còn lại của đấu trường, rạp hát,… bên bờ suối Cát-xta-líc (Castalic).

(1) *Hòn đá Ôm-phe-lốt*: trong câu chuyện, đây là hòn đá thiêng, "chìa khoá" để mở lối dẫn vào trung tâm vũ trụ.
(2) *Thần Dớt*: vị thần tối cao, chúa tể của các vị thần trên đỉnh Ô-lim-pơ (Olympus) trong thần thoại Hy Lạp.
(3) *Thần A-pô-lô*: thần ánh sáng, chân lí và nghệ thuật, con trai của thần Dớt.

– Tớ nghĩ ta nên quay lại điện thờ thần A-pô-lô, vì trong câu đố có nhắc đến vị thần đội vòng nguyệt quế và nhấn mạnh rằng chúng ta cần phải bày tỏ lòng thành kính… – Tôi kết luận sau khi đã kiểm tra một vòng.

– Có lí! Nhưng mà cái khoản bày tỏ lòng thành kính ấy, cậu bày tỏ đi nhé…

Tôi nguýt một cái xa lơ xa lắc. Đàn ông con trai, đa phần đều là những kẻ vô thần, vậy mà tại sao trong thế giới thần linh, lại chủ yếu là các nam thần nhỉ? Chúng tôi quay lại điện thờ thần A-pô-lô. Nửa đêm, mặt trăng cao vút và trong vắt. Theo thần thoại, nữ thần Mặt Trăng Ác-tê-mít[1] (Artemis) chính là em gái song sinh của thần A-pô-lô. Đêm nay, nữ thần trị vì bầu trời và biết đâu chẳng mang cho chúng tôi ít nhiều may mắn!

Bỗng nhiên, Thần Đồng bị hụt chân, ngã dúi dụi. Một cái hố vô duyên nằm ngay giữa lối đi. Tôi đỡ Thần Đồng dậy.

– Cái hố vô duyên! – Hắn làu bàu.

– Chẳng qua chỉ là cái… ổ voi thôi mà! Ai bảo có người "mắt toét"! – Tôi khích.

Chẳng thèm để ý cái trò trẻ con của tôi, hắn đi một vòng quanh hố. Hố không rộng nhưng khá sâu so với một cái ổ gà thông thường. Hắn bắt tôi cầm đèn pin còn hắn cúi xuống, sờ soạng dưới đáy. Cái hố đã vô tình trở thành một hố rác với đủ các loại sỏi cát, lá khô, giấy vụn,… Hắn chăng nê hà, bới hết rác rưởi lên. Hắn bới mãi, bới mãi, cho đến khi chạm vào bề mặt đá. Dưới ánh đèn hiển hiện một cái rãnh tròn nhỏ, giống như vòng xoay của một động cơ cổ.

– Cần một cái gì đó để lắp vào đây! – Thần Đồng xoa cằm ngẫm nghĩ.

Tôi áng chừng kích cỡ của hố; nó tương đương với cái gì nhỉ? Phải rồi! Hòn đá Ôm-phe-lốt! Thần Đồng chắc cũng đã đoán ra, hắn nói rất nhanh như ra lệnh:

– Cậu đợi ở đây một lát! Tớ đi đằng này với Thần Thoại!

Rồi chẳng để tôi kịp phản ứng, hắn nhảy lên mình ngựa. Con ngựa cất cánh, bay đi trong nháy mắt. Giờ chỉ còn mình tôi giữa bốn bề quạnh quẽ, y như cái buổi bị lạc trên sa mạc. Ở đây tuy không hoang vắng nhưng chẳng hiểu sao tôi lại thấy đáng sợ hơn. Tôi sợ một hồn ma bóng quế nào đó đột ngột hiện lên doạ tôi. Hắn thừa biết con gái, nhất là một tiểu thư cành vàng lá ngọc như tôi, rất nhát gan, vậy mà hắn nỡ lòng vứt tôi chơ vơ ở đây! Hắn đi đâu không biết? Việc gì mà bí mật tới mức không thể cho tôi đi cùng được.

Tôi chợt nhớ ra chiếc đồng hồ hắn cho tôi. Bật chức năng định vị, tôi thấy rõ sự di chuyển của hắn trên bản đồ. Cái gì thế này? Hắn đang ở Bảo tàng khu di tích Đen-phi (Delphi). Hắn làm gì ở đấy? Chẳng lẽ hắn đến tìm hòn đá Ôm-phe-lốt? Nhưng tìm

[1] *Ác-tê-mít*: thần săn bắn, con gái của thần Dớt.

thì cũng có mang tới đây được đâu; chẳng phải người ta đã đặt chình ình tấm biển đề "Không sờ vào hiện vật" ở đó hay sao. Có khi nào hắn định… ăn trộm? Nghĩ đến đây tôi càng thêm lo lắng. Đời nào hệ thống an ninh trong bảo tàng lại để hắn lượn ra lượn vào tự do rồi chôm đồ như chốn không người chứ.

Chưa đầy nửa tiếng sau tôi đã thấy hắn cưỡi Thần Thoại trở về. Sau lưng hắn gùi hòn đá Ôm-phe-lốt mà mới hồi chiều chúng tôi còn cho rằng vô giá. Tôi cau có:

– Cậu làm trò gì thế? Sao lại ăn trộm hòn đá này?

– Chúng ta không ăn trộm! – Hắn nhún vai. – Chúng ta chỉ mượn tạm thôi! Dùng xong sẽ mang trả lại! Tớ cũng tò mò muốn biết nơi nào được gọi là trung tâm của vũ trụ.

Nói đoạn, hắn đặt hòn đá xuống hố. Vừa như in! Mặt Trăng chiếu một chùm sáng vào chính giữa hòn đá. Hòn đá toả hào quang rực rỡ khiến chúng tôi chói mắt, lùi vài bước. Chợt, mặt đất rung chuyển. Tôi thấy hắn ôm chầm lấy tôi, nấp trong đôi cánh của Thần Thoại. Chúng tôi cảm thấy mình đang di chuyển, lúc lên cao, lúc xuống thấp, với tốc độ nhanh chóng mặt như đi trên một chiếc thang máy siêu tốc.

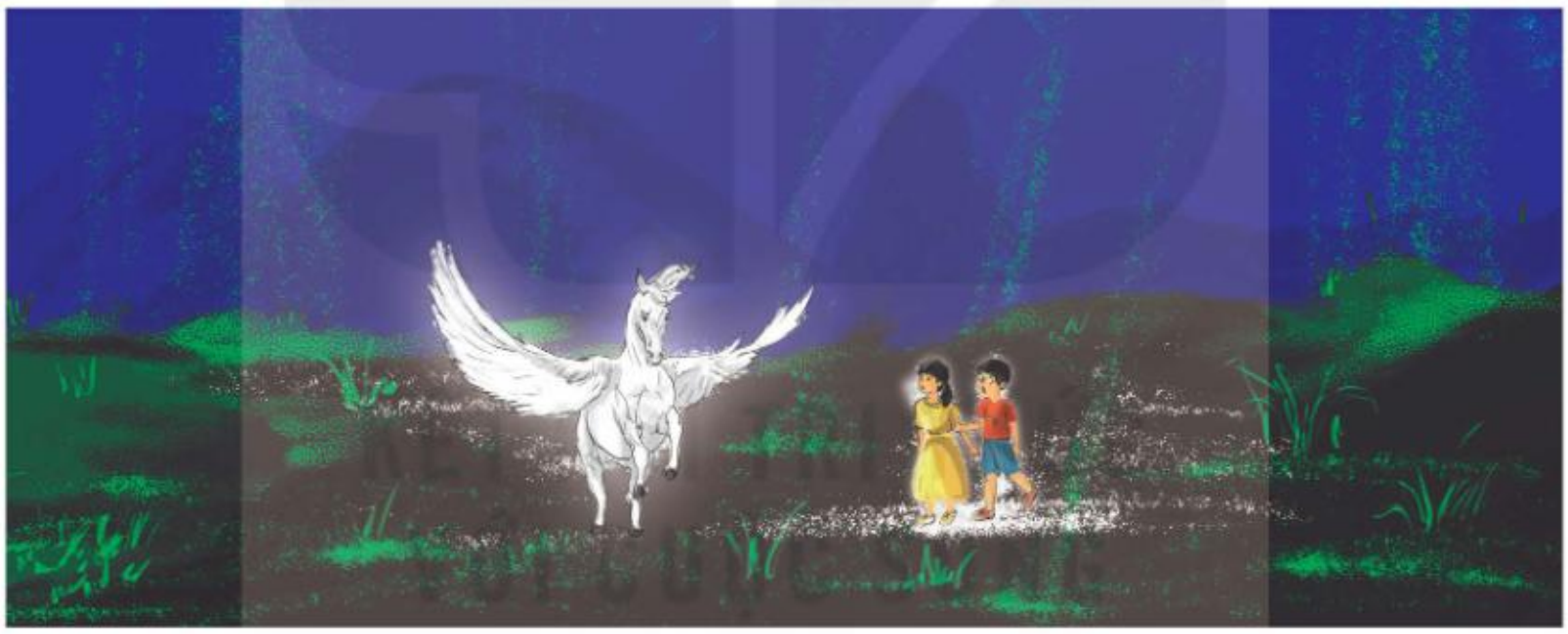

"Uỳnh"! Chúng tôi mở mắt ra và thấy mình đang đứng giữa một không gian kì lạ. Đó là một thung lũng lọt thỏm dưới những núi đá cao vời vợi, không biết đến tận cùng. Tít tít trên cao xanh không có mây, không có mặt trời, cũng chẳng trăng sao; không gì cả, ngoài một tầng cao hoăm hoắm. Xung quanh được thắp sáng bằng bột lân tinh, giống như thứ bột mà Thần Đồng đã dùng để thắp sáng căn phòng của Nhân Sư.

Hình dung

Không gian trung tâm vũ trụ.

– Có phải… có phải chúng ta… – Tôi lắp bắp, không nói nên lời.

– Chúng ta đang ở trung tâm của vũ trụ! – Hắn khẳng định.

Thần Thoại cũng ngoái ngang ngoái dọc, cảnh sắc này quá kì lạ với nó! Chính tôi cũng há hốc mồm, không tin vào cảnh tượng trước mắt. Một thế giới trong lòng thế giới! Hòn đá Ôm-phe-lốt đã tạo ra một *bước nhảy* không gian, đưa chúng tôi tới nơi

được gọi là "cái rốn của vũ trụ". Tôi cứ lắp ba lắp bắp hai tiếng "trung tâm" khiến Thần Đồng sốt ruột.

– Cậu lắp bắp gì thế? Chúng ta còn cả một không gian mênh mông để khám phá đấy, chẳng phải chuyện chơi đâu!

Tôi vẫn chôn chân tại chỗ, chưa hết ngạc nhiên. Chẳng nói chẳng rằng, tôi mở ba lô của Thần Đồng, tìm cái máy tính đa-di-năng[1] của hắn. Tôi truy cập in-tơ-nét mãi mà chẳng được! Sực nhớ ra chúng tôi đã xa Trái Đất lâu rồi, đã nằm ngoài vùng phủ sóng rồi. Tôi bừng tỉnh, thở dài. Hắn quan tâm vỗ về tôi:

– Sao rồi? Có gì nghiêm trọng à? Cậu biết điều gì à?

– Cậu đã đọc Giuyn Véc-nơ chưa?

– Thời giờ đâu mà quan tâm tới văn học! – Hắn lắc đầu. – Đam mê của tớ không phải là chữ nghĩa! Nhưng tớ biết, đó là tác giả của *Hai vạn dặm dưới biển*. Mà liên quan gì đến ông ta...

Tôi chạy lại gần những cây nấm khổng lồ cao hơn hai mét xen giữa những gốc dương xỉ cao ngất, rậm rạp. Đặt nhẹ tay lên đó, rồi vỗ thật mạnh một cái để kiểm chứng, tôi nói một lèo như thuyết trình:

– Giuyn Véc-nơ là tác giả tiểu thuyết khoa học viễn tưởng vĩ đại nhất thế giới. Từ thế kỉ XIX ông ta đã có thể tiên tri về viễn cảnh những tàu điện ngầm, những toà cao ốc, thậm chí cả việc con người đặt chân lên Mặt Trăng. Ông ta từng viết một quyển sách nhan đề *Hành trình vào Tâm Trái Đất*. Trong đó kể về những cây nấm cổ đại khổng lồ, những con khủng long từ thời tiền sử, những con chim điện quý hiếm,... Nói chung, cái gọi là Tâm Trái Đất ấy cũng giống như một bảo tàng sống động, lưu giữ tất cả những gì đã biến mất khỏi mặt đất!

Theo dõi

Tâm Trái Đất theo như miêu tả của Giuyn Véc-nơ.

Thần Đồng mê mải nghe những lời giảng giải của tôi. Hắn là nhà khoa học. Câu hỏi đầu tiên chạy qua đầu hắn chắc chắn là: Sao có thể lưu giữ được những "hiện vật" này? Hắn cũng sờ lên thân cây để chắc chắn đó không phải là hư ảnh được thời gian lưu giữ tại một chiều không gian thứ tư.

Chúng tôi nghe đâu đó tiếng vo ve của côn trùng đang đến gần. Ngẩng lên, chúng tôi thấy một con chuồn chuồn khổng lồ đang bay qua với sải cánh rộng như của loài đại bàng. Thân hình nó óng ánh lân tinh! Bốn cái cánh khoẻ khoắn, đập nhanh như cánh quạt. Đứng giữa khu rừng cổ sinh này, chúng tôi chẳng khác gì loài vật kí sinh nhỏ bé, thậm chí, còn chẳng to hơn một con côn trùng.

– Theo Giuyn Véc-nơ thì đây là Tâm Trái Đất. Chẳng lẽ Tâm Trái Đất chính là Tâm Vũ Trụ? – Tôi thắc mắc.

[1] *Đa-di-năng*: có nhiều chức năng khác nhau (nghĩa trong văn bản).

– Tớ cho rằng Giuyn Véc-nơ đã sai! Đây đúng ra là Tâm Vũ Trụ! Tâm Trái Đất chỉ có khoáng chất. Bằng cách nào đó, Giuyn được biết về nơi này, có thể là nhờ bước dịch chuyển không gian bất ngờ như vừa rồi… Và người phương Tây thế kỉ XIX chẳng thể nghĩ xa hơn tầng ô-dôn!

Lập luận của Thần Đồng rất hợp lí. Nhưng bất kể đây là *tâm* của cái gì thì việc quan trọng với chúng tôi lúc này là phải tìm ra mảnh ghép thứ hai và nghĩ cách thoát khỏi đây. Không thể chậm trễ, bởi nếu những điều ông nhà văn mà người đời vẫn cho là huyễn tưởng ấy nói đúng thì nhiệt độ ngày đêm nơi đây chênh lệch khá lớn. Càng về đêm, nhiệt độ càng tăng và đỉnh điểm sẽ lên tới 70°C, thế thì chúng tôi sẽ trở thành món bít tết nướng tái.

Hình dung

Không gian khu rừng cổ sinh với những sinh vật kì lạ.

Chở chúng tôi trên lưng, Thần Thoại bay qua những ngọn cây cao nhất của khu rừng cổ sinh. Tôi ngó xuống dưới và thấy một con khủng long Spi-nô-sô-rớt Ê-gip-ti-cớt (Spinosaurus Aegipticus), loài bạo chúa mà tôi nhớ mãi khi xem phần ba bộ phim *Công viên kỉ Giu-ra* (*Jura*), đang ăn thịt một con voi ma mút. Nếu không có Thần Thoại, có lẽ chúng tôi cũng trở thành món lót dạ của những con vật tồn tại cách đây một trăm sáu mươi triệu năm rồi.

Bay qua khu rừng cổ sinh, chúng tôi lại tiếp tục kinh ngạc trước vẻ đẹp yên bình như chốn thần tiên. Chúng tôi đứng trước một dòng suối hiền hoà với cây cầu vồng đủ bảy sắc màu rực rỡ. Dường như cây cầu vồng ấy vĩnh viễn không bao giờ biến mất. Nhưng nó vẫn chưa kì lạ bằng hình ảnh đoàn người cá ngồi trên mỏm đá. Người chải đầu, người đọc sách, người chơi nhạc,… Họ có khuôn mặt của loài người, mỗi người một vẻ, và đặc biệt là những cái đuôi cá giống hệt như miêu tả của An-đéc-xen trong các câu chuyện cổ. Riêng chi tiết này thì không thấy Giuyn Véc-nơ nhắc tới. Có lẽ ông ta chưa từng biết tới nơi đây cũng nên! Như vậy là chúng tôi may mắn hơn vị tiểu thuyết gia đại tài đó rồi…

Theo miêu tả của Giuyn Véc-nơ, chốn này như một phòng trưng bày lưu giữ tất cả những sinh vật đã tuyệt diệt. Tôi nhớ lại lời của Nhân Sư rằng xưa kia, giống sư tử đầu người cùng với các sinh vật huyền bí [1] khác đã từng làm chủ Địa Cầu trước loài người. Vừa rồi, chúng tôi đã gặp người cá. Liệu chúng tôi còn gặp sinh vật nào nữa? Ngược lên thượng nguồn là một cánh đồng cỏ rộng mênh mông. Hương thơm của loài dã thảo khiến tôi dễ chịu vô cùng. Thần Thoại sà cánh, chạm xuống mặt đất. Nó có vẻ thích thú khi được giẫm lên cỏ non. Thần Đồng và tôi xuống ngựa, để Thần Thoại có một lúc tận hưởng không gian bát ngát của thảo nguyên mà nó vẫn gặp trong những giấc mơ.

(Hà Thuỷ Nguyên, *Thiên Mã*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2011, tr. 53 – 60)

[1] *Huyền bí*: bí ẩn và có vẻ mầu nhiệm, khó hiểu, khó khám phá.

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Câu chuyện xảy ra trong những không gian nào? Em hãy kể tóm tắt những diễn biến chính của câu chuyện.
2. Kể tên các nhân vật xuất hiện trong văn bản và nêu ấn tượng của em về một nhân vật dị thường trong số đó.
3. Theo lời nhân vật người kể chuyện, nhà văn Giuyn Véc-nơ đã miêu tả không gian Tâm Trái Đất như thế nào? Giữa Tâm Trái Đất với Tâm Vũ Trụ có mối liên hệ gì?
4. "Bước nhảy không gian" kì diệu đã đưa các nhân vật chính trở lại với khoảng thời gian nào?
5. Em hãy hình dung không gian thảo nguyên ở cuối văn bản, tiếp tục tưởng tượng thêm những loài sinh vật kì lạ sống ở đó và miêu tả bằng lời của mình.
6. Em có thích ý tưởng về công nghệ gen được đề cập trong văn bản không? Em suy nghĩ gì nếu công nghệ gen đó trở thành hiện thực?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Hãy tưởng tượng em sở hữu phát minh "bước nhảy không gian". Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) kể về không gian em định tới (không gian vũ trụ, Tâm Trái Đất hoặc các hành tinh khác).

Thực hành tiếng Việt

DẤU CÂU

1 Chỉ ra công dụng của dấu chấm lửng trong các trường hợp sau:

a. *Nhưng tôi chạm ngay vào một vật rắn. Tôi níu lấy nó. Tôi cảm thấy mình được đưa lên mặt nước và dễ thở hơn... Tôi ngất đi...*

b. *Chính chúng ta đã biết rõ hơn ai hết tốc độ con tàu này! Muốn đạt tốc độ đó cần có máy móc; muốn điều khiển máy móc, phải có thợ. Từ đó tôi kết luận rằng... chúng ta đã thoát chết!*

c. *Chúng tôi lần mò từng ngóc ngách, từ điện thờ thần A-pô-lô đến thánh đường A-then-na Pờ-rô-nai-a, thậm chí không bỏ sót những vết tích còn lại của đấu trường, rạp hát,... bên bờ suối Cát-xta-líc.*

Nhận biết công dụng của dấu chấm lửng

- Dấu chấm lửng phối hợp với dấu phẩy ngầm cho biết nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết:

Sau khi có vẻ đã hài lòng, nó lôi trong túi ra ba bốn lọ nhỏ, cái màu đỏ, cái màu vàng, cái màu xanh lục,... đều do nó tự chế.

(Tạ Duy Anh, *Bức tranh của em gái tôi*)

- Dấu chấm lửng thể hiện lời nói bỏ dở, ngập ngừng, ngắt quãng:

Hay là bây giờ em nghĩ thế này... Song anh có cho phép nói em mới dám nói...

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)

– Tớ nghĩ ta nên quay lại điện thờ thần A-pô-lô, vì trong câu đố có nhắc đến vị thần đội vòng nguyệt quế và nhấn mạnh rằng chúng ta cần phải bày tỏ lòng thành kính... – Tôi kết luận sau khi đã kiểm tra một vòng.

– Có lí! Nhưng mà cái khoản bày tỏ lòng thành kính ấy, cậu bày tỏ đi nhé...

- Dấu chấm lửng làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ thường có sắc thái hài hước, châm biếm:

Tôi đã đọc đâu đó một câu rất hay: "Chỗ giống nhau nhất của mọi người trên thế gian này là... không ai giống ai cả".

(Lạc Thanh, *Xem người ta kìa!*)

2 Tìm trong văn bản *Đường vào trung tâm vũ trụ* một câu có dấu chấm lửng với công dụng làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung hài hước.

3 Nêu công dụng của dấu ngoặc kép trong các câu sau:

a. *Cả Thần Đồng và tôi đều tin "cái rốn" ấy hẳn vẫn còn ở trong đền chứ không thể là hòn đá Ôm-phe-lốt kia.*

b. *Câu hỏi đầu tiên chạy qua đầu hắn chắc chắn là: Sao có thể lưu giữ được những "hiện vật" này?*

4 Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về một nội dung được gợi ra từ văn bản *Đường vào trung tâm vũ trụ*, trong đó có sử dụng dấu chấm lửng.

VĂN BẢN 3

ĐỌC VĂN BẢN

Dấu ấn Hồ Khanh

NHẬT VĂN

Nói đến du lịch Quảng Bình[1] là người ta nghĩ ngay đến di sản thiên nhiên thế giới Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, xứ sở được ví như vương quốc của hệ thống hang động. Trong hành trình tìm kiếm, khám phá và quảng bá các hang động ở Quảng Bình của các nhà thám hiểm có sự góp sức không nhỏ của một người dân vùng di sản. Đó là Hồ Khanh, người phát hiện ra hang Sơn Đoòng và rất nhiều hang động ấn tượng khác.

Quê hương của Hồ Khanh (thôn Phong Nha, xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch[2]) được thiên nhiên ưu đãi, ban tặng cho nhiều cảnh quan thiên nhiên cùng hệ thống hang động tuyệt mĩ. Trước đây, khi du lịch chưa được khai thác mạnh, những người dân trong làng của Hồ Khanh đều sống bằng nghề đi rừng, tìm trầm và Hồ Khanh cũng là thợ sơn tràng[3] chuyên nghiệp.

(1) *Quảng Bình*: nay thuộc tỉnh Quảng Trị.
(2) *Xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch*: nay thuộc xã Phong Nha, tỉnh Quảng Trị.
(3) *Thợ sơn tràng*: người làm nghề khai thác sản vật rừng theo lối thủ công.

Chỉ khác là trong mỗi chuyến đi, người ta chỉ lo việc kiếm tiền còn Hồ Khanh lại dành nhiều thời gian hơn để chiêm ngưỡng các hang động đá vôi bởi vẻ đẹp hiếm có muôn hình đủ dạng được tạo ra từ các khối thạch nhũ. Cũng từ cái công việc nay đây mai đó ấy và tính tò mò thích khám phá mà Hồ Khanh tình cờ phát hiện ra những hang động đẹp.

Song ấn tượng nhất là có một lần đi rừng gặp mưa, Hồ Khanh ghé vào một hang đá để tạm trú và điều hết sức đặc biệt là từ hang đá này, anh cảm nhận được bầu không khí mát mẻ lạ thường, có thể nghe rõ tiếng gió rít qua vách đá. Đó là vào khoảng năm 1989. Và sự phát hiện này đã làm thay đổi cuộc đời của Hồ Khanh.

Từ giã cuộc sống sơn tràng với những chuyến đi rừng, Hồ Khanh lại tất bật với chuyện "cơm, áo, gạo, tiền". Chuyện cái hang có luồng gió mát lạ ấy và nhiều hang đá khác coi như tạm quên. Song vì là người đi nhiều, biết nhiều, thông thuộc địa hình nên Hồ Khanh luôn được người dân trong làng giới thiệu với những nhà khoa học đến đây để tìm hiểu, nghiên cứu hang động. Và rồi Hồ Khanh trở thành cái tên quen thuộc gắn liền với những "chiến tích" khám phá hang động của các nhà nghiên cứu khoa học.

Sơn Đoòng lần đầu được giới thiệu vào năm 2009 từ sự phát hiện của Hồ Khanh, ảnh tư liệu

Từ năm 1999 đến 2004, Hồ Khanh đã dẫn nhiều đoàn như đoàn cán bộ khoa học Việt Nam – Đan Mạch, đoàn cán bộ khoa học Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, đoàn khám phá hang động Hoàng gia Anh,... đến các khu vực Lèn Hai, Lò Đò, So Đũa, Đoòng, Rú Chẻ,... để nghiên cứu dơi, linh trưởng, khám phá hệ thống hang Vòm tại khu vực Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Qua các đợt tiếp xúc làm việc với Hồ Khanh, ông Hô-oát Lim-bơ, Trưởng đoàn khám phá hang động Hiệp hội hang động Hoàng gia Anh đã có cảm tình đặc biệt với sự nhiệt tình, chu đáo và cả sự đam mê với khám phá hang động của anh.

Ông đã mời Hồ Khanh hợp tác trong vai trò người dẫn đường cho đoàn khám phá hang động tại khu vực Hạ Đoòng, Hung Thùng thuộc Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Dấu chân của Hồ Khanh có mặt khắp nơi, anh tiếp xúc với nhiều đoàn nghiên cứu trong và ngoài nước như đoàn của dự án linh trưởng (Đức) nghiên cứu sự phân bố số loài linh trưởng ở khu vực Đoòng, dẫn đoàn cán bộ khoa học của Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng vào khảo sát rừng bách xanh tại khu vực Thượng Đoòng...

Gắn bó với những chuyến đi, Hồ Khanh luôn nghĩ về cái hang tạo ấn tượng đặc biệt bởi luồng gió mát lạnh mà mình vô tình phát hiện trong lần trú mưa năm ấy. Thế là Hồ Khanh lại một mình vào rừng, cố nhớ lại từng vị trí. Sau bao ngày vất vả cực nhọc, anh đã tìm được lối vào hang nhưng vì không có đồ bảo hộ cần thiết, và chỉ một mình nên Hồ Khanh không dám vào sâu mà chỉ cảm nhận được rằng đây là một hang rất lớn, lớn hơn rất nhiều những cái hang mà anh đã tìm thấy.

Năm 2009, anh dẫn đoàn thám hiểm hang động của Hoàng gia Anh đến khám phá cái hang rất lớn và lạ ấy. Với Hồ Khanh, đây là chuyến đi đáng nhớ nhất. Chuyến thám hiểm mở ra nhiều điều bất ngờ thú vị, càng đi sâu vào hang, vẻ đẹp kì vĩ càng cuốn hút. Phía trên là ánh sáng mặt trời, phía dưới hang là con sông ngầm sâu hun hút, không khí mát lạnh, nước chảy cuồn cuộn, trong vắt giữa những rặng thạch nhũ điệp trùng. Hang này sau đó được đặt tên là Sơn Đoòng, được công nhận là hang động cao và rộng nhất thế giới.

Hồ Khanh lại tiếp tục đồng hành cùng đoàn cán bộ khoa học của Trường Đại học Khoa học tự nhiên và các chuyên gia đến Sơn Đoòng để nghiên cứu địa chất, địa mạo[1], thuỷ văn[2] để rồi Sơn Đoòng có vị trí trên bản đồ hang động thế giới. Anh còn dẫn các đoàn làm phim lớn từ nước ngoài và các nhiếp ảnh gia nổi tiếng thế giới đến làm phim, chụp ảnh và là thành viên tích cực phục vụ các chuyến thử nghiệm hang Sơn Đoòng...

Không chỉ giúp đỡ những nhà thám hiểm trong việc tìm kiếm các hang động, Hồ Khanh còn là một tuyên truyền viên tích cực trong việc vận động người dân cùng chung tay bảo vệ di sản. Điều thú vị là sau những tháng ngày đi tìm kiếm hang động với vợ chồng Hô-oát Lim-bơ, Hồ Khanh càng thấy yêu thích công việc này nên ngoài hang Sơn Đoòng, anh còn phát hiện ra hàng chục hang động lớn, nhỏ khác thuộc Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Anh thường một mình vào rừng tìm kiếm, rồi ghi nhớ thật chi tiết những nơi mình đã qua để dẫn đường cho các đoàn thám hiểm đi tìm hang động.

Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và bằng cả niềm say mê nên Hồ Khanh được ông Hô-oát Lim-bơ hết mực yêu mến, tin cậy. Anh trở thành người bạn đồng hành của các nhà khoa học trên hành trình khám phá, tìm kiếm và làm phong phú thêm những giá trị độc đáo của di sản thiên nhiên thế giới Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.

(*Theo* Nhật Văn, báo điện tử *Quảng Bình*, ngày 21/7/2014)

---

(1) *Địa mạo*: hình thái địa hình bề mặt Trái Đất.
(2) *Thuỷ văn*: các hiện tượng biến hoá và vận động của nước trong tự nhiên nói chung.

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Hãy nhận xét về nhan đề của văn bản. Theo em, việc đặt nhan đề cho một văn bản thông tin phải đảm bảo yêu cầu cơ bản gì?
2. Văn bản trên đã đưa tới những thông tin cơ bản nào về nhân vật Hồ Khanh?
3. Tìm ở đoạn đầu của văn bản chi tiết thể hiện "dấu ấn Hồ Khanh" trong công cuộc khám phá hang động ở Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.
4. Thời điểm và sự kiện quan trọng nào đã làm thay đổi cuộc đời của Hồ Khanh?
5. Theo em, phẩm chất quan trọng nhất để trở thành một nhà thám hiểm là gì?

Viết

Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử

Xung quanh cuộc đời và sự nghiệp của các nhân vật lịch sử có biết bao câu chuyện thú vị. Những câu chuyện đó giúp chúng ta hiểu thêm về cuộc sống và con đường để họ trở thành những người có nhiều đóng góp làm thay đổi cuộc sống của chúng ta và thậm chí thay đổi cả thế giới. Em hãy viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử đã để lại cho em những ấn tượng sâu sắc.

Yêu cầu đối với bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử:

- Giới thiệu được nhân vật và sự việc có thật liên quan đến nhân vật đó.
- Kể được sự việc theo một trình tự hợp lí, có sử dụng các yếu tố miêu tả trong khi kể.
- Nêu được ý nghĩa của sự việc.
- Nêu được suy nghĩ, ấn tượng của người viết về sự việc được kể.

Phân tích bài viết tham khảo

Thô-mát Ê-đi-xơn (Thomas Edison) và màn "trình diễn" ánh sáng

Thô-mát Ê-đi-xơn (1847 – 1931) người Mỹ, được đánh giá là một trong những nhà khoa học vĩ đại, có nhiều ý tưởng nhất trong lịch sử. Trong số hơn một nghìn

Giới thiệu nhân vật và sự việc liên quan mà bài viết muốn kể.

phát minh mang tên ông, nổi tiếng nhất phải kể đến bóng đèn dây tóc. Xung quanh phát minh này, có khá nhiều câu chuyện thú vị. Một trong số đó là sự kiện "trình diễn" bóng đèn điện ngoài trời diễn ra vào ngày 31 tháng 12 năm 1879.

Trước thời điểm sự kiện này diễn ra, nhân loại còn đang sử dụng đèn thắp bằng khí đốt với ánh sáng yếu ớt và gây mùi rất khó chịu. Đèn điện hồ quang ra đời năm 1860 cũng không đạt được kết quả tối ưu như Ê-đi-xơn mong muốn. Ê-đi-xơn tin tưởng rằng những nghiên cứu về điện học của mình sẽ tạo ra một loại bóng đèn có ánh sáng dịu hơn, an toàn và có tuổi thọ cao hơn bóng đèn hồ quang.

Khi tờ *Niu Óóc Hê-rôn* (*New York Herald*) viết bài thuật về chiếc bóng đèn điện dây đốt đầu tiên của Ê-đi-xơn vào ngày 21 tháng 12 năm 1879, công chúng đã hồ nghi và thậm chí có người còn khôi hài bảo rằng những chiếc bóng đèn điện đó thực ra chỉ là những chiếc bóng bay được thả lên trời mà thôi. Trước sự nghi ngại đó, Ê-đi-xơn đã quyết định tạo một "sân khấu" ngoài trời để trình bày phát minh của mình. Ông cho treo hàng trăm bóng đèn điện quanh phòng thí nghiệm, quanh nhà ở và dọc các con đường ở Men-lô Pác (Menlo Park), nơi ông sống. Những chiếc bóng đèn có vỏ ngoài được làm bằng thuỷ tinh cách nhiệt, bên trong có chứa dây đốt làm bằng sợi carbon[1], toả ra thứ ánh sáng liên tục và dìu dịu đã trở thành một "hiện tượng" đối với công chúng thời bấy giờ. Ngày 31 tháng 12 năm 1879, một chuyến xe lửa đặc biệt chạy xuôi ngược theo tuyến Niu Óóc – Men-lô Pác, chở theo hơn ba nghìn người, trong số đó bao gồm các nhà khoa học, các quan chức địa phương, các nhà kinh tế và cả những người hiếu kì muốn "chiêm ngưỡng" thứ ánh sáng kì lạ đó. Mọi mối nghi ngại của công chúng được xua tan khi họ tận mắt chứng kiến "những quả bóng bay phát sáng" của Ê-đi-xơn. "Màn trình diễn" này ghi dấu mốc quan trọng trong việc phát minh ra đèn điện và phân phối điện của Ê-đi-xơn. Sau sự kiện đó một năm, ông thành lập công ti chiếu sáng mang tên mình và đến năm 1882, trạm phát điện đầu tiên ở Niu Óóc đi vào hoạt động.

Trình bày diễn biến của sự việc.

Sử dụng các yếu tố miêu tả trong khi kể.

Nêu ý nghĩa của sự việc.

Từ phát minh ra chiếc bóng đèn điện đầu tiên của Ê-đi-xơn năm 1879 đến ngày hôm nay, công nghệ chế tạo đèn chiếu sáng đã có những cải tiến vượt bậc từ sợi đốt vonfam[2] đến điôt phát quang[3] trong bóng đèn lét. Nhưng màn "trình diễn" ánh sáng

Nêu suy nghĩ và ấn tượng của người viết về sự việc.

[1] *Sợi carbon*: sợi có đường kính khoảng 5 – 10 µm với thành phần chủ yếu là các nguyên tử carbon, có khả năng chịu nhiệt cao.
[2] *Sợi đốt vonfam*: một loại hợp kim được dùng làm dây tóc của bóng đèn, có khả năng chịu nhiệt cao, nhưng tuổi thọ ngắn.
[3] *Điôt phát quang*: loại linh kiện bán dẫn cho phép dòng điện một chiều đi qua. Điôt phát quang có khả năng phát sáng khi dòng điện đi qua. Đèn điôt phát quang có độ bền cao, bức xạ nhiệt thấp, phát sáng rộng.

của Ê-đi-xơn đã ghi dấu ấn vô cùng đặc biệt. Con đường được thắp sáng vào ngày cuối cùng của năm 1879 đó đã mở ra một kỉ nguyên ánh sáng mới, làm thay đổi thế giới. Ánh sáng mà Ê-đi-xơn mang đến cho nhân loại được ví như Mặt Trời thứ hai.

(*Nhóm biên soạn*)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

a. *Lựa chọn đề tài*

– Chọn một nhân vật lịch sử là nhà quân sự, nhà chính trị, nhà khoa học, nhà phát minh hoặc nhà văn hoá,... có những câu chuyện đáng nhớ mà em biết. Nhân vật được nói tới đó có thể là người Việt Nam hoặc người nước ngoài, có những đóng góp to lớn giúp ích cho đất nước hoặc nhân loại. Em cũng có thể chọn một người có tài năng xuất chúng, sáng tạo ra những sản phẩm có ích cho cộng đồng mà em biết và từng tiếp xúc.

– Chọn một sự việc liên quan đến cuộc sống hay thành tựu, chiến công của nhân vật mà em thấy thú vị.

Mục đích viết

Kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử để nhiều người cùng biết và truyền cảm hứng cho người đọc.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè, những người quan tâm đến cuộc đời và sự nghiệp của nhân vật.

b. *Tìm ý*

Sau khi đã chọn được sự việc liên quan đến nhân vật, hãy trả lời các câu hỏi sau để tìm ý:

– Sự việc diễn ra ở đâu, khi nào? Sự việc đó diễn ra như thế nào?

– Sự việc đó có ý nghĩa như thế nào?

– Em có suy nghĩ gì về sự việc được kể?

c. *Lập dàn ý*

Sắp xếp các ý tìm được thành dàn ý như sau:

Dàn ý

– *Mở bài*:
  + Giới thiệu đôi nét về nhân vật.
  + Giới thiệu sự việc liên quan đến nhân vật.
– *Thân bài*:
  + Kể diễn biến của sự việc. Lưu ý sử dụng yếu tố miêu tả.
  + Nêu ý nghĩa của sự việc.
– *Kết bài*: Nêu suy nghĩ và ấn tượng của người viết về sự việc.

2 VIẾT BÀI

Khi viết bài, em cần lưu ý:

– Bám sát dàn ý.

– Lựa chọn từ ngữ phù hợp (nếu viết về câu chuyện khoa học thì có thể tra cứu từ điển để hiểu những thuật ngữ chuyên môn khó).

– Lưu ý tính xác thực của các chi tiết có liên quan đến sự việc được kể.

– Các câu, các ý phải đảm bảo tính liên kết về hình thức và mạch lạc về nội dung.

3 CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Rà soát bài viết và chỉnh sửa theo gợi ý sau:

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được nhân vật và sự việc liên quan đến nhân vật.	Đọc lại phần Mở bài để đảm bảo đúng yêu cầu đề ra.
Cung cấp được thông tin về sự việc mà bài viết nói tới.	Kiểm tra độ xác thực của thông tin và chỉnh sửa nếu có sai sót.
Trình bày được diễn biến của sự việc. Có sử dụng yếu tố miêu tả trong khi kể. Nêu được ý nghĩa của sự việc được nói tới.	Lưu ý về trình tự của sự việc được kể. Sắp xếp sự việc theo trật tự trước sau. Bổ sung nếu thấy thiếu yếu tố miêu tả và phần nêu ý nghĩa của sự việc.
Nêu được suy nghĩ, ấn tượng của người viết về sự việc được nói tới.	Đánh dấu những từ ngữ thể hiện suy nghĩ, ấn tượng về sự việc. Nếu chưa có hoặc chưa đủ thì cần bổ sung.
Đảm bảo yêu cầu về chính tả, diễn đạt (dùng từ, đặt câu, sử dụng từ ngữ liên kết câu và liên kết đoạn văn,...).	Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, liên kết giữa các câu trong đoạn văn, giữa các đoạn văn trong bài viết; chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi.

Nói và nghe

Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người

Trong những thập niên gần đây, công nghệ đã có nhiều bước tiến vượt bậc. Thành tựu của công nghệ đã giúp con người có niềm tin và động lực quyết biến ước mơ thành hiện thực. Nhưng, phải chăng công nghệ càng phát triển thì con người càng lệ thuộc vào nó? Tương lai của con người sẽ ra sao khi công nghệ tiếp tục phát triển? Em hãy cùng các bạn thảo luận nhằm đưa ra cái nhìn toàn diện về vai trò của công nghệ trong đời sống của con người.

1 TRƯỚC KHI NÓI

a. *Chuẩn bị nội dung nói*

Các em có thể thảo luận về vấn đề chung như vai trò của công nghệ đối với đời sống con người hoặc có thể lựa chọn một khía cạnh của vấn đề như: Phải chăng công nghệ càng phát triển thì con người càng lệ thuộc vào nó? Tương lai của con người sẽ ra sao khi công nghệ tiếp tục phát triển?

Mục đích nói

Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người để cùng chia sẻ thông tin, ý tưởng và hiểu sâu sắc hơn một vấn đề vốn gây nhiều tranh cãi.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến vấn đề này.

– Tìm thêm thông tin liên quan từ các nguồn như: sách, báo hoặc các phương tiện nghe nhìn.

– Tìm ý bằng cách đặt ra các câu hỏi và tự trả lời. Chẳng hạn, nếu nói về khía cạnh của vấn đề liệu con người có lệ thuộc vào công nghệ hay không, có thể nêu các câu hỏi: *Công nghệ có làm chúng ta lười hoạt động hơn không? Các thiết bị thông minh có khiến chúng ta càng ngày càng mất kết nối với nhau không? Sự mất kết nối đó có ảnh hưởng đến khả năng ứng xử và giao tiếp của con người không? Chúng ta có bị giảm khả năng tư duy và giải quyết vấn đề không?*

– Sắp xếp các ý tìm được thành một dàn ý theo trật tự: nêu vấn đề – hai mặt tích cực và tiêu cực của vấn đề đó – nêu quan điểm cá nhân.

b. *Tập luyện*

Để việc trình bày ý kiến đạt kết quả tốt, em cần tập luyện trước theo những gợi ý sau:

– Em có thể tập nói một mình hoặc trong nhóm học tập để nhờ các bạn góp ý.

– Điều chỉnh thời gian trình bày sao cho phù hợp với quy định để không ảnh hưởng đến thời gian chung của cuộc thảo luận.

2 TRÌNH BÀY BÀI NÓI

Ngoài việc tuân thủ những yêu cầu chung khi trình bày ý kiến (về ngữ điệu; sử dụng từ ngữ liên kết câu và chuyển ý; tương tác với người nghe bằng điệu bộ, cử chỉ, ánh mắt; bảo đảm thời gian quy định;...), em cần lưu ý thêm các điểm sau đây khi tham gia thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người:

– Nêu được bản chất của vấn đề (công nghệ sẽ ngày càng phát triển và tác động đến đời sống) và những ý kiến khác nhau về vấn đề đó (công nghệ sẽ hỗ trợ hay làm giảm khả năng sáng tạo của con người, công nghệ sẽ rút ngắn hay tạo thêm khoảng cách giữa người với người,...).

– Trình bày sự ảnh hưởng hai mặt của công nghệ đối với đời sống con người.

– Khái quát lại nội dung vừa trình bày, nhấn mạnh ý kiến cá nhân.

3 SAU KHI NÓI

Trao đổi theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
• Nhận xét về ý kiến trình bày: nội dung, cách thức trình bày. Khi nhận xét về nội dung, cần hướng vào ý kiến trình bày, không sa đà vào những vấn đề không liên quan. • Tranh luận để bày tỏ sự đồng tình hoặc không đồng tình với ý kiến của người nói. • Bổ sung những thông tin em biết về vấn đề được nói tới.	• Tiếp thu nếu thấy những ý kiến góp ý là xác đáng. • Trao đổi lại với những ý kiến thống nhất cũng như ý kiến khác biệt với mình. • Tranh luận, dùng những lí lẽ thuyết phục để bảo vệ những điểm hợp lí trong ý kiến trình bày của em. • Tự rút kinh nghiệm sau quá trình thảo luận.

Củng cố, mở rộng

1. Vì sao các văn bản *Cuộc chạm trán trên đại dương* và *Đường vào trung tâm vũ trụ* được coi là truyện khoa học viễn tưởng?

2. Theo em, điều gì tạo nên sức hấp dẫn của truyện khoa học viễn tưởng?

3. Tìm hiểu thêm về hệ sinh quyển trên Trái Đất, từ đó liên hệ để dự đoán có hành tinh nào có sự sống nữa hay không. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về dự đoán của em.

4. "Mỗi người sinh ra đều là thiên tài" (An-be Anh-xtanh). Em hiểu câu nói này như thế nào? Hãy trình bày cách hiểu của mình cho các bạn cùng nghe.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Đề tài du hành vũ trụ.
- Không gian ngoài Trái Đất.
- Nhân vật chính là một nhà khoa học.
- Thông điệp về khát vọng làm chủ vũ trụ của các nhà khoa học.

Chiếc đũa thần[1]

Trích *Tinh vân Tiên Nữ*[2], I-VAN AN-TÔ-NÔ-VÍCH E-PHƠ-RÊ-MỐP[3]
(IVAN ANTONOVICH EFREMOV)

Kia là một thiên hà đã được biết từ thời cổ xưa, hồi ấy nó mang tên là NGK 5194 hay M-51 trong chòm Đại Cẩu, cách ta hàng triệu pác-xếc[4]. Đấy là một trong số những thiên hà hiếm hoi mà chúng ta trông thấy ở vị trí nằm theo phương vuông góc với mặt phẳng của "bánh xe". Nhân thiên hà dày đặc, rực sáng, gồm hàng triệu ngôi sao, với hai nhánh hình xoáy ốc. Đầu cuối dài ngoằng của những nhánh đó vươn về hai phía ngược nhau, ra xa đến hàng chục ngàn pác-xếc, dần dần trở nên mờ nhoà cho đến khi biến mất trong không gian tối đen. Giữa những nhánh chính, có những vực thẳm đen ngòm, tức là những khối vật chất tối thẫm xen kẽ với những vệt ngắn cong cong hệt như cánh tua-bin[5] do những đám sao và những đám mây khí sáng tạo nên.

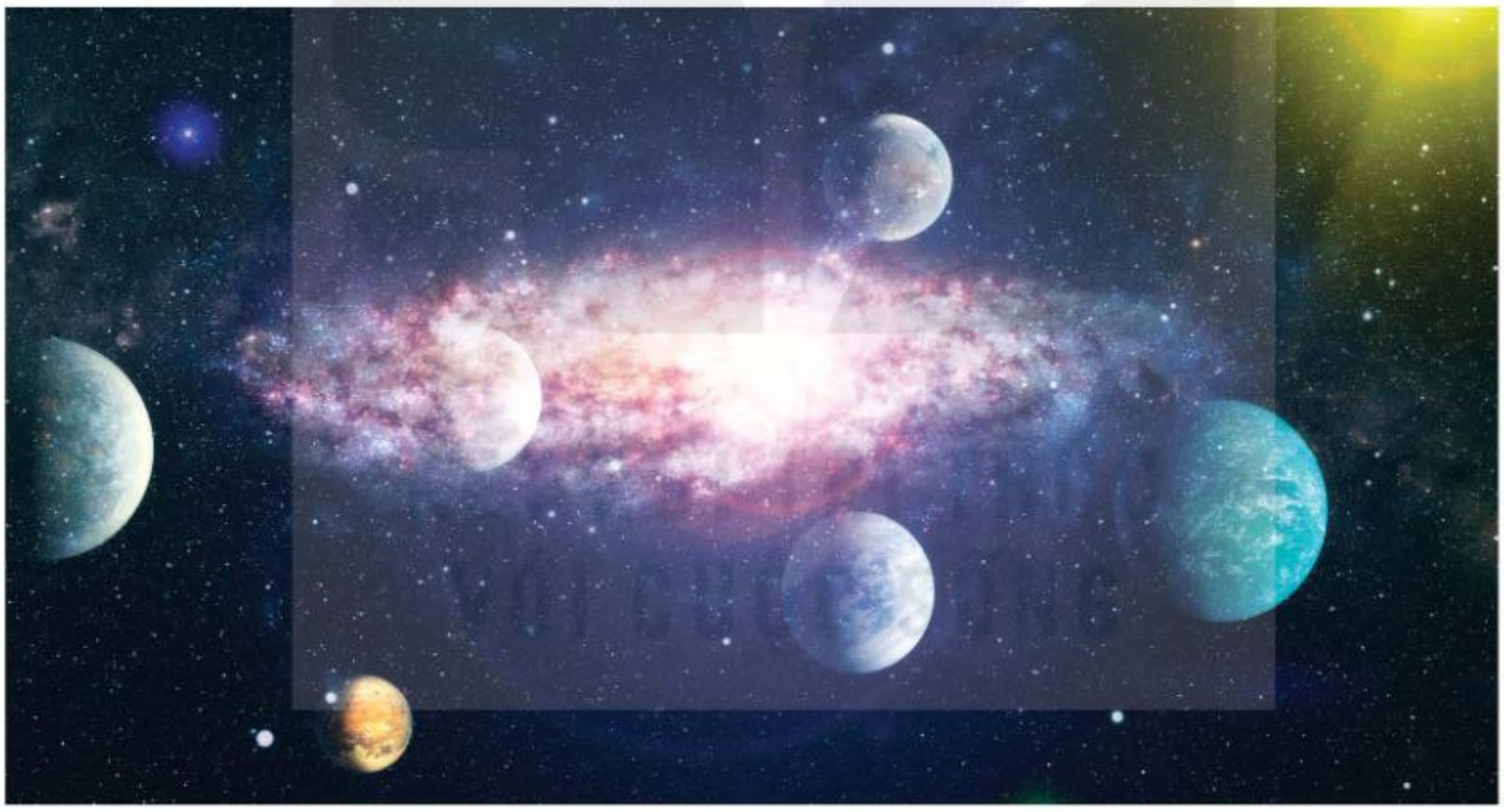

Thiên hà

Thiên hà khổng lồ NGK 4565 trong chòm Tóc Vê-rô-nhi-ca (Veronica) nom rất đẹp. Ở xa bảy triệu pác-xếc, có thể nhìn thấy rìa của nó. Thiên hà nghiêng về

(1) Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.
(2) *Tinh vân Tiên Nữ* là tiểu thuyết khoa học viễn tưởng, gồm 15 chương, nói về tương lai của Trái Đất ở vào kỉ nguyên Vành khuyên, kỉ nguyên mà con người trên hành tinh chúng ta liên hệ với các thế giới có lí trí trên những hành tinh gần Trái Đất nhất. Nhân vật chính của tác phẩm là những nhà khoa học và nhà du hành vũ trụ. Họ thực hiện thám hiểm những hành tinh ngoài Trái Đất và thí nghiệm nhằm rút ngắn khoảng cách về thời gian và không gian giữa các hành tinh. Đoạn trích *Chiếc đũa thần* nằm ở Chương 8, có nhan đề *Những làn sóng đỏ*.
(3) I-van An-tô-nô-vích E-phơ-rê-mốp (1908 – 1972) là giáo sư cổ sinh vật học đồng thời là tiểu thuyết gia khoa học viễn tưởng nổi tiếng người Nga. Các tác phẩm văn học tiêu biểu của ông: *Đất nổi sóng* (1946), *Những con tàu vũ trụ* (1947), *Tinh vân Tiên Nữ* (1957),...
(4) *Pác-xếc*: đơn vị độ dài thiên văn, bằng 3,26 năm ánh sáng, tức 30 800 tỉ km.
(5) *Tua-bin*: động cơ gồm một bánh xe quay do sức đẩy của dòng nước hoặc khí, sinh ra công, tạo lực chuyển động.

một phía như con chim đang lượn. Nó trải rộng về mọi hướng, nom như cái đĩa mảnh và rõ ràng là cấu tạo bởi những nhánh hình xoáy ốc. Còn ở trung tâm, cái nhân hình cầu rất bẹt cháy rực, nom như một khối sáng dày đặc. Ta thấy rõ rệt là những đảo sao dẹt như thế nào: có thể so sánh thiên hà với cái bánh xe mỏng của bộ máy đồng hồ. Rìa bánh xe nom không rõ, dường như hoà tan vào bóng tối không đáy của không gian. Mặt Trời và hạt bụi nhỏ xíu là Trái Đất tồn tại chính ở một đường rìa cũng như thế của thiên hà chúng ta, và nhờ sức mạnh của kiến thức mà hạt bụi ấy liên kết với vô số thế giới có người ở, xoè rộng đôi cánh của tư tưởng loài người vượt lên trên sự vĩnh cửu của vũ trụ.

Mơ-ven Ma-xơ (Mwen Mass) chuyển cần máy, chiếu lên màn ảnh hình thiên hà NGK 4594 thuộc chòm Thất Nữ. Thiên hà này bao giờ cũng khiến anh quan tâm hơn cả. Nó cũng là thiên hà được nhìn thấy trong mặt phẳng xích đạo. Nó cách ta mười triệu pác-xếc, nom giống một thấu kính dày chói rực bị bao phủ dưới một lớp khí sáng. Một dải dày màu đen cắt ngang thấu kính dọc theo quỹ đạo: đó là một đám vật chất tối. Ta có cảm giác thiên hà này là ngọn đèn lồng bí ẩn dưới đáy vực thẳm.

Có những thế giới nào ẩn náu ở đó, trong luồng bức xạ[1] tổng hợp của thiên hà, loại bức xạ chói lọi hơn các thiên hà khác, tính trung bình đạt tới lớp quang phổ F[2]. Trong thiên hà có những hành tinh hùng mạnh có người ở hay không, và phải chăng tư tưởng của những sinh vật có lí trí ở đấy cũng đang ráo riết tìm hiểu những bí mật của thiên nhiên như ở Trái Đất chúng ta?

Nghĩ tới tình trạng hoàn toàn im hơi lặng tiếng của các đảo sao khổng lồ, Mơ-ven Ma-xơ siết chặt hai nắm tay. Anh hiểu tất cả sự ghê gớm của khoảng cách: ánh sáng đi tới thiên hà ấy mất ba mươi hai triệu năm. Thời gian cần có để trao đổi thông tin là sáu mươi tư triệu năm.

Mơ-ven Ma-xơ lục lọi các cuộn dây, và trên màn ảnh bừng lên một vệt sáng rực, to, tròn ở giữa những ngôi sao thưa thớt, mờ nhạt. Một dải đen không đều đặn cắt ngang vệt sáng, càng làm nổi bật thêm những khối lửa sáng rực ở hai phía. Dải đen phình rộng ở hai đầu và che lấp vành khí cháy rộng lớn đánh đai lấy vệt sáng. Đấy là hình ảnh những thiên hà va chạm nhau trong chòm Thiên Nga mà người ta đã chụp được nhờ những mánh lới kĩ thuật khôn khéo lạ thường. Đã từ lâu, người ta biết rằng sự va chạm như thế của những thiên hà khổng lồ có kích thước bằng tinh vân Tiên Nữ của chúng ta, chính là nguồn bức xạ ra-đi-ô có lẽ là mạnh nhất trong phần vũ trụ mà chúng ta biết được. Những luồng khí khổng lồ chuyển động nhanh, làm

(1) *Bức xạ*: sóng điện từ phát ra từ một vật. Ở đây là sóng điện từ của thiên hà.
(2) *Quang phổ F*: dải sáng nhiều màu thu được khi phân tích chùm ánh sáng phức tạp bằng một dụng cụ thích hợp. Lớp quang phổ F ở đây có bước sóng 486 134 nm.

sinh ra những trường điện từ[1] có công suất mạnh ghê gớm, đến nỗi mọi xó xỉnh của vũ trụ đều nhận được tin về thảm hoạ kinh khủng. Bản thân vật chất gửi các tín hiệu ghê rợn ấy đi bằng một trạm ra-đi-ô có công suất một tỉ tỉ ki-lô-oát. Nhưng khoảng cách đến các thiên hà lớn đến nỗi bức hình ngời sáng trên màn ảnh cho biết tình trạng của chúng cách đây nhiều triệu năm. Còn về việc hiện giờ các thiên hà đi qua nhau như thế nào thì chúng ta chỉ có thể thấy được sau một số năm lâu đến nỗi không rõ là đến lúc ấy thì loài người có còn tồn tại được nữa không.

Mơ-ven Ma-xơ chồm dậy và chống mạnh hai tay vào cái bàn đồ sộ, khiến các khớp xương kêu răng rắc.

Thời hạn truyền tin lâu hàng triệu năm, hàng chục ngàn thế hệ nối tiếp nhau cũng chưa chờ đợi nổi, điều đó có nghĩa là "không bao giờ", dù là đối với hậu thế xa xôi nhất. Thật là tai hại đối với ý thức. Nhưng, có thể trừ khử điều tai hại ấy bằng chiếc đũa thần. Chiếc đũa thần ấy là phát minh của Ren Bô-dơ (Ren Boze) và thí nghiệm chung của họ. Những điểm xa vô tận của vũ trụ sẽ nằm trong tầm tay với.

(I. A. E-phơ-rê-mốp, *Tình vân Tiên Nữ*, Phạm Mạnh Hùng *dịch*, NXB Lao động, Hà Nội, 1974, tr. 357 – 360)

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một số câu tục ngữ, truyện ngụ ngôn và truyện khoa học viễn tưởng. Ghi vào nhật kí đọc sách những thông tin và ý tưởng cơ bản từ các văn bản đã đọc.

2. Trao đổi với các bạn về:

– Hiểu biết, kinh nghiệm mà em rút ra được từ những câu tục ngữ đã đọc và số lượng câu, chữ; vần trong các câu tục ngữ đó.

– Bài học cuộc sống được thể hiện trong truyện ngụ ngôn đã đọc và một số điểm đáng chú ý về cốt truyện, nhân vật, tình huống,... của truyện ngụ ngôn đó.

– Thế giới viễn tưởng và một số điểm đáng chú ý về không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, tình huống,... trong truyện khoa học viễn tưởng đã đọc.

[1] *Trường điện từ*: một loại trường trong vật lí.

BÀI 8

TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH

Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.

(Tục ngữ)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Hằng ngày, chúng ta thường chứng kiến hoặc tham dự những sự kiện diễn ra trong gia đình, ở nhà trường, ngoài xã hội. Lại có khi ta phải tự giải quyết những điều xảy ra với bản thân. Tất cả đều có thể gợi lên trong ta những cảm xúc, suy nghĩ, từ đó, ta có thể rút ra bài học bổ ích. Những trải nghiệm có ý nghĩa như vậy giúp ta ngày càng trưởng thành hơn.

- Trong bài học này, em sẽ được tiếp xúc với một số văn bản nghị luận bàn về những vấn đề của cuộc sống. Việc đọc văn bản giúp em củng cố những kiến thức về đặc trưng của văn bản nghị luận, nhờ đó, dần dần em biết cách tự đọc và thực hành viết văn bản nghị luận theo yêu cầu. Văn bản thơ kết nối về chủ đề giúp em thấy rõ hơn sự khác nhau giữa văn bản nghị luận và văn bản văn học khi viết về trải nghiệm và sự trưởng thành của con người.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.
- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn văn bản.
- Hiểu được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong văn bản; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thuật ngữ.
- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.
- Có trách nhiệm với bản thân và với cộng đồng.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Các vấn đề được bàn trong văn bản nghị luận

Mọi vấn đề của đời sống xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học,... đều có thể được nêu ra để bàn trong văn bản nghị luận. Văn bản nghị luận có giá trị phải chọn được vấn đề đáng quan tâm, có ý nghĩa với nhiều người. Trước một vấn đề, có thể có nhiều ý kiến khác nhau.

Mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận

Văn bản nghị luận bao giờ cũng thể hiện ý kiến của người viết. Sức thuyết phục của ý kiến phụ thuộc vào việc dùng lí lẽ và bằng chứng. Mỗi ý kiến thường được làm rõ bằng một số lí lẽ, mỗi lí lẽ được củng cố bởi một số bằng chứng. Ý kiến cần mới mẻ, lí lẽ cần sắc bén, bằng chứng cần xác thực, tiêu biểu, và tất cả những yếu tố đó phải có mối liên hệ với nhau, tạo thành một hệ thống chặt chẽ.

Biện pháp liên kết

Sự gắn kết giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn trong văn bản được thể hiện bằng nhiều biện pháp (phép) liên kết, gắn với những phương tiện (từ ngữ) liên kết cụ thể, chẳng hạn: *phép nối* (từ ngữ nối), *phép thế* (đại từ, từ ngữ đồng nghĩa), *phép lặp* (lặp lại từ ngữ đã có trong câu trước, đoạn trước),...

Thuật ngữ

Thuật ngữ là từ ngữ dùng để chỉ các khái niệm của một số lĩnh vực chuyên môn hoặc ngành khoa học.

Nghĩa của thuật ngữ là nghĩa quy ước trong phạm vi hẹp của lĩnh vực chuyên môn hoặc khoa học chuyên ngành.

Nhờ sử dụng chính xác và hợp lí các thuật ngữ, văn bản có được tính chuyên môn cao và cách biểu đạt hàm súc, tạo thuận lợi cho những cuộc trao đổi, thảo luận bổ ích xung quanh nội dung của văn bản.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Bản đồ dẫn đường*, Đa-ni-en Gốt-li-ép (Daniel Gottlieb)

VĂN BẢN 2. *Hãy cầm lấy và đọc*, Huỳnh Như Phương

VĂN BẢN 3. *Nói với con*, Y Phương

VĂN BẢN 1

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Vì sao khách du lịch thường chuẩn bị một tấm bản đồ trước khi đến một miền đất lạ?

2. Đến với tương lai, mỗi người phải tự tìm cho mình một "con đường" hay đã có "con đường" do ai đó vạch sẵn?

ĐỌC VĂN BẢN

Bản đồ dẫn đường

ĐA-NI-EN GỐT-LI-ÉP[1]

Sam thương yêu,

Có một người đàn ông nọ, một hôm vì có việc nên trở về nhà khi trời đã khuya. Oái oăm thay, sau khi về tới nhà, ông mới phát hiện đã để quên chìa khoá nhà tại công ti, nên đành lom khom tìm kiếm chiếc chìa khoá dự phòng[2]. Nhìn thấy ông loay hoay cạnh ngọn đèn đường, người hàng xóm nhà bên cũng ra tìm giúp. Chẳng mấy chốc, lại thêm vài người hàng xóm nữa gia nhập "đội tìm kiếm", nhưng chiếc chìa khoá vẫn không thấy đâu.

Theo dõi

Văn bản được mở đầu bằng cách kể lại một câu chuyện có tính chất ngụ ngôn.

Một lúc lâu sau, một người hỏi ông đã nhìn thấy chiếc chìa khoá lần cuối cùng là ở đâu.

– Tôi thấy cạnh cửa ra vào ấy! – Ông trả lời.

Người hàng xóm ngạc nhiên:

– Vậy tại sao ông lại tìm dưới ngọn đèn đường?

– Bởi vì ở nơi này tôi nhìn thấy rõ hơn!

Sam, ông chợt nhớ lại câu chuyện ngụ ngôn này khi nghĩ tới những tấm bản đồ dẫn đường cho chúng ta. Rất nhiều khi chúng ta tìm kiếm câu trả lời nơi sáng sủa, trong khi cái chúng ta cần là phải bước vào bóng tối.

Tấm bản đồ dẫn đường là cách nhìn về cuộc đời này, bao gồm cả cách nhìn về con người. Thường thì cách nhìn này được truyền từ bố mẹ cho chúng ta,

Theo dõi

Cách giải thích hình ảnh "tấm bản đồ dẫn đường".

[1] Đa-ni-en Gốt-li-ép sinh năm 1946, người Mỹ, là nhà tâm lí học thực hành, bác sĩ điều trị tâm lí gia đình đồng thời là chuyên gia sức khoẻ tâm thần. Ông đã viết nhiều cuốn sách đúc kết kinh nghiệm hơn 30 năm nghiên cứu và tư vấn tâm lí: *Tiếng nói của xung đột* (2001), *Những bức thư gửi cháu Sam* (2006), *Tiếng nói trong gia đình* (2007), *Học từ trái tim* (2008),... *Bản đồ dẫn đường* được trích từ cuốn sách *Những bức thư gửi cháu Sam*.

[2] *Dự phòng*: chuẩn bị sẵn, để phòng tình huống không hay xảy ra sẽ dùng đến.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

rồi qua năm tháng, được điều chỉnh theo từng hoàn cảnh sống, theo tôn giáo hay từ những kinh nghiệm của chính bản thân chúng ta. Một tấm bản đồ có thể cảnh báo: *"Cuộc đời này hết sức hiểm nguy, phải chiến đấu hết sức mới mong sống sót"*, trong khi tấm bản đồ khác thì hướng dẫn: *"Bản chất của con người đều tốt cả. Càng thân thiết với nhiều người bao nhiêu càng tốt cho bản thân ta bấy nhiêu!"*.

Cháu thấy đấy, những tấm bản đồ này chỉ dẫn người ta đi theo những con đường khác nhau như thế nào. Hãy thử so sánh tấm bản đồ định hướng: *"Cuộc sống chỉ toàn những chuỗi lo âu, đau khổ, còn niềm vui thì hiếm hoi và dễ dàng vụt mất như cánh chim trời!"* với tấm bản đồ chỉ dẫn: "*Cuộc sống là một món quà quý mà chúng ta phải trân trọng*". Với hai quan điểm khác nhau này, thì dù điều kiện sống của hai người ấy có giống nhau như thế nào đi nữa, cảm nhận của họ về cuộc sống lại rất khác biệt.

Sam à, tấm bản đồ này còn bao gồm cả cách nhìn nhận về bản thân chúng ta nữa. Tôi có phải là người đáng yêu? Tôi có giàu có, có thông minh? Tôi có quá yếu đuối và dễ dàng bị người khác làm cho tổn thương? Khi gặp khó khăn, tôi sẽ gục ngã, hay chiến đấu một cách ngoan cường?

Từng câu trả lời cho những câu hỏi trên sẽ là từng nét vẽ tạo nên hình dáng tấm bản đồ mà chúng ta mang theo trong tâm trí mình. Chính tấm bản đồ này quyết định cách nhìn của chúng ta đối với cuộc sống, với mọi người và với chính bản thân mình. Nó cũng mang ý nghĩa quyết định đối với những thành bại của chúng ta trong cuộc sống.

Theo dõi

Vai trò của "tấm bản đồ" đối với đường đời của con người.

Sam, bản đồ dẫn đường của cháu như thế nào? Ông sẽ kể cho cháu nghe tấm bản đồ của ông. Khi ông còn nhỏ, mẹ ông luôn nhìn cuộc đời này như một nơi đầy hiểm nguy. Bà vẫn hay nói với ông rằng để tồn tại, ông phải luôn đề phòng, phải luôn cảnh giác. Bố của ông cũng phần nào đồng ý với quan điểm đó.

Nhưng quan điểm ấy dường như không phù hợp với ông. Những gì ông thấy không giống như lời bố mẹ ông nói. Ông cảm thấy yêu mến và tin tưởng tất cả mọi người xung quanh. Ông thấy cuộc sống là chốn bình yên và an toàn. Kết quả là ông nhận ra mình khác biệt với chính gia đình mình. Chưa bao giờ ông cảm thấy tự tin với quan điểm của mình, bởi gia đình ông luôn cho rằng quan điểm đó là hoàn toàn sai lầm. Mỗi khi ông và mẹ trò chuyện về một người nào đó và ông khen ngợi họ dễ thương, tốt bụng, thế nào mẹ ông cũng ngán ngẩm: "*Cứ chờ mà xem!*".

Theo dõi

Những khó khăn của "ông" khi tìm kiếm "tấm bản đồ" cho mình.

Cháu biết không, tấm bản đồ của ông lúc ấy thật sự bế tắc. Ông không biết có phải mình là người quá ngây thơ, khờ khạo hay không. [...] Ông cảm thấy mặt đất dưới chân mình sao mà bấp bênh và không bền vững. Không giống như người đàn ông trong câu chuyện ngụ ngôn ở trên, thậm chí ông còn không có một ngọn đèn đường nào để đứng cạnh mà tìm kiếm.

Có lẽ cháu nghĩ rằng tấm bản đồ dẫn đường của ông sau đó đã trở nên rõ ràng hơn, khi ông đã trưởng thành. Nhưng không phải vậy đâu Sam à. Nó không có thay đổi gì đáng kể cho đến sau vụ tai nạn. Nằm trên giường tĩnh tâm[1] một thời gian dài, ông đã được rất nhiều người đến thăm. Ông bắt đầu đi vào bóng tối để tìm hiểu xem mình là ai và ý nghĩa của cuộc sống là gì.

Theo dõi

Cách kết thúc văn bản.

Sam, cách duy nhất để tìm một bản đồ khác, đó là sẵn sàng tìm kiếm trong bóng tối. Cháu cũng cần phải tìm kiếm bản đồ cho chính mình. Không nhất thiết phải là tấm bản đồ cháu đã được trao sẵn, hay tấm bản đồ giống hệt bố mẹ mình, mà là tấm bản đồ cháu tự vẽ nên bằng chính kinh nghiệm của mình.

Ông hi vọng rằng, một ngày nào đó, cháu có thể đối mặt với cuộc đời mình một cách hiên ngang, mạnh mẽ, bởi cháu đã có tất cả những điều cháu cần trong tấm bản đồ dẫn đường của mình.

Yêu cháu,
Ông ngoại của cháu

(Đa-ni-en Gốt-li-ép, *Những bức thư gửi cháu Sam, Thông điệp cuộc sống*, Minh Trâm – Hoa Phượng – Ngọc Hân *dịch*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2012, tr. 229 – 233)

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Nêu tác dụng của cách mở đầu văn bản bằng việc kể lại câu chuyện có tính chất ngụ ngôn.
2. Từ cách tìm chìa khoá rất kì khôi của người đàn ông trong câu chuyện, tác giả liên hệ đến vấn đề gì?

[1] *Tĩnh tâm*: giữ cho lòng mình thanh thản, không xao xuyến, xúc động.

3. Trong văn bản, tác giả lí giải về hai khía cạnh của hình ảnh ẩn dụ "tấm bản đồ". Khi bàn về hai khía cạnh đó, tác giả dùng những lí lẽ và bằng chứng nào để thuyết phục người đọc?

4. *Cháu biết không, tấm bản đồ của ông lúc ấy thật sự bế tắc* – "ông" đã tâm sự với "cháu" như vậy. Theo em, vì sao "ông" bế tắc trong việc tìm kiếm tấm bản đồ của riêng mình? Kinh nghiệm ấy của "ông" có thể giúp "cháu" rút ra được bài học gì?

5. Trong hai ý kiến khác nhau sau đây, em tán đồng ý kiến nào? Vì sao?

a. *Cuộc sống chỉ toàn những chuỗi lo âu, đau khổ, còn niềm vui thì hiếm hoi và dễ dàng vụt mất như cánh chim trời!*

b. *Cuộc sống là một món quà quý mà chúng ta phải trân trọng.*

6. Đọc lời khuyên của "ông" dành cho "cháu" ở phần cuối văn bản, em rút ra điều gì cho bản thân?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Trên "con đường" đi tới tương lai của bản thân, "tấm bản đồ" có vai trò như thế nào? Hãy trả lời câu hỏi trên bằng một đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu).

Thực hành tiếng Việt

MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT (BIỆN PHÁP LIÊN KẾT VÀ TỪ NGỮ LIÊN KẾT)

Đọc hai đoạn văn sau và thực hiện các nhiệm vụ ở dưới:

Đoạn thứ nhất: (1) *Sam, bản đồ dẫn đường của cháu như thế nào?* (2) *Ông sẽ kể cho cháu nghe tấm bản đồ của ông.* (3) *Khi ông còn nhỏ, mẹ ông luôn nhìn cuộc đời này như một nơi đầy hiểm nguy.* (4) *Bà vẫn hay nói với ông rằng để tồn tại, ông phải luôn đề phòng, phải luôn cảnh giác.* (5) *Bố của ông cũng phần nào đồng ý với quan điểm đó.*

Nhận biết một số biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết

Mỗi biện pháp (phép) liên kết thường sử dụng những từ ngữ liên kết tương ứng. Sau đây là một số biện pháp (phép) liên kết và phương tiện (từ ngữ) liên kết thông dụng:

- **Phép nối**

Câu sau có từ ngữ nối biểu thị quan hệ với câu trước. Ví dụ:

Có lẽ cháu nghĩ rằng tấm bản đồ dẫn đường của ông sau đó đã trở nên rõ ràng hơn, khi ông đã trưởng thành. ***Nhưng*** *không phải vậy đâu Sam à.*

(Đa-ni-en Gốt-li-ép, *Bản đồ dẫn đường*)

Đoạn thứ hai: (1) *Nhưng quan điểm ấy dường như không phù hợp với ông.* (2) *Những gì ông thấy không giống như lời bố mẹ ông nói.* (3) *Ông cảm thấy yêu mến và tin tưởng tất cả mọi người xung quanh.* (4) *Ông thấy cuộc sống là chốn bình yên và an toàn.* (5) *Kết quả là ông nhận ra mình khác biệt với chính gia đình mình.* (6) *Chưa bao giờ ông cảm thấy tự tin với quan điểm của mình, bởi gia đình ông luôn cho rằng quan điểm đó là hoàn toàn sai lầm.* (7) *Mỗi khi ông và mẹ trò chuyện về một người nào đó và ông khen ngợi họ dễ thương, tốt bụng, thế nào mẹ ông cũng ngán ngẩm: "Cứ chờ mà xem!".*

1. Em hãy tóm lược ý của từng đoạn văn trong một câu và cho biết nhờ tính chất gì của hai đoạn văn mà em tóm lược được như vậy.

2. Chỉ ra phương tiện liên kết các câu trong đoạn thứ nhất và các câu trong đoạn thứ hai.

Nhờ sử dụng từ nối *nhưng*, người viết đã tạo ra sự liên kết chặt chẽ giữa hai câu liền nhau.

- **Phép thế**

Câu sau có từ ngữ dùng để thay thế cho từ ngữ đã xuất hiện ở câu trước. Ví dụ:

*Hai mươi tuổi, **chàng thanh niên Lỗ Tấn** du học ở Nhật. **Ông** theo học ngành Y.*

(Đoàn Công Lê Huy, *Câu chuyện về con đường*)

Từ *ông* ở câu sau thay cho cụm từ *chàng thanh niên Lỗ Tấn* ở câu trước đó, có tác dụng liên kết hai câu với nhau.

- **Phép lặp**

Câu sau lặp lại từ ngữ của câu trước, có tác dụng liên kết. Ví dụ:

*Cháu biết không, tấm bản đồ của **ông** lúc ấy thật sự bế tắc. **Ông** không biết có phải mình là người quá ngây thơ, khờ khạo hay không. [...] **Ông** cảm thấy mặt đất dưới chân mình sao mà bấp bênh và không bền vững.*

(Đa-ni-en Gốt-li-ép, *Bản đồ dẫn đường*)

Các câu liên kết với nhau nhờ lặp lại từ *ông*.

3. Câu nào có tác dụng liên kết đoạn thứ hai với đoạn thứ nhất? Những phương tiện liên kết nào được sử dụng trong câu đó?

4. Em thử đổi vị trí các câu trong đoạn thứ nhất và đoạn thứ hai theo một trật tự bất kì, chẳng hạn 2, 4, 1, 5, 3 (đoạn thứ nhất) và 7, 3, 4, 6, 1, 5, 2 (đoạn thứ hai). Hãy đọc lại các câu theo trật tự đã thay đổi và rút ra nhận xét.

5. Hai đoạn văn trên sắp xếp đúng trật tự trong văn bản. Em thử hoán đổi vị trí hai đoạn cho nhau và rút ra nhận xét.

VĂN BẢN 2

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Nêu một câu danh ngôn nói về sách hoặc về việc đọc sách mà em cho là có ý nghĩa.

2. Em thích đọc loại sách nào? Em đã từng thu nhận được điều gì bổ ích sau khi đọc một cuốn sách?

ĐỌC VĂN BẢN

Hãy cầm lấy và đọc

HUỲNH NHƯ PHƯƠNG[1]

Tương truyền[2] rằng hồi còn trẻ, một lần Thánh Au-gu-xtinh[3] (Augustine) ngồi cô đơn và tĩnh lặng trong vườn, vẳng nghe bên tai giọng nói thầm thì của một em bé: "Hãy cầm lấy và đọc!"[4]. Câu nói ấy lặp đi lặp lại như một điệp khúc. Từ hôm đó, được thúc đẩy bởi một sứ mệnh[5] có tính chất mặc khải[6], ông đi sâu nghiên cứu triết học, và trở thành nhà tư tưởng hàng đầu của thời trung đại[7].

Vượt qua tính chất huyền bí của câu chuyện ấy, "Hãy cầm lấy và đọc" trở thành lời mời gọi trân trọng người ta đọc một cuốn sách. "Hãy cầm lấy và đọc" có thể xem là một thông điệp[8]: hãy tiếp xúc trực tiếp với một cuốn sách, hãy tự trải nghiệm mà không bước qua một trung gian nào. Cùng với thức ăn để duy trì sự sống của cơ thể, con người cũng cần thức ăn nuôi dưỡng tinh thần. Đọc là một cách nạp năng lượng cho sự sống tinh thần. Người tuyệt thực[9], không ăn uống, có thể chết. Người không đọc, không xem, không nghe cũng có thể "chết", cái chết dần dần, êm ái, không dễ nhận ra.

Theo dõi

Câu chuyện ***kết nối*** *như thế nào với vấn* ***đề nghị luận?***

"Em hãy cầm lấy và đọc", đó là lời nói tin cậy của thầy giáo khi trao cho học trò một cuốn sách quý. "Con hãy cầm lấy và đọc", đó là câu nói thân thương của người cha, người mẹ khi đưa cho con món quà có ý nghĩa nhất.

Theo dõi

Lí lẽ và bằng chứng nào được dùng để khẳng định vai trò của sách trong thế giới hiện đại?

[1] Huỳnh Như Phương sinh năm 1955, quê ở Quảng Ngãi, là giảng viên đại học, nhà nghiên cứu phê bình văn học. Tác phẩm chính: *Dẫn vào tác phẩm văn chương* (1986); *Trường phái Hình thức Nga* (2007); *Những nguồn cảm hứng trong văn học* (2008); *Hãy cầm lấy và đọc* (2016); *Giấc mơ, cảnh tượng và cái nhìn* (2019);...

[2] *Tương truyền*: truyền miệng cho nhau trong dân gian từ đời nọ đến đời kia.

[3] *Thánh Au-gu-xtinh* (354 – 430): nhà thần học và triết học lớn ở châu Âu thời trung đại.

[4] Nguyên văn tiếng La-tinh: *Tolle et lege!*

[5] *Sứ mệnh*: nhiệm vụ quan trọng, được coi là thiêng liêng.

[6] *Mặc khải*: một khả năng đặc biệt được Chúa ban cho, nhờ đó, có thể nhận biết trong khoảnh khắc những điều mà người bình thường không thể biết (quan niệm của Thiên Chúa giáo).

[7] *Trung đại*: thời Trung cổ ở các nước châu Âu và thời phong kiến ở một số nước phương Đông.

[8] *Thông điệp*: điều công khai gửi đến mọi người.

[9] *Tuyệt thực*: nhịn ăn để thể hiện thái độ phản kháng.

"Bạn hãy cầm lấy và đọc", đó là lời sẻ chia của một người bạn muốn giới thiệu cho ta một cuốn sách hay.

Không phủ nhận vai trò ngày càng tăng của các phương tiện nghe nhìn trong thế giới hiện đại, chúng ta vẫn thấy rằng đọc là một nhu cầu không thể thiếu của con người. Con chữ trên trang sách hàm chứa văn hoá của một dân tộc, mang hồn thiêng của đất nước. Chữ kích thích trí tưởng tượng của người đọc, không bị cố định hoá[1] trong một khuôn khổ, hình thể nào. Chữ gợi lên những tư duy hồi đáp, hô ứng hay phản biện[2]. Chữ là cầu nối những thế hệ cách xa nhau trong lịch sử, những không gian văn hoá khác nhau, những tấm lòng chưa thông hiểu nhau, thậm chí còn nghi kị nhau.

Trang giấy và chữ in có sức hấp dẫn và sự kì diệu của nó. Chỉ là giấy và mực mà nó chứa đựng cả thế giới, phơi bày những bí ẩn của thiên nhiên, vũ trụ, xã hội và con người. Đọc sách là đọc thế giới và đọc cả tâm hồn con người. Đọc sách là đọc tha nhân[3] và đọc chính bản thân ta. Nhờ đọc sách mà ta hiểu đời, hiểu người và hiểu chính mình.

Có những cuốn sách khiến ta thất vọng, hụt hẫng. Nhưng không ít cuốn sách làm ta hạnh phúc, hồi hộp và mê đắm. Đọc một cuốn sách hay như bị cuốn vào một nỗi say mê, một niềm khoái cảm. Hành động đọc là cả một cuộc khám phá và chinh phục. Một nền giáo dục mà không khuyến khích và kích thích công chúng đọc sách là một nền giáo dục phiến diện, có thể sản sinh ra những người nông cạn về tinh thần, "những con người một chiều kích" như Hơ-bớt Mác-kiu-dơ[4] (Herbert Marcuse) đã nói.

Thời nay, với sự xuất hiện của in-tơ-nét và sách điện tử, cách đọc cũng đa dạng: đọc không chỉ là nhìn vào trang giấy và chữ in mà còn là nhìn vào màn hình chiếu sáng. Đó là thành tựu của văn minh nhân loại. Câu nói "Hãy cầm lấy và đọc" có thể chỉ còn ý nghĩa tượng trưng, thay vào đó là "Hãy nhìn vào mà đọc"... Dẫu bằng cách nào, điều quan trọng là trí tuệ và tâm tư ta gắn liền với ngôn ngữ, nhờ tiếng nói và chữ viết (cả sách nói và sách chữ nổi dành cho người khiếm thị) mà đánh thức những giá trị tinh thần.

(1) *Cố định hoá*: làm cho giữ nguyên trạng thái, không thay đổi.
(2) *Phản biện*: đánh giá theo một góc nhìn khác (nghĩa trong văn bản).
(3) *Tha nhân*: người khác.
(4) *Hơ-bớt Mác-kiu-dơ* (1898 – 1979): nhà triết học, xã hội học người Đức.

Lâu nay, chúng ta thường được nghe báo động về sự sa sút của văn hoá đọc. Giải quyết tình trạng này, cần phải tính đến cả hai phương diện: chủ thể đọc và đối tượng đọc, nghĩa là phải có người ham đọc và có sách hay để đọc, hai điều này tác động qua lại với nhau. Nếu chỉ có những cuốn sách dở thì hiển nhiên người đọc sẽ hờ hững. Ngược lại, nếu người đọc không được chuẩn bị nền tảng văn hoá cần thiết thì dù sách hay bao nhiêu vẫn là vô ích.

Phân tích

Làm cách nào để khắc phục sự sa sút của văn hoá đọc?

[...] Sách sinh ra không phải để được trưng bày, khoe của hay làm dáng. Sách cũng không nên trở thành một cổ vật rêu phong. Sách là để "lần giở trước đèn".

Suy luận

Cách kết văn bản có gì độc đáo?

Tolle et lege. Xin hãy cầm lấy và đọc.

(*Theo* Huỳnh Như Phương, *Hãy cầm lấy và đọc*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr. 13 – 16)

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Văn bản tập trung bàn về vấn đề gì? Dựa vào đâu em nhận biết được điều đó?
2. Tóm lược một số ý kiến được tác giả lần lượt trình bày trong văn bản.
3. Chỉ ra câu văn thể hiện cách lí giải của tác giả về thông điệp "Hãy cầm lấy và đọc". Em có đồng ý với cách lí giải đó không? Vì sao?
4. Tác giả đã dùng những lí lẽ và bằng chứng nào để khẳng định trong thế giới hiện đại, khi các phương tiện nghe nhìn phát triển không ngừng, con người vẫn cần phải đọc sách?
5. Theo tác giả, cần có những điều kiện gì để giải quyết tình trạng sa sút của văn hoá đọc hiện nay? Em có tán thành với ý kiến của tác giả về vấn đề này không? Vì sao?
6. Từ nội dung văn bản *Hãy cầm lấy và đọc*, theo em, có thể xem đọc sách là một kiểu trải nghiệm được không? Vì sao?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) với chủ đề: *Sách là để đọc, không phải để trưng bày.*

Thực hành tiếng Việt

THUẬT NGỮ

1 Chỉ ra thuật ngữ trong những câu sau và cho biết dựa vào đâu em xác định như vậy.

a. *Sam, ông chợt nhớ lại câu chuyện ngụ ngôn này khi nghĩ tới những tấm bản đồ dẫn đường cho chúng ta.*

b. *Từ hôm đó, được thúc đẩy bởi một sứ mệnh có tính chất mặc khải, ông đi sâu nghiên cứu triết học, và trở thành nhà tư tưởng hàng đầu của thời trung đại.*

c. *Con chữ trên trang sách hàm chứa văn hoá của một dân tộc, mang hồn thiêng của đất nước.*

d. *Thời nay, với sự xuất hiện của in-tơ-nét và sách điện tử, cách đọc cũng đa dạng: đọc không chỉ là nhìn vào trang giấy và chữ in mà còn nhìn vào màn hình chiếu sáng.*

2 Hãy tra từ điển hoặc các loại tài liệu thích hợp để tìm hiểu nghĩa của các thuật ngữ đã tìm được ở bài tập 1.

3 Trong các từ ngữ in đậm ở những cặp câu dưới đây, trường hợp nào là thuật ngữ, trường hợp nào là từ ngữ thông thường? Cho biết căn cứ để xác định như vậy.

Nhận biết đặc điểm và chức năng của thuật ngữ

- Thuật ngữ là từ hoặc cụm từ cố định, được sử dụng theo quy ước của một lĩnh vực chuyên môn hoặc ngành khoa học nhất định. Có nhiều trường hợp, ngay sau thuật ngữ đã được dịch ra tiếng Việt, người ta còn ghi thêm thuật ngữ gốc trong tiếng Anh, tiếng Pháp,... (để trong ngoặc đơn).

- Muốn hiểu nghĩa của thuật ngữ, cần tìm đến *Bảng tra cứu thuật ngữ* đặt ở phía sau cuốn sách (nếu có) hoặc đọc các từ điển chuyên ngành. Việc suy đoán nghĩa của thuật ngữ dựa vào ngữ cảnh hay ghép nối nghĩa của từng yếu tố cấu tạo rất dễ dẫn tới tình trạng hiểu sai thuật ngữ.

- Có những từ ngữ khi thì được dùng với tư cách là một thuật ngữ, khi lại được dùng như một từ ngữ thông thường. Ví dụ:

– ***Muối*** *là hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc acid.*

Trong trường hợp này, ***muối*** là thuật ngữ, chỉ một loại hợp chất hoá học.

– *Canh còn hơi nhạt, con thêm tí* ***muối*** *nữa đi.*

Muối ở đây là một từ thông dụng, chỉ một loại gia vị trong thực phẩm.

- Có những thuật ngữ đôi khi được dùng như từ ngữ thông thường. Ví dụ:

– ***Ẩn số*** *của phương trình này là một số thập phân.*

Ẩn số ở đây là một thuật ngữ toán học, có nghĩa: "số chưa biết".

– *Liệu vi-rút này có biến thể nào khác hay không, đó vẫn còn là một* ***ẩn số****.*

Trong câu này, ***ẩn số*** là từ thông dụng, có nghĩa: "điều chưa ai biết rõ".

Muốn xác định được một từ ngữ có phải là thuật ngữ hay không, cần phải dựa vào ngữ cảnh mà nó xuất hiện.

a. Cặp câu thứ nhất:

– *Câu nói ấy lặp đi lặp lại như một **điệp khúc**.*

– *Trong một bài hát hay bản nhạc, phần được lặp lại nhiều lần khi trình diễn gọi là **điệp khúc**.*

b. Cặp câu thứ hai:

– *Trong thời đại ngày nay, con người đã biết tận dụng các nguồn **năng lượng**.*

– *Đọc sách là một cách nạp **năng lượng** cho sự sống tinh thần.*

c. Cặp câu thứ ba:

– *Cháu biết không, tấm **bản đồ** của ông lúc ấy thật sự bế tắc.*

– ***Bản đồ** là hình vẽ thu nhỏ một phần hay toàn bộ bề mặt Trái Đất lên mặt phẳng trên cơ sở toán học, trên đó các đối tượng địa lí được thể hiện bằng các kí hiệu bản đồ.*

VĂN BẢN 3

ĐỌC VĂN BẢN

Nói với con

Y PHƯƠNG[1]

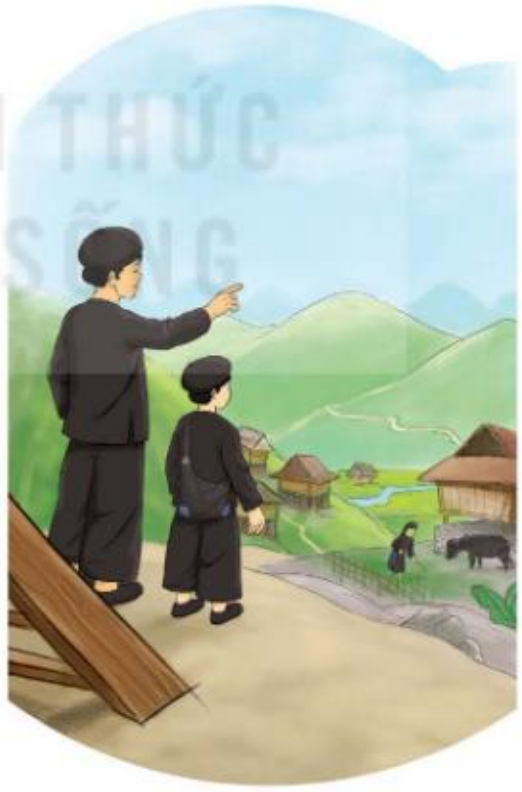

Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười
Người đồng mình[2] yêu lắm con ơi
Đan lờ[3] cài nan hoa
Vách nhà ken[4] câu hát
Rừng cho hoa
Con đường cho những tấm lòng
Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới
Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.

[1] Y Phương (1948 – 2022) quê ở Cao Bằng. Thơ Y Phương thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ, phóng khoáng, in đậm màu sắc văn hoá vùng đất quê ông. Một số tập thơ tiêu biểu của Y Phương: *Nói với con* (1980), *Người núi Hoa* (1982), *Tiếng hát tháng Giêng* (1986), *Đàn then* (1996), *Vũ khúc Tày* (2015),...

[2] *Người đồng mình*: người vùng mình, người quê mình.

[3] *Lờ*: một loại dụng cụ được đan bằng những nan tre vót tròn, dùng để bắt cá.

[4] *Ken*: làm cho kín hết, không còn chỗ hở, chỗ trống. *Ken* ở đây được dùng với nghĩa bóng bẩy.

Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung[1] không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc
Người đồng mình thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục
Con ơi tuy thô sơ da thịt
Lên đường
Không bao giờ nhỏ bé được
Nghe con.

(Nguyễn Đức Nam (Chủ biên), *Thơ Việt Nam 1945 – 1985*, NXB Giáo dục, 1987, tr. 326 – 327)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. *Nói với con* thể hiện tình cảm của người cha đối với con, nhưng qua đó, nhà thơ còn hướng tới những đối tượng nào khác?

2. Qua những lời tâm tình, căn dặn, người cha muốn nói với con về những điều gì?

3. Người cha đã nhìn nhận như thế nào về mối quan hệ giữa "con" với gia đình, quê hương, xứ sở? Những mối quan hệ ấy có ý nghĩa gì đối với sự trưởng thành của "con"?

4. Vẻ đẹp tâm hồn và sức sống mãnh liệt, bền bỉ của "người đồng mình" được thể hiện như thế nào trong bài thơ? Nói về "người đồng mình", người cha muốn nhắn gửi con điều gì?

5. Nêu cảm nhận của em về nghệ thuật của bài thơ.

---

[1] *Thung (thung lũng)*: dải đất trũng và kéo dài nằm giữa hai sườn đồi, núi.

Viết

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)

Trong đời sống, trước một vấn đề, thường có những ý kiến khác nhau, trong đó có thể có ý kiến khiến ta không thể đồng tình. Biết tán thành với ý kiến đúng thì cũng cần biết phản đối ý kiến sai. Nhiều trường hợp, sự phản đối được thể hiện bằng bài văn nghị luận. Để việc phản đối có sức thuyết phục, người viết văn nghị luận cần đưa ra ý kiến rõ ràng, lí lẽ sắc bén, bằng chứng tiêu biểu, xác thực, dựa trên những tiêu chuẩn chân lí được thừa nhận rộng rãi.

Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối):

- Nêu được vấn đề, làm rõ thực chất của vấn đề.
- Trình bày rõ ràng ý kiến phản đối của người viết về một quan niệm, cách hiểu khác.
- Đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để chứng tỏ ý kiến phản đối là hoàn toàn có cơ sở.

Phân tích bài viết tham khảo

Việc lớn, việc nhỏ

"Tôi chỉ làm việc lớn, việc nhỏ là việc vô nghĩa, tôi không thích làm" – đây là đề tài chúng tôi sẽ thảo luận trong mục *Mỗi tuần một câu chuyện* vào chiều thứ Bảy tuần này. Cô giáo cho biết, một anh học sinh khoá trước đã "tuyên bố" như vậy trong buổi cả lớp lao động quét dọn, vệ sinh sân trường, lớp học. Tôi thực sự bị thu hút bởi đề tài cô giáo vừa nêu. Tôi biết trong lớp, không ít bạn có suy nghĩ giống như "tác giả" của câu nói trên. Theo tôi, câu nói đó đã bộc lộ một quan điểm thật khó chấp nhận.

Nêu vấn đề nghị luận.

Thể hiện ý kiến không đồng tình với quan niệm.

Trước hết, muốn chỉ ra chỗ bất ổn của quan điểm trên đây, cần hiểu thế nào là *việc lớn*, *việc nhỏ*, *việc vô nghĩa* và thái độ của chúng ta trước những công việc như vậy.

Việc lớn có thể hiểu là những việc hệ trọng, đòi hỏi người ta phải dành nhiều thời gian, công sức, trí tuệ,... để giải quyết. Đối với học sinh, việc lớn nhất là học tập nhằm chiếm lĩnh tri thức, hình thành và phát triển năng lực;

Sử dụng lí lẽ và bằng chứng để thể hiện sự phản đối khía cạnh thứ nhất của quan niệm.

rèn luyện thể chất để có cơ thể khoẻ mạnh; trau dồi phẩm chất, trở thành con người chân chính. Trên từng bước trưởng thành, những việc lớn luôn chờ đợi chúng ta. Tốt nghiệp phổ thông, học một ngành đại học hay một nghề, ra trường có việc làm ổn định, xây đắp sự nghiệp, lo toan cuộc sống gia đình, đảm trách một nhiệm vụ trong xã hội,... tất cả đều là những việc trọng đại của đời người. Vậy, có riêng gì anh học sinh ấy, trong đời, ai mà chẳng phải làm việc lớn? Anh ấy không thể lấy cớ "bận làm việc lớn" để né tránh những "việc nhỏ" mà anh có bổn phận phải làm, giống như mọi người.

Sử dụng lí lẽ và bằng chứng để thể hiện sự phản đối khía cạnh thứ hai của quan niệm.

Bên cạnh việc lớn, hằng ngày còn có bao nhiêu việc nhỏ chúng ta phải làm. Trong gia đình có những công việc ngỡ rất tầm thường, nhưng không thể không làm như quét dọn nhà cửa, cọ rửa ấm chén, lau chùi bàn ghế, tưới cây, chăm sóc vật nuôi,... Đến trường, không chỉ học tập, chúng ta còn phải tham gia những việc nhỏ như dọn vệ sinh lớp học, trồng cây trong vườn trường, thu gom rác thải nhựa,... Nếu người nào cũng cho rằng mình được sinh ra chỉ để làm việc lớn thì những việc nhỏ kia sẽ đùn đẩy cho ai? Con cái không tranh thủ đỡ đần, hẳn bố mẹ phải nai lưng ra làm hết các việc sau khi đã bận rộn cả ngày ở cơ quan, trong công xưởng hay ngoài đồng ruộng. Trong lớp, mình chừa việc ra thì các bạn khác phải gánh vác. Tuyên bố rằng chỉ làm việc lớn, không làm việc nhỏ như anh bạn kia thực sự là biểu hiện của một thái độ thiếu trách nhiệm với gia đình hoặc với tập thể. Nói như thế còn là một cách biện minh cho sự biếng nhác đã thành thói quen.

Sử dụng lí lẽ và bằng chứng để thể hiện sự phản đối khía cạnh thứ ba của quan niệm.

Có một câu hỏi cần được trả lời: Việc nhỏ có phải là việc vô nghĩa không? Quả thật, đôi khi có người đã làm những việc không đưa lại bất cứ ích lợi gì. Không thể đánh đồng những trò tầm thường đó với những việc tuy nhỏ mà ý nghĩa lớn lao. Tôi đã đọc bài báo nói về chuyện ông Ni-nô-mi-gia (Ninomiya) – một doanh nhân người Nhật. Trong những ngày tháng làm việc ở Việt Nam, cứ mỗi sáng Chủ nhật, ông đến nhặt rác để làm sạch Hồ Gươm. Việc làm của ông Ni-nô-mi-gia có sức lan toả rất lớn. Từ chỗ một mình ông Ni-nô-mi-gia, thời gian sau đã có thêm hơn chục người nước ngoài cùng tham gia nhặt rác. Việc làm ấy đúng là rất nhỏ, nhưng ý nghĩa và sức tác động của nó thì không hề nhỏ chút nào.

Ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối.

Càng suy nghĩ, tôi càng thấy câu nói "*Tôi chỉ làm việc lớn, việc nhỏ là việc vô nghĩa, tôi không thích làm*" hoàn toàn không đúng. Sự lệch lạc trong nhận thức như vậy không chỉ cản trở chúng ta thể hiện trách nhiệm

trước tập thể, cộng đồng, mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách của bản thân. Đối thoại thẳng thắn với quan điểm này là một điều hết sức cần thiết, vì có như vậy chúng ta mới phân biệt được đúng sai trong suy nghĩ, từ đó, biết cách điều chỉnh, lựa chọn hành vi phù hợp. Mọi người ai cũng có quyền nghĩ đến những việc lớn và cố gắng cao nhất để thực hiện ước mơ của mình, nhưng hãy nhớ rằng, nhiều khi chính việc lớn được bắt đầu từ những việc nhỏ. Không ít tấm gương thành đạt trong cuộc sống đã cho ta bài học ấy.

(Bài làm của học sinh, có chỉnh sửa)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

a. *Lựa chọn đề tài*

Cần quan sát thực tế diễn ra hằng ngày (trực tiếp hoặc qua các phương tiện như ti vi, báo, đài,...) để nhận thấy, trong cuộc sống hiện nay, có những quan niệm chưa đúng đắn, tác động không tốt đến đời sống cộng đồng, cần bày tỏ thái độ phản đối. Em có thể tham khảo một số ý kiến sau đây để chọn đề tài cho bài viết của mình:

Mục đích viết

Phản đối quan niệm, cách hiểu không đúng về một vấn đề, nhằm góp phần tạo nên một sự thay đổi tích cực trong đời sống.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè và những ai quan tâm đến vấn đề.

– Vệ sinh trường học là trách nhiệm của những người lao công đã được nhà trường trả lương.

– Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích.

– Tắt thiết bị điện trong Giờ Trái Đất chỉ là việc làm hình thức, không có tác dụng, vì chẳng tiết kiệm điện được bao nhiêu.

– Sách giáo khoa bố mẹ đã bỏ tiền mua, trở thành sở hữu của mình, nếu muốn, mình có thể viết, vẽ vào đó.

b. *Tìm ý*

Sau khi chọn được đề tài, cần tiến hành tìm ý bằng cách trả lời một số câu hỏi:

– *Vấn đề gì cần bàn luận ở bài viết?*

Vấn đề cần bàn luận phải được nêu ra. Có thể giải thích thêm để người đọc nắm được thực chất của vấn đề. Ví dụ, cách nêu vấn đề ở bài viết tham khảo: ""*Tôi chỉ làm việc lớn, việc nhỏ là việc vô nghĩa, tôi không thích làm*" – *đây là đề tài chúng tôi sẽ thảo luận trong mục "Mỗi tuần một câu chuyện" vào chiều thứ Bảy tuần này*".

– *Trước ý kiến trái ngược với quan điểm của bản thân, cần thể hiện ý kiến của mình như thế nào?*

Nhận thức của người viết về tính đúng/ sai của một quan niệm, một ý kiến phải rõ ràng, dứt khoát. Nếu đúng, cần khẳng định; nếu sai, cần phản đối. Cần có một hoặc một số câu thể hiện được thái độ này. Ví dụ: Ở bài viết tham khảo, người viết nêu ý kiến: "*Tôi biết trong lớp, không ít bạn có suy nghĩ giống như "tác giả" của câu nói trên. Theo tôi, câu nói đó đã bộc lộ một quan điểm thật khó chấp nhận*".

– *Làm cách nào để ý kiến của mình thuyết phục được người đọc?*

Ý kiến tán thành hay phản đối phải có cơ sở. Muốn người đọc hiểu được quan điểm của mình, cần trình bày thành ý rõ ràng, có lí lẽ và bằng chứng cụ thể, xác thực. Ví dụ, ở bài viết tham khảo, người viết đã lần lượt nêu ba ý phản đối:

+ *Trên đời, ai cũng có việc lớn, không thể lấy cớ phải làm việc lớn để trốn tránh những việc nhỏ* (lí lẽ, bằng chứng).

+ *Không làm việc nhỏ hằng ngày trong gia đình và ở lớp học là biểu hiện của thái độ thiếu trách nhiệm và biếng nhác* (lí lẽ, bằng chứng).

+ *Đánh đồng việc nhỏ với việc vô nghĩa để từ chối nó là điều không thể chấp nhận* (lí lẽ, bằng chứng).

c. *Lập dàn ý*

Sắp xếp các ý đã tìm được ở trên vào các phần của bài viết theo một trật tự hợp lí để có một dàn ý. Nhiệm vụ của từng phần được thể hiện rõ trong dàn ý.

Dàn ý

– *Mở bài:* Nêu được vấn đề nghị luận và bày tỏ ý kiến phản đối cách nhìn nhận về vấn đề.

– *Thân bài:*

+ Ý 1. Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận.

+ Ý 2. Phản đối các khía cạnh của ý kiến, quan niệm (lí lẽ, bằng chứng).

+ Ý 3. Nhận xét những tác động tiêu cực của ý kiến, quan niệm đối với đời sống (lí lẽ, bằng chứng).

– *Kết bài:* Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối.

2 VIẾT BÀI

Khi viết bài, em cần đặt dàn ý trước mặt để thường xuyên tự kiểm soát việc viết từng phần và triển khai từng ý.

– Mở bài: Nêu được vấn đề nghị luận. Có thể bắt đầu bằng một tình huống, một câu chuyện có liên quan hay giới thiệu trực tiếp vấn đề.

– Thân bài: Các ý chính cần được trình bày rành mạch, mỗi ý được triển khai trong một đoạn văn riêng, rõ ràng, mạch lạc; bằng chứng cụ thể, thuyết phục. Khi viết, cần chú ý mạch văn trôi chảy, kết nối các câu trong đoạn và các đoạn trong bài chặt chẽ, hợp lí. Tránh cách viết kể lể, rườm rà.

– Kết bài: Khẳng định lại ý nghĩa của việc bàn luận, giúp người đọc suy nghĩ đúng về vấn đề để có sự thay đổi tích cực trong nhận thức và hành động.

3 CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Đối chiếu bài viết với *Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)* và dàn ý để tự đánh giá mức độ đáp ứng của bài viết, từ đó chỉnh sửa theo các gợi ý sau:

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Nêu cụ thể vấn đề nghị luận và ý kiến cần phản đối.	Chỉnh sửa nếu thấy vấn đề nghị luận và ý kiến cần phản đối còn mơ hồ.
Trình bày rõ sự phản đối của người viết về ý kiến vừa nêu.	Diễn đạt cho rõ nếu thấy sự phản đối chưa được thể hiện rõ ràng.
Đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để việc phản đối ý kiến có sức thuyết phục.	Củng cố lí lẽ nếu thấy chưa vững chắc, bổ sung bằng chứng nếu thấy còn thiếu.
Nêu được ý nghĩa của việc phản đối ý kiến trái ngược về vấn đề.	Bổ sung nếu thấy chưa nêu được ý nghĩa hoặc nêu chưa rõ.
Rà soát lỗi về từ ngữ, câu, đoạn văn, liên kết các câu và các đoạn, cách trình bày bài viết.	Sửa những lỗi phát hiện được.

Nói và nghe

Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống

Trước ý kiến về một vấn đề đời sống được bàn luận (liên quan đến chủ đề *Trải nghiệm để trưởng thành*), người nghe có thể tán thành hay phản bác. Thói quen trao đổi như thế là rất cần thiết. Được tán thành, người nói sẽ thấy tự tin hơn vì những điều mình trình bày có sức thuyết phục. Gặp sự phản bác, người nói cần kiểm tra lại ý kiến của mình, biết điều chỉnh nếu thấy chưa đúng và biết cách bảo vệ nếu thấy xác đáng.

1 TRƯỚC KHI NÓI

a. *Chuẩn bị nội dung nói*

– Nội dung nói có thể dựa vào kết quả viết ở bài 6 hoặc bài 8 này. Theo đó, cần tóm lược bài viết thành một dàn ý.

– Nắm vững vấn đề đời sống cần bàn luận và nội dung trình bày.

– Dự kiến các tình huống người nghe có thể phản bác để có phương án tiếp thu và bảo vệ ý kiến.

Mục đích nói

Trình bày để người nghe hiểu đúng bản chất, thấy được ý nghĩa của vấn đề đối với đời sống, từ đó lựa chọn thái độ, cách ứng xử phù hợp.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè và những ai quan tâm đến vấn đề.

– Ghi nhanh một số lí lẽ, bằng chứng cần sử dụng.

b. *Tập luyện*

Đối với kiểu bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống, hình thức tập luyện theo nhóm là thích hợp nhất. Cả nhóm đưa ra một số vấn đề đời sống cần bàn, thay nhau thể hiện các vai người nói và người nghe, phản bác và bảo vệ, tiếp thu, rút kinh nghiệm về kết quả thể hiện.

2 TRÌNH BÀY BÀI NÓI

Người nói	Người nghe
a. *Trình bày ý kiến về vấn đề* – Nêu vấn đề, nói rõ tầm quan trọng của vấn đề trong đời sống xã hội. – Trình bày các khía cạnh để làm rõ thực chất vấn đề. – Nêu ý kiến của bản thân về vấn đề (dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người nghe).	**a. *Tiếp nhận và suy nghĩ về ý kiến của người nói*** – Tập trung lắng nghe và ghi chép các ý cơ bản của bài nói, đối chiếu với sự chuẩn bị của mình để thấy những chỗ tương đồng và khác biệt trong ý kiến. – Ghi nhanh ý kiến trao đổi.
b. *Bảo vệ ý kiến trước sự phản bác của người nghe* – Tóm tắt ý kiến trao đổi, giải thích lại những chỗ người nghe chưa hiểu, dùng lí lẽ và bằng chứng làm rõ tính đúng đắn của ý kiến mình trình bày. – Sẵn sàng trao đổi nếu người nghe tiếp tục thắc mắc, mục đích cuối cùng là để khẳng định sự xác đáng của ý kiến.	**b. *Nêu ý kiến trao đổi*** – Ý kiến cần trình bày ngắn gọn, rõ ràng, bằng câu khẳng định hoặc câu hỏi. – Theo dõi phản hồi của người nói, trao đổi lại nếu thấy chưa thoả đáng, đồng tình nếu thấy ý kiến bảo vệ có sức thuyết phục.

3 SAU KHI NÓI

Người nói và người nghe cùng trao đổi để đánh giá và rút kinh nghiệm về một số mặt:

– Vấn đề đời sống được bàn luận có thiết thực và hấp dẫn không?

– Cách trình bày và cách bảo vệ ý kiến của người nói (nội dung, cách nói, giọng nói, các phương tiện phi ngôn ngữ, tính thuyết phục) đạt ở mức nào?

– Cách phản bác của người nghe (tính xác đáng của nội dung phản bác, cách nêu ý kiến phản bác, tiếp nhận ý kiến bảo vệ của người nói,...) có tác dụng tích cực với người nói không?

– Việc tổ chức thảo luận về các vấn đề đời sống, việc thể hiện rõ ràng thái độ tán thành hay phản bác những ý kiến đã phát biểu có ý nghĩa gì?

Củng cố, mở rộng

1. Những trải nghiệm trong cuộc sống có vai trò như thế nào đối với sự trưởng thành của mỗi người? (Dùng lí lẽ và bằng chứng trong các văn bản đọc ở bài này để tìm câu trả lời.)

2. Chỉ ra những điểm giống nhau và khác nhau về cách nêu ý kiến, cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng giữa hai văn bản *Bản đồ dẫn đường* và *Hãy cầm lấy và đọc*.

3. Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về chủ đề *Sách – người bạn đường*.

4. Chọn trong văn bản *Bản đồ dẫn đường* một câu làm đề tài cho bài nói. Lập dàn ý bài nói và tập luyện cách trình bày.

5. Tìm đọc thêm hai văn bản nghị luận bàn về vấn đề đời sống. Ghi chép ngắn gọn thu hoạch của em đối với từng văn bản (về vấn đề được bàn luận, về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng).

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Những ý nghĩa phong phú của hình ảnh "con đường" và vai trò của cá nhân trong việc lựa chọn đường đi cho cuộc đời mình.
- Mối quan hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.

Câu chuyện về con đường

ĐOÀN CÔNG LÊ HUY[1]

Không phải đợi đến lúc ngồi trước bộ hồ sơ thi đại học em mới nghĩ về con đường em đi. Con đường có ý nghĩa sớm hơn em tưởng. Ngay từ khi em còn nằm cuộn tròn trong bụng mẹ, em đã quẫy đạp để khao khát ra đường. Con đường là chứng nhân đợi chờ em lớn lên. Con đường trước ngõ cũng âm thầm mà tha thiết đứng chờ em thả những bước chân chập chững rời "góc sân và khoảng trời"[2] nhà em. Rồi đường ngõ làng tiếp tục chờ em. Đường cái quan[3] chờ em. Giao lộ chờ em, những hải trình dài dằng dặc chờ em, những đường băng quốc tế mênh mông xứ người chờ em. Con đường là vạch xuất phát em rời tay mẹ bước đi và con đường là thước đo chân em dài đi vào tương lai.

Con đường mở ra văn minh nhân loại, là biểu tượng cho sự trưởng thành của một quốc gia. Đường bộ, đường thuỷ, đường ngầm trong lòng đất, đường trên cao, đường cao tốc, đường siêu tốc,... Từ đi bằng bốn chân, đến đi bằng hai chân, từ đi bằng hai chân, tay (chèo thuyền) đến đi bằng đầu óc, bằng trí tuệ (ô tô, máy bay, tàu vũ trụ,...), con người sẽ còn khám phá ra biết bao con đường mới, không một trở lực nào có thể ngăn cản được. Con đường trí tuệ bắt đầu từ những ngôi trường em đang ngồi học. Những kinh tuyến, vĩ tuyến mới, những nẻo đường ngang dọc mới đang chờ em đó.

(1) Đoàn Công Lê Huy sinh năm 1963, quê ở thành phố Huế, là tác giả của một số cuốn sách viết cho tuổi học trò như: *Một chú bé và một người cha* (2016), *Những bàn tay vẫy, những ngọn đèn ngoan* (2016), *Yêu xứ sở thương đồng bào* (2016), *Gửi em, mây trắng* (2016), *Tôi muốn hỏi em: Về sau thế nào?* (2018).

(2) Tên một tập thơ của nhà thơ Trần Đăng Khoa.

(3) *Đường cái quan*: từ quen dùng trước đây, chỉ đường tương đối rộng, làm trục giao thông chính giữa các địa phương trong nước.

"Đường và chân là đôi bạn thân". Đó là lời bài hát em hát từ thời mẫu giáo. Đường không có chân sẽ không còn là con đường, là sự hoang vu cỏ dại lấp đầy sau tháng năm. Người không có đường sẽ chẳng đi về đâu cả. Con người và con đường. Đôi bạn này có chung một từ "con". Sao không là "cái đường" mà là "con đường"? Bởi chúng đều sống động và có linh hồn, chúng đều là những chuyển động có hướng. Ai cũng có kỉ niệm về "người bạn thân", có nỗi nhớ về những con đường, về những "lối cũ ta về dường như nhỏ lại"[1] khi ta đã rời xa...

Em biết không, còn có một con đường gắn chặt với số phận mỗi người. Ấy là "đường đời". Dẫu là anh em, chị em sinh đôi, khuôn mặt giống nhau như hai giọt nước, thì đường đời của từng người cũng vẫn khác nhau. Con đường này vô hình, không thể vẽ ra giấy, không tính được bằng những đơn vị đo thông thường, không tạo nên bằng các vật liệu xây dựng mà người ta thường dùng cho những con đường chúng ta đi lại hằng ngày. Mỗi người phải tự "thi công" đường đời của chính mình, "vật liệu" là sức lực, trí tuệ và ý chí của bản thân. Trên con đường ấy, mỗi trải nghiệm là một bước trưởng thành. Sự nâng đỡ, dìu dắt không bao giờ là yếu tố quyết định thành công. Có bao giờ em tự hỏi: Sau này mình sẽ là ai? Những gì đang chờ đợi mình phía trước? Em không tự trả lời được, cũng như không ai có thể trả lời câu hỏi đó giúp em. Nhưng có một điều chắc chắn, để đi đến đích, em sẽ phải trải qua không ít thử thách, gian nan. Những lúc như vậy, hãy luôn nhớ rằng, "Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông"[2].

Hai mươi tuổi, chàng thanh niên Lỗ Tấn[3] du học ở Nhật. Ông theo học ngành Y. Tình cờ ông được xem một đoạn phim thời sự, trong đó có cảnh một người Trung Quốc bị người Nhật hành hình, trong lúc những người Trung Quốc khoẻ mạnh khác đứng xem, vẻ mặt đần độn, không phản ứng gì. Ông lập tức bỏ học nghề Y năm thứ 2 và chuyển sang viết văn. Bởi ông nhận thấy học chữa bệnh không quan trọng, bởi dân mà còn ngu muội, hèn nhát thì dù thân thể có khoẻ mạnh cũng chỉ là nô lệ mà thôi. Từ đó, ông muốn dùng ngòi bút để chữa bệnh tật trong tính cách dân tộc. Chính chàng trai kiệt xuất này là tác giả của câu nói nổi tiếng để khích lệ những người mở đường: "Kì thực trên mặt đất vốn làm gì có đường, người ta đi mãi rồi thành đường thôi".

(Đoàn Công Lê Huy, *Gửi em, mây trắng*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2016, tr. 7 – 12, Đoàn Công Lê Huy *chỉnh lí* năm 2021)

[1] Lời bài hát *Lối cũ ta về* của nhạc sĩ Thanh Tùng.
[2] Câu nói nổi tiếng của nhà văn Nguyễn Bá Học (1857 – 1921).
[3] *Lỗ Tấn* (1881 – 1936): nhà văn Trung Quốc.

BÀI 9

HOÀ ĐIỆU VỚI TỰ NHIÊN

Trong mỗi bước đi cùng với thiên nhiên,
chúng ta nhận được nhiều hơn những gì ta tìm kiếm.

Giôn Mi-ơ (John Muir)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Hiểu biết về tự nhiên, biết sống hài hoà với tự nhiên càng ngày càng được nhìn nhận là những giá trị sống cơ bản mà con người cần hướng đến trong xã hội hiện đại. Nhân loại đã từng mắc nhiều sai lầm trong cách ứng xử với tự nhiên để rồi phải trả những giá đắt. Nhưng thực tế cũng cho thấy từ xa xưa, nhiều cộng đồng xã hội đã biết chọn cách sống tôn trọng quy luật của tự nhiên, nương theo nhịp điệu của tự nhiên để có được sự thanh thản, hạnh phúc.

- Qua đọc các văn bản thông tin và một tản văn kết nối về chủ đề trong bài học này, em vừa nghe được những lời cảnh báo của môi trường tự nhiên, vừa tiếp nhận được những tín hiệu ấm áp từ một lễ tục lạ cần duy trì. Tất cả sẽ giúp em hiểu hơn về sự sống, đời sống quanh ta để biết bộc lộ tình yêu đối với sự sống, đời sống đó theo cách đầy trách nhiệm và sáng suốt.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin, cách triển khai, vai trò của các chi tiết, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; nêu được trải nghiệm giúp bản thân hiểu hơn văn bản.
- Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.
- Nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của cước chú và tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin; hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó.
- Bước đầu biết viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.
- Giải thích được (dưới hình thức nói) quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.
- Biết lựa chọn và trân trọng cách sống hài hoà với tự nhiên.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin

- Có nhiều cách triển khai ý tưởng và thông tin khác nhau cho một văn bản thông tin. Bên cạnh cách triển khai theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả khá quen thuộc, các tác giả cũng thường chọn cách đưa ra liên tiếp nhiều góc nhìn khác nhau về sự vật, hiện tượng để độc giả nhận thấy được tính phức tạp của vấn đề được đề cập. Cũng có khi người viết lần lượt trình bày về từng bộ phận của đối tượng muốn nói đến trước khi đưa ra một thông tin hay quan điểm nhìn nhận thông tin mang tính bao trùm.

- Việc chọn cách triển khai ý tưởng và thông tin luôn phụ thuộc vào đặc điểm của đối tượng được nói tới, vào mục đích viết và hiệu quả tác động đến người đọc.

Văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động

Đây là loại văn bản thuyết minh nói về đặc điểm của một trò chơi hay hoạt động, giúp người đọc có thể tham gia, thưởng thức hay đánh giá về trò chơi, hoạt động ấy một cách thuận lợi. Văn bản thường trình bày chi tiết về cách chơi, cách tổ chức hoạt động (thời gian, địa điểm, số lượng người tham gia, các điều kiện phải đảm bảo,...) bằng những câu ngắn gọn, dễ hiểu, có thể kèm theo các hình vẽ hay bức ảnh mang tính minh hoạ.

Cước chú

- Cước chú là loại chú thích đặt ở chân trang hoặc cuối văn bản về một từ ngữ khó hiểu hay một nội dung chưa quen với phần lớn độc giả, vốn xuất hiện trong phần chính của trang hoặc của văn bản. Loại chú thích cho biết văn bản hay một số yếu tố của văn bản được lấy từ nguồn nào cũng được gọi là cước chú.

- Cước chú xuất hiện rất nhiều trong các văn bản thông tin (nhất là văn bản khoa học), văn bản nghị luận và văn bản văn học cổ được đời sau in lại.

- Nhờ cước chú, người đọc có thêm điều kiện để nắm bắt được một cách chính xác những thông tin, thông điệp, ý nghĩa của văn bản.

Tài liệu tham khảo

- Tài liệu tham khảo là những tài liệu mà người tạo lập văn bản tìm đọc và khai thác các thông tin cần thiết, có liên quan tới vấn đề được trình bày trong văn bản.

- Tài liệu tham khảo thường được ghi sau phần kết thúc của văn bản, có thể có nhiều đơn vị, được đánh số và sắp xếp theo một quy ước thống nhất.

- Thông qua danh mục tài liệu tham khảo được tác giả ghi lại, người đọc có thể có được những nhận định bước đầu về độ tin cậy của nội dung thông tin trong văn bản hay giá trị chuyên môn, khoa học của văn bản.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Thuỷ tiên tháng Một,* Thô-mát L. Phrít-man (Thomas L. Friedman)
VĂN BẢN 2. *Lễ rửa làng của người Lô Lô*, Phạm Thuỳ Dung
VĂN BẢN 3. *Bản tin về hoa anh đào,* Nguyễn Vĩnh Nguyên

VĂN BẢN 1

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. *"Thời tiết bây giờ khó lường thật!"* – Đó là lời nhận xét ta vẫn thường nghe. Em có cảm nhận gì về những lo lắng ẩn chứa trong đó?

2. Qua quan sát trực tiếp hoặc qua tìm hiểu các nguồn thông tin, em đã biết được những thay đổi bất thường nào trong nhịp sinh trưởng và tập tính của một số loài sinh vật? Những thay đổi bất thường ấy đã gợi lên trong em cảm nhận, suy nghĩ gì?

ĐỌC VĂN BẢN

Thuỷ tiên tháng Một

THÔ-MÁT L. PHRÍT-MAN

Theo dõi

Những cách gọi tên khác nhau đối với hiện tượng biến đổi khí hậu trên Trái Đất.

Khi ngày càng có nhiều người phải đối mặt với biến đổi khí hậu thì trong số đó cũng có thêm nhiều người hiểu rằng đó không chỉ là hiện tượng có cái tên nghe khá êm ái là "sự nóng lên của Trái Đất". "Ồ, mọi thứ chỉ hơi nóng lên một chút thôi, có gì không hay đâu – nhất là nếu bạn cũng là người Min-ne-xô-ta[1] (Minnesota) như tôi?". Không đơn giản thế đâu, nó còn là "sự bất thường của Trái Đất" nữa.

"Sự bất thường của Trái Đất" là cụm từ do Hân-tơ Lo-vin (Hunter Lovins) đặt ra. Ông muốn giải thích với mọi người rằng nhiệt độ trung bình toàn Trái Đất tăng lên (Trái Đất nóng lên) thực sự sẽ dẫn đến các kiểu hiện tượng thời tiết bất thường khác – từ những đợt nóng và hạn hán ở nơi này đến tuyết rơi dày ở nơi kia, và sẽ có bão lớn hơn, lũ lụt nặng nề hơn, mưa to hơn, cháy rừng dữ dội hơn và các loài sinh vật sẽ biến mất. Thời tiết sẽ ngày càng không bình thường. Và đã có hiện tượng đó rồi. Khi những bông hoa thuỷ tiên vàng trên lối đi từ đường phố vào nhà chúng tôi ở Bơ-the-xđa (Bethesda), bang Me-ri-lân (Maryland), vốn thường nở vào tháng Ba,

[1] *Min-ne-xô-ta*: một tiểu bang của Hoa Kỳ, có biệt danh là *Vùng đất của vạn hồ.*

nhưng năm nay lại nở từ đầu tháng Một thì đó chính là sự bất thường, giống như một phép thuật xuất hiện từ trong một tập phim *Thoai-lai Dôn*[1] (*Twilight Zone*) vậy. Tôi gần như nghĩ rằng khi nhìn ra ngoài cửa sổ, tôi sẽ thấy Rót Xơ-linh (Rod Serling), người dẫn truyện, đang cắt cỏ trong sân nhà tôi.

Chú ý

Hiện tượng được nhắc ở đây chứa đựng lời giải thích về nhan đề của văn bản.

Hãy quen với điều đó. Thời tiết có thể sẽ như trong truyện khoa học viễn tưởng, nhưng bản chất khoa học của nó là hoàn toàn có thật. Nhiệt độ trung bình chỉ cần tăng lên một chút là thời tiết đã thay đổi rất nhiều, vì chính chênh lệch nhiệt độ làm hình thành cũng như tạo ra hướng vận động của gió trên bề mặt Trái Đất. Do đó, khi bạn làm thay đổi nhiệt độ trên bề mặt Trái Đất, bạn cũng làm thay đổi hướng gió – và cả tình hình gió mùa trước khi bạn nhận biết được điều đó nữa. Khi Trái Đất nóng hơn, tốc độ bay hơi nước cũng thay đổi – đó là lí do chủ yếu làm xuất hiện những trận mưa bão rất lớn ở nơi này và những đợt nóng khắc nghiệt hơn, hạn hán kéo dài hơn ở nơi khác.

Lũ lớn (tháng 8/2020) ở thượng nguồn sông Trường Giang (Trung Quốc) dâng nước đến chân tượng Phật khổng lồ 1 200 tuổi. Nguồn: *Chai-nơ Niu (China News)* (báo điện tử *Thế giới và Việt Nam* đăng lại ngày 21/8/2020)

Tại sao chúng ta lại đồng thời có thời tiết ở cả hai thái cực[2] – ẩm ướt hơn và khô hạn hơn – cùng một lúc? Nhiệt độ trung bình tăng và cả Trái Đất nóng lên sẽ dẫn tới đất bốc hơi nhiều hơn. Vì thế, những khu vực có khí hậu khô tự nhiên sẽ càng khô hơn. Cùng lúc đó, tốc độ bay hơi của nước tăng – do Trái Đất nóng lên – cũng đưa nhiều hơi nước hơn vào không khí, vì vậy, những khu vực gần diện tích mặt nước rộng, nơi thường có lượng mưa cao sẽ có

Theo dõi

Giải thích của tác giả về sự xuất hiện đồng thời hai thái cực của thời tiết.

[1] *Thoai-lai Dôn*: chương trình truyền hình viễn tưởng, kinh dị của Mỹ, do Rót Xơ-linh sản xuất (chú thích trong sách *Nóng, Phẳng, Chật*).
[2] *Thái cực*: điểm đầu mút của một phía trong sự đối lập với điểm đầu mút của phía kia (nghĩa trong văn bản).

xu hướng càng ẩm ướt hơn. Chúng ta biết chu kì tuần hoàn của nước có đặc điểm là: hơi ẩm bốc lên sẽ phải rơi xuống, và ở đâu ẩm hơn thì ở đó mưa nhiều hơn. Tổng lượng mưa trên toàn cầu sẽ tăng, và lượng mưa trong mỗi cơn bão được cho rằng cũng sẽ tăng theo – do đó gây ra mưa lớn hơn, lũ lụt nghiêm trọng hơn. Đó là lí do tại sao cụm từ "sự nóng lên của Trái Đất" vẫn là nhẹ nhàng, chưa mô tả đầy đủ mối đe doạ lớn lao tiềm ẩn.

Suy luận

Tại sao có thể cho rằng người ta đã nhầm lẫn khi dùng thuật ngữ "sự nóng lên của Trái Đất"?

Như Giôn Hô-đơ-rơn (John Holdren) nói: "Thuật ngữ quen thuộc "sự nóng lên của Trái Đất" là một sự nhầm lẫn. Nó gợi lên một cái gì đó đồng nhất[1], từ từ xảy ra, chủ yếu muốn nhắc đến nhiệt độ, và hiện tượng đó hoàn toàn có thể không gây ra vấn đề gì. Nhưng thực tế khí hậu Trái Đất đang diễn ra khác hẳn. Nó không giống nhau trên các vùng địa lí. Nó nhanh hơn so với tốc độ biến đổi khí hậu tự nhiên trước kia, đồng thời nhanh hơn khoảng thời gian để hệ sinh thái và xã hội loài người có thể điều chỉnh. Nó đang tác động lên một loạt các hiện tượng khí hậu đặc biệt quan trọng khác, ngoài nhiệt độ còn có lượng mưa, độ ẩm không khí, độ ẩm của đất, sự lưu chuyển không khí, bão, tuyết và diện tích mặt băng, dòng hải lưu[2] và hiện tượng "nước trồi"[3]. Và rõ ràng ảnh hưởng của nó lên đời sống con người đang và sẽ mang tính tiêu cực nhiều hơn là tích cực. Có một cái tên khác chính xác hơn, mặc dù nghe nặng nề hơn "sự nóng lên của Trái Đất", đó là "sự rối loạn khí hậu toàn cầu"".

Hạn mặn khốc liệt ở Đồng bằng sông Cửu Long đầu năm 2020,
ảnh của Quốc Trung, báo điện tử *Đại đoàn kết*, ngày 24/02/2020

Trang CNN.com (ngày 07/8/2007) giới thiệu một báo cáo do Tổ chức Khí tượng Thế giới (WMO) của Liên hợp quốc công bố, nội dung về các hiện tượng thời tiết dữ dội trong năm mà trước kia chưa từng xảy ra. Có thể đặt tên báo cáo đó là "Sự bất thường của Trái Đất năm 2007":

(1) *Đồng nhất*: cùng một loại.
(2) *Hải lưu*: dòng chảy tạo nên do sự chuyển dịch các phân tử nước từ nơi này tới nơi khác trên biển và đại dương.
(3) *Hiện tượng "nước trồi"* (tiếng Anh: *upwelling*): nước ở tầng sâu và đáy, thường lạnh và giàu dinh dưỡng, được đẩy lên bề mặt đại dương (chú thích trong sách *Nóng, Phẳng, Chật*).

Bốn đợt gió mùa, nhiều gấp đôi mọi năm, đã gây ra lũ lụt nặng nề ở Ấn Độ, Pa-ki-xtan (Pakistan) và Băng-la-đét (Bangladesh),... Anh và xứ U-ên (Wales) cũng trải qua khoảng thời gian từ tháng Năm đến tháng Bảy mưa nhiều chưa từng thấy kể từ mức kỉ lục năm 1766. Đến cuối tháng Bảy, nước sông dâng cao đe doạ tràn lên hai bờ... Cuối tháng trước, ở Xu-đăng (Sudan), lũ và mưa lớn đã làm sập 23 000 ngôi nhà xây bằng gạch đất sét, khiến ít nhất 62 người thiệt mạng. Cơn mưa này to bất thường và diễn ra sớm hơn so với mọi năm... Vào tháng Năm, những đợt sóng lớn, cao đến 4,6 m đã tràn qua 68 hòn đảo của Man-đi-vơ (Maldives), gây ra lũ lụt và thiệt hại nghiêm trọng... Cũng vào tháng Năm, khắp nước Nga phải chịu một đợt nóng kéo dài... Đông nam châu Âu cũng không thoát được thời tiết bất thường, với nhiệt độ nóng kỉ lục vào tháng Sáu và tháng Bảy... Nhiều nơi ở Nam Mỹ lại phải chịu một mùa đông lạnh khác thường đối với vùng phía nam, gây ra gió, bão tuyết và tuyết rơi vốn hiếm xảy ra. Vào tháng Bảy, nhiệt độ xuống tới –22°C ở Ác-hen-ti-na (Argentina), –18°C ở Chi-lê (Chile). Tháng Sáu, Nam Phi trải qua một đợt tuyết lớn nhất kể từ năm 1981, ở một vài vùng tuyết rơi dày đến 25 cm trên mặt đất...

Theo dõi

Cách trình bày đoạn trích dẫn dài lấy từ một nguồn tài liệu tham khảo có liên quan tới vấn đề đang bàn.

Xu hướng các hiện tượng thời tiết vốn cực đoan[1] ngày càng cực đoan hơn vẫn tiếp tục cho đến tận mùa hè năm 2008. Những cơn mưa lớn chưa từng thấy ở bang Ai-o-oa (Iowa) khiến sông Xi-đa (Cedar) tràn bờ và trung tâm thành phố Xi-đa Ra-pít (Cedar Rapids) bị lụt. Mực nước sông cao hơn mặt nước biển đến 9,1 m, cao chưa từng thấy và không ai có thể nghĩ nước lên đến mức ấy. Báo *Niu Óóc Thai-mơ* (*New York Times*) (ngày 13/6/2008) có một câu mô tả chính xác tình trạng bất thường của Trái Đất mà người Ai-o-oa hẳn đang cảm thấy: "Giép Dooc (Jeff Zogg), nhà thuỷ văn học đang làm việc cho Trung tâm Thời tiết ở Đa-vin-pót (Davenport), Ai-o-oa nói: "Thường khi phá kỉ lục, bạn chỉ có thể vượt qua mức cũ 2,5 đến 5 cm. Nhưng hơn kỉ lục cũ tận 1,8 m thì quá sức ngạc nhiên"".

Liên hệ

Hiện tượng thời tiết cực đoan đang diễn ra thế nào trong thời điểm hiện nay?

(Thô-mát L. Phrít-man, *Nóng, Phẳng, Chật*, Nguyễn Hằng *dịch*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr. 179 – 181)

[1] *Cực đoan*: tình trạng lệch hẳn về một phía gây nhiều lo ngại, đối lập với sự hài hoà thông thường (nghĩa trong văn bản).

SAU KHI ĐỌC

- **Thô-mát L. Phrít-man** sinh năm 1953, là nhà báo người Mỹ, phụ trách chuyên mục các vấn đề quốc tế của báo *Niu Oóc Thai-mơ*. Ông đã ba lần được trao giải Pu-lít-dơ (Pulitzer). Các tác phẩm nổi tiếng: *Chiếc Lếch-xớt (Lexus) và cây ô-liu* (1999); *Thế giới phẳng* (2005 – 2007); *Nóng, Phẳng, Chật* (2008);...
- *Nóng, Phẳng, Chật* nói về những thách thức lớn nhất mà hiện nay nước Mỹ đang đối mặt: khủng hoảng môi trường toàn cầu và việc đánh mất vị thế của một quốc gia dẫn đầu. *Thuỷ tiên tháng Một* là một bài nằm trong mục 5 (*Sự bất thường của Trái Đất*) thuộc phần 2 (*Tại sao chúng ta lại ở đây*) của cuốn sách.

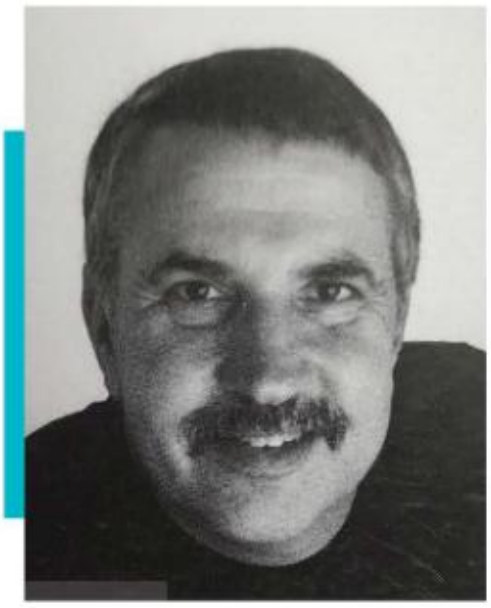

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Hãy chọn trong văn bản một cụm từ có thể khái quát được nội dung chính của vấn đề mà tác giả muốn trao đổi.
2. Nhan đề của văn bản đã gợi cho em những ấn tượng, suy nghĩ gì? Chi tiết hoa thuỷ tiên nở đầu tháng Một có thể được xem là một chi tiết "đắt" hay không? Vì sao?
3. "Sự bất thường của Trái Đất" đã được tác giả làm sáng tỏ qua những bằng chứng nào? Dựa vào trải nghiệm riêng của em, hãy bổ sung bằng chứng cho vấn đề này.
4. Theo em, trong văn bản, đoạn văn nào thể hiện rõ mối quan hệ nhân quả giữa các sự kiện thuộc loại "sự biến đổi cực đoan của thời tiết"? Cho biết vì sao em xác định như vậy.
5. Hãy chỉ ra những dấu hiệu chứng tỏ khi viết văn bản này, tác giả đã sử dụng nhiều tài liệu tham khảo cần thiết.
6. Tác giả đã đưa vào văn bản rất nhiều số liệu. Đó là những số liệu nào? Việc dẫn số liệu như vậy có ý nghĩa gì?
7. Nêu lên điều có ý nghĩa nhất mà em thu nhận được sau khi đọc văn bản này.

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) trình bày hiểu biết và suy nghĩ của em về tác động của biến đổi khí hậu ở vùng miền em đang sống.

Thực hành tiếng Việt

CƯỚC CHÚ

1 Kẻ bảng sau vào vở. Ghi những từ ngữ, nội dung có cước chú trong văn bản *Thuỷ tiên tháng Một* vào các cột phù hợp.

Từ ngữ được giải thích nghĩa	Đối tượng được cung cấp thông tin về xuất xứ	Sự vật, hiện tượng được miêu tả, giải thích
– Thái cực ...	– Ảnh của Quốc Trung ...	– Min-ne-xô-ta ...

2 Dựa trên quan sát của em về những cước chú trong văn bản *Thuỷ tiên tháng Một*, hãy kẻ bảng sau vào vở và điền nội dung cần thiết vào ô trống.

Các thành phần của cước chú	Vị trí đặt cước chú	Nội dung cước chú	Ngôn ngữ của cước chú
– Kí hiệu đánh dấu đối tượng được chú thích ...	– Chân trang ...	– Giải thích nghĩa của từ ngữ ...	– Ngắn gọn ...

3 Theo em, cần có thêm cước chú cho từ ngữ, nội dung nào có trong văn bản đã đọc ở trên? Vì sao?

4 Hãy trình bày về cách ghi cước chú cho một trong những từ ngữ, nội dung được đề nghị ở bài tập 3.

Cách ghi cước chú

- Đánh dấu từ ngữ, nội dung cần cước chú bằng chữ số hoặc dấu hoa thị.
- Ở chân trang hoặc cuối văn bản, lần lượt chú thích về từng từ ngữ hay nội dung đã được đánh dấu để tạo thành một cước chú hoàn chỉnh gồm các thành phần: kí hiệu đánh dấu đối tượng; tên đối tượng; dấu hai chấm; nội dung giải thích.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

5 Việc cung cấp thông tin về tài liệu tham khảo đã được Thô-mát L. Phrít-man thực hiện như thế nào trong *Thuỷ tiên tháng Một*?

6 Ngoài cách ghi như trong văn bản *Thuỷ tiên tháng Một* của tác giả Thô-mát L. Phrít-man, nguồn tài liệu tham khảo đó có thể được trình bày theo cách khác: đặt ở một phần riêng cuối văn bản. Cụ thể như sau:

Thao tác trích dẫn tài liệu tham khảo

- Đặt trong dấu ngoặc kép đoạn trích dẫn nguyên văn một ý kiến, nhận định nào đó.
- Nêu thông tin về họ, tên tác giả của ý kiến, nhận định được trích dẫn (có thể đặt trước hoặc sau đoạn trích dẫn).
- Ghi đầy đủ tên tài liệu được trích dẫn cùng nơi xuất bản, thời gian xuất bản vào vị trí thích hợp (ghi như một cước chú; ghi ngay sau đoạn trích dẫn; ghi ở phần cuối văn bản trong mục *Tài liệu tham khảo*).

Tài liệu tham khảo

1. Tổ chức Khí tượng Thế giới (07/8/2007), "Trên toàn cầu, năm 2007 đang trên đà trở thành một năm thời tiết khắc nghiệt", *https://edition.cnn.com/2007/TECH/science/08/07/weather.extremes/index.html*

2. Cri-xtốp-phơ Ma-gơ (Christopher Maag) (13/6/2008), "Ở phía đông Ai-o-oa, thành phố "sẽ không bao giờ ngập lụt" nằm dưới độ sâu 12 phít[1]", *https://www.nytimes.com/2008/06/13/us/13flood.html*

Hãy chỉ ra sự khác biệt giữa hai cách ghi nguồn tài liệu tham khảo nêu trên. Theo tìm hiểu của em, trong hai cách ghi đó, cách nào được sử dụng phổ biến hơn trên sách báo hiện nay?

7 Lập bảng theo mẫu sau để đánh giá tác dụng của việc viện dẫn thông tin và sử dụng tài liệu tham khảo trong *Thuỷ tiên tháng Một*:

STT	Thông tin được viện dẫn và tài liệu tham khảo đã sử dụng	Tác dụng của việc viện dẫn thông tin và sử dụng tài liệu tham khảo
...	...	...
...	...	...

VĂN BẢN 2

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Hãy kể ngắn gọn một phong tục thể hiện nếp sống gắn bó với thiên nhiên của người Việt Nam (xưa hoặc nay) mà em được biết.

2. Hẳn em đã từng được nghe giới thiệu về quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động nào đó. Hãy nêu một vài ấn tượng của em xung quanh việc giới thiệu này.

ĐỌC VĂN BẢN

Lễ rửa làng của người Lô Lô

PHẠM THUỲ DUNG

Khi xong xuôi mùa vụ, đồi núi thênh thang, người Lô Lô lại nghĩ tới việc tổ chức lễ rửa làng vào một ngày đẹp trời với những ước vọng tốt lành cho cuộc sống ấm no.

Liên hệ

Thời điểm thường được chọn để tổ chức lễ hội trên mọi miền đất nước.

[1] *Phít*: đơn vị đo chiều dài, được sử dụng phổ biến ở các nước nói tiếng Anh; 1 phít bằng 30,48 cm.

Người Lô Lô là một trong những dân tộc thiểu số có dân số ít nhất tại Việt Nam, cư trú chủ yếu ở tỉnh Hà Giang[1] và Cao Bằng. Tuy nhiên, không vì thế mà đồng bào nơi đây thiếu vắng bề dày văn hoá so với những tộc người đông cư dân. Người Lô Lô thường sống tập trung trong các bản làng cố định nên có tính cộng đồng rất rõ nét. Ngoài những lúc làm lụng vất vả, họ lại quây quần bên nhau để cùng thực hiện những nghi thức cổ truyền hướng về nguồn cội và cùng nhau ước vọng về một đời sống ấm no. Bên cạnh những ngày lễ tiêu biểu như lễ nhảy cây, lễ cầu mưa, lễ thờ thần đá, thì người dân Lô Lô còn có lễ rửa làng rất độc đáo, thú vị.

Chú ý

Cách dẫn dắt người đọc vào thông tin chính của văn bản.

Lễ rửa làng có tên gọi là lễ mừng ngô mới, bắt nguồn từ nhận thức của người dân rằng không gian sinh sống của họ phải được "làm sạch", "tẩy rửa" theo định kì[2] để không còn những bụi bặm, đen đủi, tà ma quấy phá. Theo thông lệ, cứ ba năm một, vào thời điểm tháng 5 hoặc tháng 6 âm lịch, người Lô Lô ngồi lại cùng nhau chọn ngày tổ chức lễ rửa làng, thống nhất việc mời thầy cúng và phân công mọi người sắm sanh đồ lễ. Một ngày trước khi tổ chức lễ rửa làng, người dân chuẩn bị lễ vật gồm thẻ hương, chén nước, giấy trúc và con gà trống. Vào tối ngày hôm trước, thầy cúng sẽ thắp hương rồi đặt giấy trúc và chén nước xuống góc nhà để khấn xin tổ tiên đồng ý cho tổ chức lễ rửa làng. Khi thầy cúng bọc tờ giấy trúc lên chén nước mà nước trong chén không bị thấm hoặc đổ ra ngoài thì lễ xin rửa làng đã linh nghiệm[3], báo hiệu việc cúng lễ sẽ thành công. Kết thúc lễ xin, ông thầy đốt tờ giấy trúc để hoàn tất thủ tục cúng.

Theo dõi

Thời điểm diễn ra lễ rửa làng và những việc cần chuẩn bị cho ngày lễ.

Ảnh của Kim Dung
(đăng kèm bài viết trong tạp chí *He-ri-tit* (*Heritage*), tháng 12/2019)

Đoàn người thực hiện lễ cúng vào ngày hôm sau gồm có một thầy cúng chính, một thầy cúng phụ và một số nam giới trong làng đi theo hỗ trợ. Đoàn người sẽ cùng

(1) *Hà Giang*: nay thuộc tỉnh Tuyên Quang.
(2) *Định kì*: khoảng thời gian tương đối cố định đánh dấu sự lặp lại đều đặn của một hoạt động hoặc hiện tượng, sự kiện nào đó.
(3) *Linh nghiệm*: có hiệu quả, có hiệu lực thấy rõ, như nhờ một tác động lạ lùng, bí ẩn nào đó.

nhau đi khắp các nhà, suốt các hang cùng ngõ hẻm trong làng bản, vừa đi vừa gõ chiêng trống rộn ràng nhằm đánh thức những điều đẹp đẽ ngủ quên và xua đi những rủi ro ám ảnh. Theo tiếng chiêng trống vang động, tà khí sẽ sợ hãi mà bay xa. Đồ lễ mang theo đoàn người còn có hai con dê (được cho là có mùi đặc trưng để xua đuổi tà ma), một con gà trống trắng, rượu ngô, hạt ngô, cỏ, kiếm gỗ, kiếm sắt, ba cành lau, ba cành đào, ba cành mận, miếng vải đỏ, đôi sừng trâu và cây tre to. Cây tre dài trước đó đã được đục miệng ở đoạn giữa và đổ đầy đất vào, sau đó cắm hình nhân[1] bằng giấy màu (được cắt theo kiểu đang giơ tay lên van xin, thể hiện cho sự sợ hãi của hồn ma với người dân) rồi cắm hương theo từng hàng dọc ở giữa cây tre giả làm con ngựa.

Theo dõi

Sự miêu tả chi tiết các món đồ lễ.

Trên hành trình đi quanh làng bản, sẽ có hai người dắt hai con dê. Những người còn lại, người thì vác cây tre giả hình ngựa; người quẩy hạt ngô; người xách gà trống trắng cùng các cành đào, mận, lau, vải đỏ,... theo sau thầy cúng đi vào từng nhà dân. [...] Tới nhà nào, gia chủ nơi đó phải chuẩn bị sẵn hình nhân cùng hai bó cỏ và hai bó cỏ để ngầm bồi dưỡng công xua đuổi tà ma cho thầy cúng với thái độ cung kính, thành khẩn.

Theo dõi

Các bên tham dự lễ phải làm những gì khi đoàn hành lễ đi quanh làng bản?

Xong phần lễ, mọi người thấy nhẹ nhõm hơn và tin tưởng vào một tương lai tươi sáng phía trước, làng bản từ nay sẽ phong quang[2], sạch sẽ và mọi việc sẽ thuận lợi, may mắn. Các cô gái trong bản nhân dịp này diện những bộ váy áo đẹp được thêu thùa cầu kì, trên đầu đội những chiếc khăn điệu đà làm dáng, túm tụm bên nhau vui vẻ nói cười. Các chàng trai phấn khởi lớn giọng chúc tụng nhau chén rượu nồng thơm. Các cụ ông, cụ bà anh ánh nét cười nhìn con cháu vui vầy sum họp. Mọi người hoan hỉ ăn tiệc, uống rượu mừng rồi mới ai về nhà nấy, bắt đầu ba năm yên ổn sinh sống và làm ăn. Sau lễ cúng, phải 9 ngày sau người lạ mới được bước vào làng vì người Lô Lô cho rằng nếu để người lạ đến, tà ma lại sẽ theo vào và như vậy là lễ không thiêng nữa. Nếu chẳng may có người lạ vào làng, người đó phải sửa soạn lễ vật để cúng lại, bù vào lễ cúng đã bị họ làm mất thiêng.

Theo dõi

Tác động tinh thần tích cực của lễ rửa làng.

Chú ý

Những quy định nghiêm ngặt về hoạt động sau ngày lễ chính.

Với những nghi thức độc đáo như trên, lễ rửa làng của đồng bào Lô Lô được coi là tín ngưỡng dân gian và nét đẹp truyền thống góp phần làm giàu có thêm cho bản sắc của cộng đồng dân tộc thiểu số Việt Nam.

(*Theo* Phạm Thuỳ Dung, tạp chí *He-ri-tit*, tháng 12/2019, tr. 22 – 24)

[1] *Hình nhân*: hình người bằng giấy, dùng để cúng rồi đốt đi, theo tục lệ mê tín.
[2] *Phong quang*: quang đãng và sáng sủa.

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Nêu những thông tin chính về lễ rửa làng mà em tiếp nhận được từ văn bản (có thể trình bày dưới hình thức một sơ đồ với các phần: thời điểm diễn ra hoạt động; sự chuẩn bị và diễn biến của hoạt động; ý nghĩa của hoạt động;...).

2. Theo em, mục đích của tác giả khi viết văn bản này là gì? Tác giả đã thực hiện mục đích đó như thế nào?

3. Văn bản nhắc đến nhiều hoạt động diễn ra trong lễ rửa làng của người Lô Lô. Hoạt động nào trong đó phải được thực hiện theo luật lệ, hoạt động nào nằm ngoài luật lệ?

4. Tính cộng đồng của các hoạt động trong ngày lễ đã được tô đậm qua những thông tin cụ thể nào?

5. Qua đọc văn bản *Lễ rửa làng của người Lô Lô*, em rút ra được kinh nghiệm gì về cách tạo lập loại văn bản giới thiệu về quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về những giá trị sống được bộc lộ qua lễ rửa làng của người Lô Lô.

VĂN BẢN 3

ĐỌC VĂN BẢN

Bản tin về hoa anh đào

NGUYỄN VĨNH NGUYÊN[1]

Anh bạn tôi là kí giả[2] ở Đà Lạt[3].

Nhiều năm viết báo với trách nhiệm và sự dấn thân, anh đã đóng góp nhiều điều cho những việc lớn của thành phố. Nhưng với riêng tôi, điều đáng nể phục ở anh lại không chỉ nằm ở những loạt phóng sự điều tra gay cấn, những kí sự đường xa đầy phiêu lưu, những tiếng nói phản biện xã hội từ hiện trường đời sống, mà nơi những bản tin nhỏ về hoa anh đào đều đặn xuất hiện hằng năm khi Đà Lạt giao mùa đông – xuân.

[1] Nguyễn Vĩnh Nguyên sinh năm 1979, quê ở Ninh Thuận (nay thuộc tỉnh Khánh Hoà), đã xuất bản nhiều cuốn sách viết về Đà Lạt.
[2] *Kí giả*: người viết báo, nhà báo.
[3] *Đà Lạt*: chỉ thành phố Đà Lạt trước đây, nay gồm các phường Xuân Hương – Đà Lạt, Cam Ly – Đà Lạt, Lâm Viên – Đà Lạt, Xuân Trường – Đà Lạt và một phần phường Lang Biang – Đà Lạt, trực thuộc tỉnh Lâm Đồng.

Bản tin về hoa anh đào thường xuất hiện trên tờ báo T vào đúng cái mùa mà những người yêu Đà Lạt đang phát điên lên vì nhớ núi đồi và cái lạnh tháng Chạp. Có năm, bản tin được viết như một bài thơ, với niềm hứng khởi, hân hoan, loan báo rằng hoa sẽ nở rộ vào tháng tới, trên những con dốc, ngọn đồi A, B, C; có năm, bản tin dự báo hoa sẽ đến muộn và chóng tàn vì thời tiết bất lợi nhưng cũng có năm, bản tin kể lể về một vài gốc anh đào cổ thụ đứng ở góc đường nào đó trong thành phố vừa bị đốn hạ.

Với nhiều người, đó là thứ xa xỉ viễn mơ[1]. Bản thân cái bản tin đó cũng có thể tạo cảm giác lạc lõng ngay trên trang báo, giữa cái thời ai cũng mong chờ báo chí đem lại cái thiết thân[2], cái giật gân, cái chạm vào toan tính mưu sinh thường nhật. Những độc giả bị "sốc hoa[3]" này sẽ hỏi ngay, một bản tin hoa nở, hoa tàn thì liệu có giải quyết được điều gì [...]?

Hoa anh đào Đà Lạt

[...] Tôi đã hình dung cái khó khăn của thuở ban đầu, khi ý tưởng viết một bản tin về hoa vừa đến trong đầu người viết. Rõ ràng ngay lập tức anh sẽ tự hỏi, đó có phải hoặc có nên là một bản tin? Hẳn anh bạn thiết[4] của tôi đã ngồi hàng giờ ở cái quán cà phê quen thuộc dưới bóng một cây anh đào nào đó và ưu tư nhiều lắm, như thể hoàng tử bé với nỗi băn khoăn vô hạn trước một nàng hoa kiều diễm đơn độc trổ gai giữa tinh cầu bé nhỏ, vì chàng không biết làm sao để ngỏ lời với nàng theo

(1) *Viễn mơ*: mơ mộng, xa thực tế.
(2) *Thiết thân*: có quan hệ mật thiết về mặt lợi ích đối với bản thân đối tượng được nói đến.
(3) *Sốc hoa*: ý nói thực sự ngạc nhiên trước bản tin về hoa trong bối cảnh cuộc sống có nhiều điều dường như đáng quan tâm hơn (*sốc*: từ *shock* trong tiếng Anh được Việt hoá).
(4) *Anh bạn thiết*: anh bạn thân thiết.

cách thế[1] tự nhiên nhất. Trong đầu anh bạn hẳn sẽ rộn ràng như những trang văn của Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri nhưng rồi lại phải trở về thực tại với một quyết định vô cùng táo bạo: phải làm cho hiện thực về hoa đào được chấp nhận bình đẳng với mọi thông tin khác trên đời.

Cuối cùng, anh đã vượt qua những chướng ngại đầu tiên trong tinh thần để mạnh dạn ngồi vào bàn viết, chuyển tải cái cảm nhận đầy tinh tế về thực tại cỏ hoa nơi thành phố mình yêu trở thành một thông điệp giá trị cần chia sẻ với nhiều người.

Bản tin về tình trạng hoa đào mỗi năm một lần, xuất hiện trên tờ báo T, với riêng tôi, là điều vô cùng ý nghĩa. Ý nghĩa trên bình diện tư duy trong nghề báo thì đã rồi, nhưng lớn lao hơn, đó là nó đã truyền đi một lối nghĩ khác, để hiểu rằng hoa cỏ – những nhân vật chính lặng lẽ làm nên nhan sắc Đà Lạt, cái hiện thực về xã hội thiên nhiên đó – cũng cần được truyền thông, nâng niu theo cách thế tự nhiên nhất, nghệ thuật nhất, chứ không nhất thiết thông qua những cuộc vận động rộn ràng nhất thời [...].

Tôi đã nghĩ đến một ngày nào đó, những bản tin về sự rối rắm hỗn loạn của xã hội loài người được giảm thiểu trên các tờ nhật báo chuyên về chính trị xã hội, thay vào đó là thông tin về tình trạng của những loài hoa, những mùa hoa nơi thành phố tôi yêu. Khi đó, tâm hồn con người sẽ được thanh lọc, tốt lành biết mấy.

(*Theo* Nguyễn Vĩnh Nguyên, *Với Đà Lạt ai cũng là lữ khách*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2015, tr. 29 – 31)

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Theo em, nhan đề *Bản tin về hoa anh đào* có thể gợi lên ở người đọc những suy đoán gì về nội dung của bài tản văn?
2. Liệt kê những từ ngữ thể hiện trực tiếp ý kiến đánh giá của tác giả đối với các bản tin nhỏ mà người bạn nhà báo đã viết về hoa anh đào. Em nhận xét như thế nào về ý kiến đánh giá đó?
3. Vì sao tác giả lại cho rằng để viết một bản tin về hoa anh đào, người bạn của mình đã phải vượt qua nhiều "khó khăn", "chướng ngại"? Những "khó khăn", "chướng ngại" được nêu lên đó cho biết gì về cách sống và thái độ ứng xử với thiên nhiên của con người trong cuộc sống hiện đại?
4. Hãy làm rõ sự đồng điệu về tâm hồn giữa tác giả và nhân vật được nói tới trong bài tản văn.
5. Nêu khái quát thông điệp chính mà tác giả muốn gửi tới người đọc qua tản văn *Bản tin về hoa anh đào*.
6. Nêu suy nghĩ của em về điều mong muốn mà tác giả thể hiện ở đoạn cuối văn bản.

[1] *Cách thế*: cách.

Thực hành tiếng Việt

NGHĨA CỦA MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT THÔNG DỤNG VÀ NGHĨA CỦA NHỮNG TỪ CÓ YẾU TỐ HÁN VIỆT ĐÓ

1 Em hiểu như thế nào về nghĩa của các yếu tố Hán Việt tạo nên từ *tín ngưỡng* được dùng trong văn bản *Lễ rửa làng của người Lô Lô*? Theo em, khi chưa có sẵn từ điển trong tay, ta có thể suy đoán nghĩa của các yếu tố đó và nghĩa của từ chứa đựng chúng theo cách nào?

2 *Bản sắc, ưu tư, truyền thông* là các từ có yếu tố Hán Việt. Lập bảng theo mẫu được gợi ý sau đây để xác định nghĩa của chúng:

Cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt

- Khi gặp một từ có các yếu tố Hán Việt thông dụng, trước hết, có thể tách từ đó ra thành các yếu tố riêng biệt để xem xét. Ví dụ: ***thuyết minh*** → ***thuyết*** và ***minh***.
- Tiếp đó, tập hợp những từ đã biết có một trong các yếu tố của từ được tách ở trên và xếp chúng vào các nhóm khác nhau. Ví dụ: nhóm có yếu tố ***thuyết***: *thuyết phục, thuyết giảng, lí thuyết, diễn thuyết,...*; nhóm có yếu tố ***minh***: *minh bạch, minh mẫn, tường minh, thanh minh,...*
- Dựa vào nghĩa chung của một vài từ đã biết trong mỗi nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố, từ đó, bước đầu xác định nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt muốn tìm hiểu. Ví dụ: ***thuyết*** → có liên quan tới hành động nói; ***minh*** → *có liên quan tới sự rõ ràng, sáng sủa*; ***thuyết minh*** → *nói rõ ràng ra (về một vấn đề nào đó).*

Từ cần xác định nghĩa		Những từ khác có yếu tố Hán Việt tương tự	Nghĩa của từng yếu tố	Nghĩa chung của từ
bản sắc	bản	***bản*** *chất,* ***bản*** *lĩnh,* ***bản*** *quán, nguyên* ***bản****,...*	*bản:...*	*bản sắc:...*
	sắc	***sắc*** *thái,* ***sắc*** *độ,* ***sắc*** *tố,...*	*sắc:...*	
ưu tư	ưu	...	...	
	tư	...	...	...
...	...	...	...	
	...	...	...	...

Viết

Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động

Bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động có mục đích cung cấp thông tin về quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động đó. Văn bản 2 của phần Đọc thuộc loại này. Hẳn em không thể quên nhiều trò chơi hay hoạt động đặc biệt đã theo suốt tuổi thơ của mình hoặc từng biết đến không ít trò chơi hay hoạt động độc đáo mang đậm bản sắc văn hoá từng vùng miền đất nước. Em hãy giới thiệu về một trò chơi hay hoạt động với mọi người bằng một bài văn thuyết minh.

Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động:

- Giới thiệu được những thông tin cần thiết về trò chơi hay hoạt động (hoàn cảnh diễn ra, đối tượng tham gia).
- Miêu tả được quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động.
- Nêu được vai trò, tác dụng của trò chơi hay hoạt động đối với con người.
- Nêu được ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động.

Phân tích bài viết tham khảo

Chơi chuyền

Trong các trò chơi dân gian Việt Nam, trò chơi chuyền được rất nhiều bạn gái yêu thích. Ở đầu ngõ nhỏ, dưới bóng tre hay ở góc sân nhà, người ta thường thấy cảnh các bạn gái túm năm tụm ba, tóc buộc đuôi gà, cùng nhau đánh chuyền thoăn thoắt.

Giới thiệu trò chơi.

Tham gia trò chơi này thường có từ 2 đến 6 người, chơi theo cặp, cũng có khi chơi luân phiên từng người trong nhóm, hoặc chia các đội. Đồ chơi gồm có 10 que nhỏ gọi là que chuyền và một quả tròn nặng (Trước kia, quả chuyền thường là một thứ quả cây như quả bưởi nhỏ rụng lúc còn non, quả xà cừ, quả cà,... Ngày nay thường là quả bóng ten-nít.). Người chơi tay cầm quả tung lên không trung, đồng thời nhặt que chuyền đã được rải sẵn dưới đất, kịp để bắt quả khi quả rơi xuống. Chơi từ bàn 1 đến bàn 10, người chơi vừa tung quả, nhặt que chuyền vừa đọc những câu đồng dao phù hợp với từng bàn.

Miêu tả cách chơi (quy tắc).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bàn 1 (mỗi lần tung quả lấy 1 que):

Cái mốt

Cái mai

Con trai

Con hến

Con nhện

Chăng tơ

Quả mơ

Quả mận

Con rận

Lên đôi.

Bàn 2 (thường gọi là bàn đôi, mỗi lần tung quả lấy 2 que):

Đôi bánh trôi

Đôi bánh chay

Đôi bánh dày

Đôi bánh đa

Lên bàn ba.

Bàn 3 (mỗi lần tung quả lấy 3 que, lần cuối lấy 1 que dư):

Ba lá đa

Ba lá đề

Ba thằng hề

Lên bàn tư.

Bàn 4 (thường gọi là bàn tư, mỗi lần tung quả lấy 4 que, lần cuối lấy 2 que dư):

Tư củ từ

Tư củ khoai

Hai lên năm.

Bàn 5 (mỗi lần tung quả lấy 5 que):

Năm em nằm

Năm lên sáu.

Bàn 6 (lần đầu tung quả lấy 6 que, lần thứ hai tung quả lấy 4 que còn lại):

Sáu lẻ bốn

Bốn lên bảy.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Các bàn 7, 8, 9 tương tự như bàn 6. Bàn 10 tung quả lấy cả 10 que. Hết bàn 10 thì tung quả và quay que chuyền bằng hai tay, chuyền một vòng, hai vòng hoặc ba vòng,... vừa chuyền vừa đọc: "Đầu quạ, quá giang, sang sông, trồng cây, ăn quả, nhả hột,..." khoảng 10 lần là hết một bàn chuyền vòng. Hết 10 bàn và chuyền vòng tính là một ván.

Miêu tả luật chơi.

Khi đến lượt chuyền, nếu bạn nào không bắt được quả hay bắt que chuyền không đúng sẽ mất lượt. Đối phương sẽ được chơi. Có bạn chơi giỏi có thể chơi một lúc nhiều ván. Tính thắng thua bằng tỉ số hoàn thành các ván.

Nêu tác dụng của trò chơi.

Chơi chuyền luyện sự khéo léo, nhanh tay, nhanh mắt, luyện cả khả năng tính toán trong phạm vi 10. Chơi chuyền còn gắn kết người chơi, củng cố tinh thần đồng đội. Trò chơi này đem đến cho các bạn sự vui vẻ, hoà đồng.

Nêu ý nghĩa của trò chơi.

Hiện nay, chơi chuyền không còn phổ biến như trước. Các bạn nhỏ có thêm nhiều trò chơi khác, nhất là trò chơi công nghệ. Song, với tư cách là trò chơi thể hiện đậm nét một vẻ đẹp của văn hoá dân gian người Việt, chơi chuyền vẫn là "trò" thường có mặt trong các lễ hội và trong các hoạt động phát triển thể chất hoặc hướng tới mục đích lưu giữ bản sắc truyền thống.

(*Nhóm biên soạn*)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

a. *Lựa chọn đề tài*

Em hãy nhớ lại những trò chơi hay hoạt động mà em biết hoặc từng tham gia. Ngày nay, có khá nhiều trò chơi hay hoạt động được tổ chức trong các sự kiện như đi dã ngoại, cắm trại,... Em có thể thuyết minh về những trò chơi hay hoạt động đó. Em cũng có thể chọn những trò chơi dân gian mình đã tham gia hoặc thấy thích thú và muốn tìm hiểu.

Hãy tham khảo một vài trò chơi hay hoạt động sau:

– Trò chơi bịt mắt bắt dê

– Trò chơi nhảy bao bố

Mục đích viết

Cung cấp thông tin về quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè, người thân và những người quan tâm đến trò chơi hay hoạt động được nói đến.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– Trò chơi ô ăn quan

– Trò chơi pháo đất

– Trò chơi cướp cờ

– Thi thả diều

– Thi thổi cơm

– Hát đối đáp.

b. *Tìm ý*

Em hãy tìm ý cho bài viết bằng cách trả lời những câu hỏi dưới đây:

– Trò chơi hay hoạt động đó thường diễn ra ở đâu?

– Trò chơi hay hoạt động đó dành cho lứa tuổi nào?

– Hiện nay người ta có còn chơi trò chơi đó hay duy trì hoạt động đó nữa không?

– Quy tắc, luật lệ của trò chơi hay hoạt động đó là gì?

– Trò chơi hay hoạt động đó có tác dụng như thế nào đối với con người?

– Ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động đó là gì?

c. *Lập dàn ý*

Em hãy sắp xếp các ý tìm được thành một dàn ý.

Dàn ý

– *Mở bài*: Giới thiệu về trò chơi hay hoạt động (tên gọi, hoàn cảnh diễn ra, đối tượng tham gia).

– *Thân bài*:

+ Miêu tả quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động.

+ Nêu tác dụng của trò chơi hay hoạt động.

– *Kết bài*: Ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động đối với cuộc sống con người.

2 VIẾT BÀI

Khi viết bài, em cần lưu ý:

– Kết hợp các thông tin em tham khảo được về trò chơi hay hoạt động và những trải nghiệm của riêng em (nếu có).

– Miêu tả quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động một cách chi tiết, rõ ràng.

– Mỗi ý thuyết minh về trò chơi hay hoạt động trình bày thành một đoạn văn.

3 CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Hãy rà soát bài viết của em theo những yêu cầu ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải.

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được những thông tin cần thiết về trò chơi hay hoạt động.	Nếu bài viết chưa giới thiệu cụ thể tên trò chơi hay hoạt động, hoàn cảnh diễn ra trò chơi hay hoạt động, đối tượng tham gia,... thì cần bổ sung.
Miêu tả chi tiết, rõ ràng quy tắc, luật lệ của trò chơi hay hoạt động.	Bổ sung thông tin (nếu cần) hoặc điều chỉnh các câu, đoạn cho bài viết mạch lạc.
Nêu được tác dụng và ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động.	Nếu việc nêu tác dụng, ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động còn sơ sài hoặc chưa chính xác thì cần bổ sung hoặc điều chỉnh.
Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,... trong bài viết và chỉnh sửa (nếu có).

Nói và nghe

Giải thích quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động

Để các đối tượng tham gia trò chơi hay hoạt động thống nhất trong cách thức hành động, cần có những quy tắc hoặc luật lệ chung mà tất cả đều hiểu và tuân thủ. Trong phạm vi phần Nói và nghe này, em hãy tập trung giải thích quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động mà em yêu thích.

1 TRƯỚC KHI NÓI

a. *Chuẩn bị nội dung nói*

Trong phần Viết, em đã thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động. Dựa trên bài viết, em hãy chọn nội dung cho hoạt động nói theo những gợi ý sau:

– Đánh dấu đoạn giải thích quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động trong bài viết.

– Tóm lược những ý chính của đoạn văn đó.

– Chuẩn bị tranh ảnh, hình vẽ dạng sơ đồ, dụng cụ (nếu có) liên quan đến trò chơi hay hoạt động.

Mục đích nói

Làm rõ quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động với những người tham gia hoặc những người quan tâm.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè, người thân và những ai tham gia hoặc quan tâm đến trò chơi hay hoạt động.

Chú ý: Em có thể chuẩn bị thuyết trình bằng hình thức trình chiếu để người nghe hiểu rõ hơn về trò chơi hay hoạt động.

b. *Tập luyện*

Em có thể tập luyện theo một số hình thức sau:

– Tập nói thành tiếng một mình; vừa nói vừa giới thiệu tranh ảnh, hình vẽ, dụng cụ (nếu có).

– Nếu em chuẩn bị thuyết trình thì nói theo bản trình chiếu đã chuẩn bị.

2 TRÌNH BÀY BÀI NÓI

a. *Mở đầu*

Hãy thu hút người nghe bằng thái độ hào hứng của em đối với trò chơi hay hoạt động. Em có thể đặt câu hỏi cho người nghe như: *Các bạn đã bao giờ chơi trò... (tham gia hoạt động...) chưa?* hoặc miêu tả một chi tiết trong trò chơi hay hoạt động và hỏi: *Các bạn có biết trò chơi (hoạt động) này không? Các bạn có muốn chơi (tham gia) không?...*

b. *Triển khai*

– Trình bày theo dàn ý đã chuẩn bị (hoặc nói kết hợp với việc sử dụng bản trình chiếu).

– Trong khi nói, em có thể dùng cử chỉ, điệu bộ để mô phỏng động tác của trò chơi hay hoạt động.

c. *Kết luận*

Khẳng định sự thú vị của trò chơi hay hoạt động; hẹn các bạn cùng tham gia trò chơi hay hoạt động vào một dịp phù hợp.

3 SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
• Chú ý theo dõi quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động trong bài nói để cảm nhận được sự thú vị của trò chơi hay hoạt động; bày tỏ cảm nhận của mình.	• Lắng nghe chia sẻ của người nghe về bài nói.
• Nếu em có ý định chơi trò chơi (hoặc tham gia hoạt động) đó với các bạn thì ghi nhớ những quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động; nêu thắc mắc của mình (nếu có) để hiểu thấu đáo quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động.	• Giải đáp thắc mắc của người nghe (nếu có).
• Nhận xét về cách trình bày bài nói của bạn (giọng nói, tính mạch lạc của bài nói,...).	• Cảm ơn nhận xét của người nghe.

Củng cố, mở rộng

1. Theo em, những điều gì đang gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sống trên Trái Đất hiện nay? Nêu một số việc mà em cho rằng con người cần phải làm để cải thiện tình hình.

2. Nêu những điều em nắm được về đặc điểm văn bản thông tin qua bài học này bằng một sơ đồ phù hợp. Gợi ý:

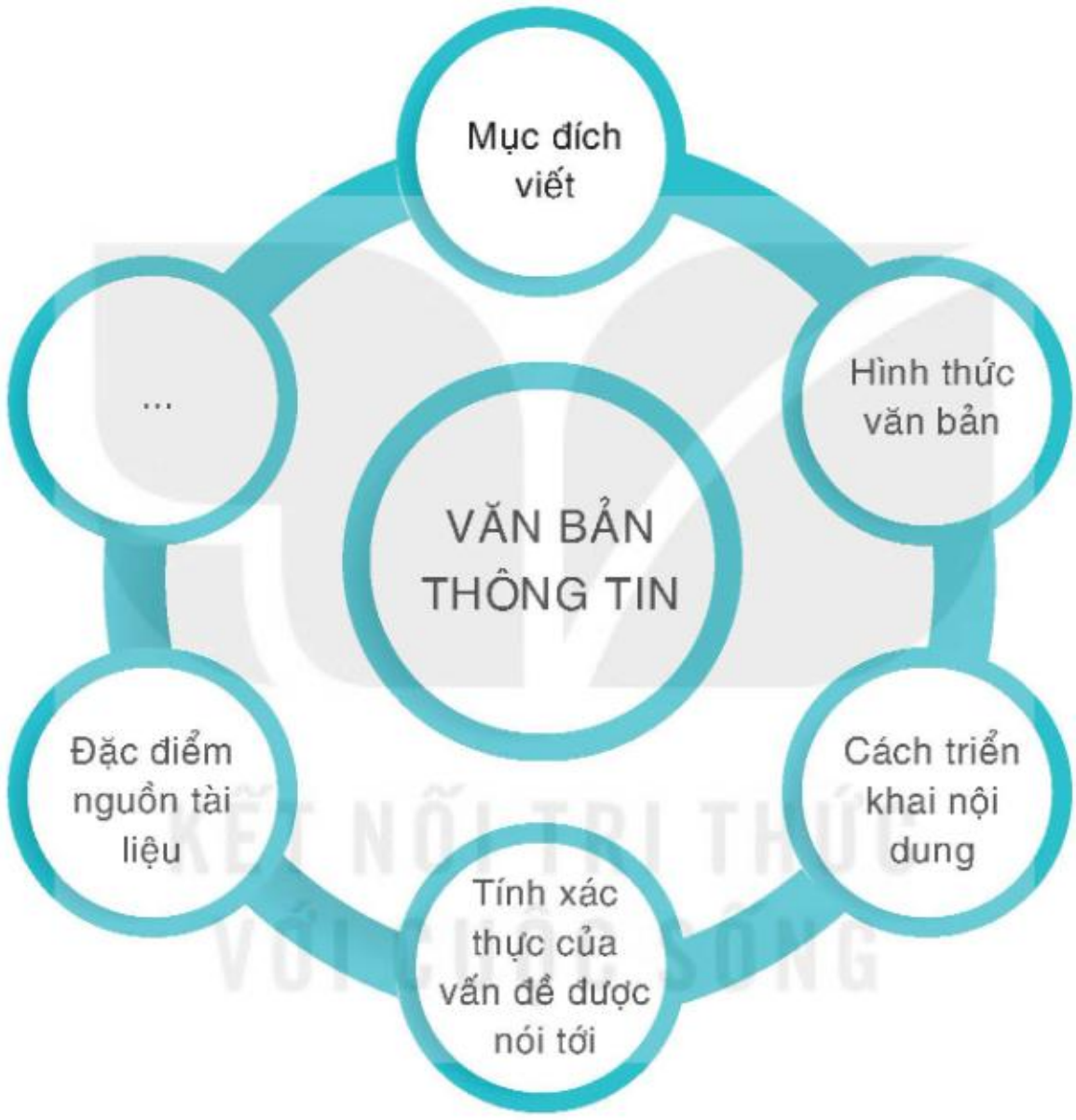

3. Hãy hoàn thành đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) theo chủ đề sau: *Em mong sự sống và môi trường trên Trái Đất khôi phục được nhịp điệu hài hoà và vẻ đẹp vốn có.*

4. Đóng vai người chủ trì một trò chơi trong lễ hội để giới thiệu về trò chơi đó cho những ai tham gia (thực hiện theo nhóm học tập).

5. Tìm đọc các sách, báo, tài liệu viết về chủ đề *Sống thuận theo tự nhiên, hài hoà với thiên nhiên*; chia sẻ, trao đổi với các bạn và ghi lại những thông tin hữu ích để sử dụng trong những trường hợp cần thiết.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Đặc điểm của loại văn bản.
- Vấn đề chính được nói tới trong văn bản.
- Ý nghĩa của việc dẫn các số liệu cụ thể trong văn bản.
- Suy ngẫm của em trước những thông tin do văn bản đưa lại.

"Thân thiện với môi trường"[1]

NGUYỄN HỮU QUỲNH HƯƠNG[2]

Vật liệu thân thiện môi trường, sản phẩm thân thiện môi trường, dịch vụ thân thiện môi trường, địa điểm thân thiện môi trường. Chào mừng các bạn đến với kỉ nguyên nơi người ta dán mác[3] "thân thiện với môi trường" lên mọi thứ nhằm mang lại những trải nghiệm tiêu dùng dễ chịu cho khách hàng.

Những năm gần đây, thị trường Việt Nam xuất hiện nhiều sản phẩm được cộp[4] mác "thân thiện với môi trường", cách làm này có vẻ tạo thiện cảm cho người dùng, tuy nhiên, khái niệm này còn khá chung chung, và chưa thể xem là dấu hiệu chứng minh cho nguồn gốc, chất lượng sản phẩm, hay sứ mệnh, tầm nhìn của nhà sản xuất. Nhưng liệu "thân thiện với môi trường" có đơn giản chỉ là sự so sánh: ống hút tre thân thiện với môi trường hơn ống hút nhựa; dùng túi vải thân thiện với môi trường hơn túi ni lông...?

Một vật liệu, sản phẩm, dịch vụ, địa điểm được xem là thân thiện hơn với môi trường có thể được xác định một cách rất rõ ràng qua những tiêu chí sau:

*** Đối với vật liệu:**

Quy trình khai thác: Không gây tổn hại đến môi sinh; không tiêu hao nhiều tài nguyên và năng lượng trong quá trình khai thác.

Tính chất vật liệu: Có phân huỷ được không? Thời gian phân huỷ? Khả năng tái sinh, tái chế?

Giá trị sử dụng của vật liệu: Thời gian sử dụng kéo dài bao lâu?

(1) Tác giả dùng dấu ngoặc kép ở nhan đề nhằm lưu ý: vấn đề sẽ bàn trong văn bản liên quan đến cụm từ *thân thiện với môi trường* – một cụm từ thông dụng trong đời sống hiện nay nhưng có lúc được dùng chỉ như một cách quảng cáo thuần tuý và không phản ánh chính xác bản chất của đối tượng được nói tới.

(2) Nguyễn Hữu Quỳnh Hương sinh năm 1997 ở Bà Rịa – Vũng Tàu (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh), là tác giả của nhiều bài báo, cuốn sách cổ vũ nhiệt thành cho "lối sống xanh", dùng bút danh *Minh là Hữ* khi viết cuốn *Sống xanh rồi mới sống nhanh*.

(3) *Mác*: nhãn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ (phiên âm tiếng Việt của từ *mark* trong tiếng Anh).

(4) *Cộp*: đóng dấu (khẩu ngữ).

Ví dụ: Người ta thường nói sử dụng túi vải thì thân thiện với môi trường hơn túi ni lông. Tuy nhiên, để sản xuất ra một cái túi vải thì số năng lượng tiêu hao gấp 131 lần việc sản xuất ra một cái túi ni lông. Theo Liên minh Túi tiến bộ[1], để cân đối dấu chân carbon[2] và nước của một chiếc túi vải, trung bình chúng ta cần dùng nó 131 lần. Như vậy, túi vải chỉ thân thiện hơn với môi trường khi bạn sử dụng nó nhiều và thật nhiều lần.

*** Đối với sản phẩm:**

Quy trình khai thác, sản xuất, phân phối, sử dụng và thải loại có theo hình tròn không hay chỉ là một đường thẳng?

Ví dụ: So sánh hai sản phẩm túi ni lông và túi bột sắn 0% nhựa có khả năng phân huỷ hoàn toàn. Bạn sẽ khẳng định chắc chắn túi bột sắn thân thiện hơn với môi trường vì nó phân huỷ được. Nhưng liệu sự thật có phải như vậy?

Hãy tiếp tục trả lời câu hỏi: Sản phẩm này sau khi sử dụng có để lại tác hại gì cho môi trường không?

Năm 2018, nhà sản xuất Guây-vơ (Wave) tại In-đô-nê-xi-a (Indonesia) tung ra thị trường sản phẩm túi bột sắn 0% nhựa, có khả năng tan trong nước, con người và sinh vật không gặp phải ảnh hưởng gì xấu khi uống vào.

Để tạo ra túi bột sắn 0% nhựa, trước hết người ta cần dùng diện tích đất trồng rừng để trồng sắn hoặc ngô. "Năm 2014, gần ¼ sản lượng các loại hạt của nước Mỹ được dùng cho mục đích sản xuất nhiên liệu sinh học và nhựa PHSH[3]. Nếu tiếp tục gia tăng, điều này có thể gây khan hiếm và tăng giá thực phẩm"[4].

Thứ hai, việc sản xuất túi bột sắn tốn rất nhiều nước. Điều này đồng nghĩa với việc một lượng lớn tài nguyên thiên nhiên sẽ bị tiêu hao. Chính vì vậy, sản phẩm này không hề thân thiện như chúng ta nghĩ.

Thứ ba, túi bột sắn có thời gian sử dụng khá thấp. Theo nhà sản xuất thì túi bột sắn sẽ giữ được trong 2 năm nếu bảo quản kín trong một chiếc túi ni lông, nếu mở túi ni lông ra thì việc bảo quản chỉ kéo dài 6 tháng. Như vậy, nếu lượng sản xuất quá nhiều, chưa tiếp cận được người tiêu dùng thì số sản phẩm đó sẽ mất đi công năng. Về cơ bản người tiêu dùng khó chấp nhận sản phẩm này vì giá thành của nó rất cao.

(1) *Liên minh Túi tiến bộ*: một liên minh hoạt động ở Mỹ (về sau được đổi tên là *Liên minh Túi nhựa tái chế Hoa Kỳ*), ủng hộ và tiếp thị cho hoạt động sản xuất túi nhựa trong bối cảnh nhận thức của người tiêu dùng về việc bảo vệ môi trường đã được nâng cao.
(2) *Dấu chân carbon*: lượng khí nhà kính (chủ yếu là carbon dioxide) thải vào khí quyển do một hoạt động cụ thể nào đó của con người.
(3) *PHSH*: viết tắt của cụm từ *phân huỷ sinh học*.
(4) Nguồn: https://*www.ecoamenities.vn/nhung-dieu-can-biet-ve-nhua-phan-huy-sinh-hoc.html*.

Sau khi được nhập từ In-đô-nê-xi-a về Việt Nam thì giá bán lẻ của chiếc túi bột sắn xấp xỉ 5 000 đồng một chiếc.

*** Đối với dịch vụ hay không gian thân thiện:**

Ví dụ 1: Nếu một quán cà phê có không gian cực kì thân thiện với môi trường đưa ra cam kết 100% nói không với đồ nhựa dùng một lần, nhưng:

– Quán vẫn mặc sức dùng điều hoà nhiệt độ bất kể đêm ngày.

– Không có cam kết về vấn đề phân loại và xử lí rác thải từ quá trình chế biến mỗi ngày.

– Quán sử dụng vô tư các sản phẩm dùng một lần từ giấy, bã mía.

Đó chưa phải là một dịch vụ thân thiện với môi trường thực sự.

Ví dụ 2: Khi nói đến du lịch sinh thái, người ta thường cho rằng đây là mô hình giúp con người có được sự kết nối với thiên nhiên, giúp con người tìm được sự bình yên, thư thái, tăng cường sức khoẻ khi về với thiên nhiên trong lành, xanh mát. Nhưng dường như đó chỉ là cách nói một chiều, bởi không phải mô hình "du lịch sinh thái" nào cũng đem lại cho môi trường những "quyền lợi" tương xứng. Trái lại, nhiều mô hình du lịch sinh thái chỉ là sự chiếm dụng tài nguyên và thải ra môi trường hàng tấn rác thải nhựa.

Bạn có cảm thấy yên tâm khi mua một sản phẩm chỉ vì bao bì của nó ghi chữ "có thể tái chế", bạn có cảm tình với một nhãn hàng chỉ vì họ cam kết "không thử nghiệm trên động vật", và có bao giờ bạn vì tin rằng ống hút cỏ bàng có khả năng phân huỷ nên mặc sức sử dụng? Thân thiện hơn chất liệu nhựa không có nghĩa là thân thiện với môi trường. Không có điều gì thật sự thân thiện với môi trường nếu nó không phải là một vòng tuần hoàn do thiên nhiên tạo ra. Nhưng ít nhất chúng ta vẫn đang nỗ lực nhằm giảm bớt những tác động xấu lên môi trường. Là một người tiêu dùng, hãy nhận thức rõ về mỗi hành động của mình và luôn nhắc nhớ, chúng ta cần nỗ lực để sống giảm rác từng chút một.

(Mình là Hũ, *Sống xanh rồi mới sống nhanh*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2020, tr. 22 – 25)

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một số văn bản nghị luận và văn bản thông tin có nội dung gần gũi với những văn bản mà em đã học ở các bài *Trải nghiệm để trưởng thành* và *Hoà điệu với tự nhiên*. Ghi vào nhật kí đọc sách những ý tưởng và thông tin quan trọng từ các văn bản đã đọc.

2. Trao đổi với các bạn về:

– Nội dung chính của mỗi văn bản.

– Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được nêu trong văn bản nghị luận.

– Cách triển khai nội dung trong văn bản thông tin.

BÀI 10

TRANG SÁCH VÀ CUỘC SỐNG

Học đi đôi với hành.

Hồ Chí Minh

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Trong các bài học trước, em đã đọc những sáng tác thuộc nhiều thể loại: truyện (ngụ ngôn, khoa học viễn tưởng), thơ, tuỳ bút, tản văn, tục ngữ để cảm nhận bầu trời tuổi thơ, tiếng nói yêu thương nuôi dưỡng tâm hồn con người, tình yêu đối với đất nước, vẻ đẹp muôn màu ở các vùng miền; suy nghĩ về những bài học cuộc sống và thắp sáng khát vọng biến ước mơ thành hiện thực. *Ngữ văn 7* còn đưa em đến với những văn bản nghị luận và văn bản thông tin, kết nối bài học với những gì em cần suy nghĩ, lựa chọn, giải quyết trong cuộc sống.
- Với bài học này, khi đọc những cuốn sách mới, những tác phẩm yêu thích, em hãy cảm nhận, suy ngẫm, bàn luận để tiếp tục chia sẻ và sáng tạo. Như vậy, trang sách đã trở thành một phần cuộc sống. Những gì đã học, đã đọc không chỉ tồn tại trong sách mà sẽ cùng em đi suốt cuộc đời. Đó là một phần hành trang tri thức để em có thể tự tin bước vào thế giới rộng lớn.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Phát triển kĩ năng tự đọc sách: đọc mở rộng văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin theo các chủ đề đã học.
- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và nội dung chính của văn bản với mục đích của nó.
- Phát triển kĩ năng viết: viết về một nhân vật yêu thích.
- Phát triển kĩ năng nói và nghe: trình bày, trao đổi về sách, nhân vật yêu thích và các đề tài có liên quan.
- Yêu thích đọc sách và biết vận dụng những điều đã đọc vào thực tế.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học

- Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là loại văn bản nghị luận, trong đó người viết làm rõ và bàn luận về đặc điểm của một tác phẩm trên các phương diện nội dung, hình thức trong mối quan hệ với tác giả, hoàn cảnh sáng tác, thời đại,... và khái quát giá trị chung của tác phẩm.

- Lí lẽ trong văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học chính là những ý kiến của người viết về đặc điểm nội dung, hình thức của tác phẩm. Bằng chứng trong văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là những phần (câu, đoạn), những chi tiết được dẫn từ văn bản theo hình thức trích dẫn nguyên văn hoặc lược thuật, tóm tắt lại.

Từ con người có thực ngoài đời đến nhân vật văn học

- Những con người có thực ngoài đời luôn gợi niềm cảm hứng bất tận cho hoạt động sáng tác của nhà văn. Những ấn tượng, cảm xúc, suy ngẫm của nhà văn về cuộc đời được đánh thức từ chính thế giới nhân sinh phong phú đó. Con người trong cuộc đời thực chính là những chất liệu sống động để nhà văn sáng tạo hình tượng nghệ thuật.

- Tác phẩm văn học thường đưa đến cho người đọc cảm giác được gặp những con người có thực. Tuy nhiên, nhân vật văn học vẫn là sản phẩm của sự sáng tạo, hư cấu, chứa đựng trong đó nhiều gợi ý của nhà văn về một cách nhìn nhận, đánh giá đầy tính thẩm mĩ đối với cuộc sống.

- Nhân vật văn học, vì thế, không đồng nhất với con người thực ngoài đời. Cùng với việc nắm được đặc điểm của nhân vật (ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, nội tâm,...), người đọc cần phải hiểu định hướng giá trị mà nhà văn muốn thể hiện – tức là điều thực sự có ý nghĩa, chi phối cách nhà văn hư cấu, xây dựng hình tượng trong tác phẩm.

Phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản và văn bản đa phương thức

- Con người sử dụng rất nhiều loại văn bản để trao đổi thông tin: các văn bản thông dụng thường chỉ sử dụng phương tiện ngôn ngữ; một số văn bản sử dụng kết hợp cả phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ, nhằm tăng lượng thông tin và hiệu quả tiếp nhận thông tin.

- Đặc biệt, cần kể đến loại văn bản đa phương thức mà phần trọng tâm là các kiểu hình ảnh được sắp xếp, kết hợp để truyền đạt thông tin quan trọng (hình vẽ, sơ đồ, các mảng màu sắc, hình khối,...). Ngôn ngữ chỉ là phương tiện hỗ trợ thêm trong việc truyền đạt thông tin: ghi chú, dẫn giải,...

THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN

Chinh phục những cuốn sách mới

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Hãy bổ sung những cuốn sách mới cho góc đọc sách, thư viện mở của lớp học. Tự làm mới góc đọc sách theo cách mà em và các bạn cảm thấy hứng khởi và thú vị nhất.

2. Cùng thảo luận để xây dựng mục tiêu đọc sách của cá nhân và của nhóm. Trình bày mục tiêu đó và trao đổi để tìm hiểu cách đọc sách hiệu quả trong dự án đọc mới của em và các bạn.

Một số cuốn sách phù hợp với các loại, thể loại văn bản và chủ đề em đã học ở lớp 7

CÙNG ĐỌC VÀ TRẢI NGHIỆM

Cuốn sách mới — chân trời mới

1. Từ mục tiêu đọc sách đã xác định, hãy chọn một số cuốn sách văn học, sách khoa học hoặc sách bàn luận về những vấn đề của cuộc sống để tìm hiểu, khám phá những điều bổ ích, thú vị. Việc đọc sách sẽ hiệu quả hơn nếu các em tập trung vào một số chủ đề của các bài đã học để chọn sách: *Bầu trời tuổi thơ, Khúc nhạc tâm hồn, Cội nguồn yêu thương, Giai điệu đất nước, Màu sắc trăm miền, Bài học cuộc sống, Thế giới viễn tưởng, Trải nghiệm để trưởng thành, Hoà điệu với tự nhiên.* Có thể đọc trọn vẹn một số cuốn sách có đoạn trích đã học như: *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi); *Tốt-tô-chan bên cửa sổ* (Cư-rô-ya-na-gi Tê-sư-cô); *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Nguyễn Ngọc Thuần); *Người thầy đầu tiên* (Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp) hoặc *Những bức thư gửi cháu Sam* (Đa-ni-en Gốt-li-ép); *Nóng, Phẳng, Chật* (Thô-mát L. Phrít-man).

2. Tập trung vào một hoặc hai cuốn sách mà em thấy hữu ích và thú vị nhất, đọc và ghi chép những thông tin cần thiết để có thể trao đổi với các bạn sau khi đọc. Cùng với những thông tin về tên sách, tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản hoặc tái bản, em cần chú ý xác định những vấn đề sau:

a. Đề tài: Cuốn sách đề cập phạm vi nào của đời sống?

b. Bố cục và nội dung chính: Cuốn sách có mấy chương, phần? Nội dung chính của từng chương, phần là gì?

c. Nhân vật, sự kiện, bối cảnh nổi bật nào được thể hiện trong cuốn sách?

d. Có những chi tiết nào quan trọng? Những đoạn văn, câu văn nào có thể gợi lên ý nghĩa, vấn đề chính trong cuốn sách?

e. Chủ đề, ý nghĩa, bài học mà em có thể rút ra sau khi đọc cuốn sách là gì?

Đọc cùng nhà phê bình

Sau khi đã đọc những cuốn sách thú vị, em hãy thử hình dung mình trong vai một nhà phê bình để tìm hiểu, bàn luận: đặc điểm nội dung và hình thức của tác phẩm trong mối quan hệ với tác giả, với hoàn cảnh sáng tác, thời đại,... Từ đó, khái quát được giá trị chung của tác phẩm và giới thiệu tác phẩm với bạn đọc khác.

Trong bài 1. *Bầu trời tuổi thơ*, em đã được gặp gỡ tác giả Võ Quảng qua bài thơ *Ngàn sao làm việc*. Võ Quảng còn là một nhà văn được yêu mến, để lại ấn tượng sâu sắc qua những tác phẩm truyện hấp dẫn và cảm động về tuổi thơ, quê hương và cách mạng như *Quê nội* (bao gồm hai phần: phần 1. *Quê nội*; phần 2. *Tảng sáng*). Sau khi tìm đọc tác phẩm này, em hãy đọc văn bản sau của tác giả Trần Thanh Địch[1] để có thể hiểu sâu hơn về giá trị nội dung và nghệ thuật của bộ truyện *Quê nội*.

Đọc văn bản

Vẻ đẹp giản dị và chân thật của *Quê nội* (Võ Quảng)[2]

Trích *Võ Quảng*, TRẦN THANH ĐỊCH

Theo dõi

Vấn đề được nêu ra để bàn luận.

Mỗi tác giả có một lối, một ngón nghề riêng trong cách nhìn, cách nghĩ, cách viết. *Tảng sáng* cũng như *Quê nội* là những tập truyện dài gần như không có cốt truyện với nhiều tuyến và nhiều khóm nhân vật hoạt động. Thế mà truyện âm thầm như một mùi hương gây mê, có sức hấp dẫn và quyến rũ lạ lùng.

[1] Trần Thanh Địch (1912 – 2007) quê ở thành phố Huế, là nhà văn, nhà báo và nhà phê bình. Ông có nhiều tác phẩm viết cho thiếu nhi được yêu mến và đánh giá cao như: *Đôi tai mèo* (1973), *Một cần câu* (1993),...

[2] Nhan đề do người biên soạn đặt.

Nội dung câu chuyện xảy ra trong những khung cảnh quê hương. Một nông thôn miền Trung, tại thôn Hoà Phước, bên con sông Thu Bồn vào những ngày rất mới mẻ – như một buổi tảng sáng – sau Cách mạng tháng Tám thành công. Các nhân vật là những người nông dân bình thường, mấy cô bác kèm luôn theo bên chân mấy chú nhóc hiếu động trong thôn, trong làng, trong xóm, vừa tự xây dựng chính quyền cách mạng địa phương vừa chuẩn bị chống giặc giữ làng. Đây là một sự chuyển mình toàn bộ, thay đổi toàn diện của chế độ xã hội mới, ngấm dần vào từng gia đình vào từng con người, từ già đến trẻ. Nó làm thay đổi hẳn những nếp sống thường ngày từ trước. Thay đổi nếp sống là hết sức phức tạp cho nên trong từng con người thường có những đột biến không thường. Họ thường làm việc hơi quá sức mình một chút. Suốt ngày họ lo đến công việc xã hội hơn là công việc nhà mình. Nông thôn sôi động như một gia đình vừa thức giấc. Tiếng nói, tiếng cười, tiếng gọi nhau í ới đi luyện tập quân sự. Trong *Tảng sáng*, những Cục, Cù Lao, bà Kiến, ông Hai Dĩ, thầy Lê Tảo,... là những con người thật đáng yêu. Mỗi người đều mang một cá tính riêng nhưng lại giống nhau ở sự tích cực làm việc xã hội. Trong đó có một nhân vật xuất hiện tuy không nhiều nhưng thật nổi đình nổi đám. Đó là bà Kiến. Cục và Cù Lao được phân công đến dạy chữ cho bà thì... hoá ra đấy lại là một kẻ tiếng Tây, tiếng Tàu, ca dao tục ngữ, hò vè thơ ca Việt Nam thảy đều thông thạo, bà ta thuộc nhớ và đọc chơi vanh vách. Một tuyến nhân vật thứ hai nữa có mặt ít hơn, nhưng vẫn xuất sắc và lí thú không kém các nhân vật trên: chị Ba, anh Bốn Linh, chú Năm Mùi, anh Bảy Hoành, ông Tư Đàm, cô Tuyết Hạnh. Rồi một tuyến nhân vật thứ ba nữa, cũng rất quan trọng và bề thế; đó là anh Trâu Bĩnh và những chú chó từng nhà mà những sinh hoạt của chúng luôn luôn khăng khít ở bên con người. Trâu Bĩnh là một nhân vật thân thuộc, lung linh, trở đi trở lại qua nhiều tập truyện của tác giả từ *Cái thăng*. Còn những chú chó thì vô cùng đa dạng, mỗi con một tính, mỗi đứa một nết, mỗi Vằn, Vện một thái độ. Chúng càng nổi rõ tính tình hoặc phong cách ra trong những lúc giận dữ, sợ sệt, hay an phận thủ thường.

Theo dõi

Ý kiến của người viết về hoàn cảnh đời sống trong tác phẩm.

Theo dõi

Ý kiến của người viết về thế giới nhân vật trong tác phẩm.

Theo dõi

Cách nêu bằng chứng để làm rõ ý kiến của người viết.

Quê nội và *Tảng sáng* được viết theo lối tự sự qua vai "tôi". Vai "tôi" trong tiểu thuyết thường có những thế mạnh, tưởng như bộc tuệch gửi gắm trong cả "tấm lòng" tác giả. Vai "tôi" dễ có điều kiện thủ thỉ dẫn dắt bạn đọc đi vào những suy nghĩ thầm kín của nhân vật – và từ đó, đẩy ống kính vào cận cảnh các "nhân vật vệ tinh" khác của mình. Tuy nhiên vai "tôi" cũng bị khá nhiều

Theo dõi

Ý kiến của người viết về người kể chuyện trong tác phẩm.

nhược điểm, mà nhược điểm lớn nhất là không nhìn được xa, không nói được nội tâm, suy nghĩ của các nhân vật trực diện khác [...].

Tâm hồn chúng ta – bạn đọc người lớn cũng như trẻ em – có là cục đá thì mới không xúc động xao xuyến với những trang tả cảnh đồng bào ta gọi nhau đi học ban đêm qua những ngọn đèn bồng bềnh từ nhà này trôi sang nhà khác, những trang đặc tả một đốm lửa xoẹt lên từ mẩu que diêm lúc ban đầu đang còn ốm yếu và do dự, những trang tả về bà Kiến học đánh vần mà cứ đế thêm vào từng câu ca dao ứng khẩu tài tình, những trang viết về bọn chó nổi xung rượt đuổi ông Hai Dĩ, những trang nói đến bọn lính Tàu Tưởng ăn bún xáo không biết nhai mà chỉ nuốt tuột, những trang chấm phá hình dáng những thân sung nhìn qua buổi chiều vàng, những trang tả cảnh sông nước bập bềnh thúc hích xuồng con bên bụng thuyền lớn như đang đòi bú tí, và bao nhiêu chi tiết ngắn dài rải rác hay tập trung qua từng chương sách...

Theo dõi

Nhận xét chung về sức hấp dẫn của tác phẩm.

(Trần Thanh Địch, *Bàn về văn học thiếu nhi*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 1983, tr. 147 – 151)

Sau khi đọc

Trả lời câu hỏi

1. Người viết tập trung bàn luận về vấn đề gì trong tác phẩm *Quê nội* của Võ Quảng?

2. Để bàn về vấn đề, người viết đã nêu những ý kiến gì về đặc điểm nội dung, nghệ thuật của tác phẩm? Em căn cứ vào đâu để xác định như vậy?

3. Hãy tìm những lí lẽ, bằng chứng được người viết sử dụng nhằm làm sáng tỏ ý kiến về các đặc điểm của tác phẩm *Quê nội*. Cách trình bày bằng chứng của người viết có điều gì đáng chú ý?

4. Mối quan hệ giữa mục đích viết và đặc điểm, nội dung chính của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học được thể hiện như thế nào trong bài viết này?

Viết kết nối với đọc

Tưởng tượng em là một nhà phê bình, hãy viết đoạn văn (khoảng 6 – 8 câu) nêu ý kiến của em về một tác phẩm văn học về đề tài tuổi thơ hoặc quê hương, đất nước mà em đã đọc.

Đọc và trải nghiệm cùng nhân vật

Em có thể tìm thấy trong cuốn sách đã đọc những nhân vật mà em yêu thích. Đó là nhân vật văn học được xây dựng theo sự tưởng tượng của tác giả, nhưng vẫn có mối liên hệ với những mẫu người trong đời thực. Để tìm hiểu về nhân vật, em có thể tưởng tượng cảnh mình đang đối thoại với nhân vật yêu thích trong một cuộc gặp gỡ.

Bằng cách đặt ra những câu hỏi phỏng vấn nhân vật như trong một cuộc trò chuyện, em có thể tìm được câu trả lời về nhân vật trong và sau khi đọc. Chọn cách xưng hô, gọi nhân vật bằng tên hoặc dùng các đại từ nhân xưng, danh từ thay thế đại từ phù hợp với đặc điểm, tuổi tác của nhân vật: *bạn, ông, bà, cô, chú, cậu,...*

Tham khảo những câu hỏi sau:

– Bạn từ đâu đến?

– Vì sao bạn lại trở thành nhân vật trong tác phẩm này?

– Sở thích của bạn là gì?

– Bạn thấy mình có gì nổi bật (về sở thích, tính cách)?

– Bạn muốn nói điều gì nhất nếu được kể về cuộc đời của chính mình?

– Bạn quan tâm đến ai hay điều gì hơn cả?

– Điều bạn muốn làm tiếp là gì nếu bước ra ngoài trang sách?

Em có thể đặt thêm một số câu hỏi mà cuộc đời nhân vật gợi ra cho em và tìm kiếm câu trả lời từ cuốn sách hoặc liên hệ với thực tế cuộc sống để cùng nhân vật có một cuộc trò chuyện thật bổ ích, thú vị.

Đọc và trò chuyện cùng tác giả

Qua những cuốn sách đã đọc trong dự án của năm học này, em không chỉ gặp gỡ các nhân vật đáng nhớ mà còn được làm quen với tác giả – người đã sáng tạo ra nhân vật văn học. Chắc hẳn em cũng muốn biết tác giả đã sáng tạo, xây dựng nhân vật như thế nào. Xây dựng một nhân vật cũng có thể ví như đã tạo nên được một cuộc đời mới. Điều đó quả là tuyệt diệu phải không?

1. Đọc bài thuật lại cuộc "phỏng vấn" rất thú vị của một độc giả nhỏ tuổi với nhà văn Nguyễn Quang Thiều – tác giả truyện ngắn *Bầy chim chìa vôi* – để có thể hiểu thêm về sự ra đời và cuộc sống của nhân vật do nhà văn sáng tạo trong tác phẩm.

Mon và Mên đang ở đâu?

Một buổi sớm mùa hè, sau cơn mưa, tôi đã gặp một cậu bé trên triền đê sông Đáy. Chúng tôi đã trò chuyện cùng nhau về *Bầy chim chìa vôi*. Cậu bé đã "phỏng vấn" tôi:

– Chú Thiều ơi, chú đã gặp Mon và Mên bao giờ và ở đâu?

– Chú đã gặp hai cậu bé này trong chính tuổi thơ của mình. Bởi anh em họ là bạn cùng lứa tuổi với chú. Bọn chú là những đứa trẻ sinh ra và lớn lên ở một ngôi làng ven bờ sông Đáy. Suốt tuổi thơ, sông Đáy trở thành người bạn thân thiết của bọn chú. Trong những lùm dứa dại, bụi tầm xuân, những đám cỏ đuôi chó,... là một thế giới kì thú của chim chóc và côn trùng. Chính thế mà bọn chú chứng kiến

và hiểu được đời sống của bầy chim chìa vôi. Khi viết câu chuyện này chú đặt tên họ là Mon và Mên, chứ tên thật của họ không phải thế. Chú sáng tác mà. Ngoài giờ học, bọn trẻ làng chú lúc nào cũng bên nhau lang thang dọc triền sông. Cháu có những đứa bạn như vậy không?

– À, có chứ. Cháu có những đứa bạn như vậy. Thỉnh thoảng tụi cháu cũng cãi lộn hoặc đấm nhau vài cái. Nhưng rồi lại chơi với nhau thôi. Thế vì sao mà chú lại nghe được câu chuyện riêng của Mon và Mên trong chiếc chăn dạ rách giữa đêm mưa?

– Cãi lộn hả? Cũng không sao. Nhưng không nên đấm nhau đâu nhé! Chú nghe được câu chuyện của hai anh em Mon và Mên không phải vì chú có đôi tai thần hay chú là một gã phù thuỷ tinh ranh mà vì trong một buổi chiều mưa, lũ trẻ làng chú đã nói về bầy chim chìa vôi non ở ngoài bãi sông. Lũ chim non là điều bọn trẻ quan tâm nhất lúc đó. Và trong đêm mưa lớn ấy, chú nghĩ, tất cả lũ trẻ làng chú đều thức để lắng nghe tiếng mưa, cùng nghĩ về bãi sông và lo cho bầy chim chìa vôi non.

– Vậy sao? Lúc ấy chú ở cùng Mon và Mên à? Nhưng sao cháu chẳng thấy chú nói gì, làm gì cả. Thế là thế nào nhỉ? Sao chú không cùng các cậu ấy đi cứu bầy chim chìa vôi? Lỡ có gì nguy hiểm xảy ra với Mon và Mên thì sao? Trẻ em không nên bơi thuyền ra bãi sông như vậy. Cần có người lớn. Chú hiểu không?

– Có lẽ… cháu nói đúng. Chú đã làm gì lúc ấy nhỉ? Để chú nhớ lại xem nào… Chú hơi già rồi và bắt đầu quên vài điều. À, sau đó, Mon và Mên đã kể cho lũ trẻ trong làng việc đi cứu bầy chim non. Tất cả lũ trẻ đều vô cùng khâm phục anh em Mon, Mên. Sau này trở thành nhà văn, chú đã viết lại câu chuyện đó.

– Chú nhớ nhé! Cần giúp bạn mình khi gặp nguy hiểm. Thế bây giờ Mon và Mên bao nhiêu tuổi rồi? Và họ đang ở đâu?

– À, câu hỏi này của cháu làm chú hơi bối rối đấy. Nhưng cháu có thể đoán xem Mon và Mên giờ đang ở đâu. Và bầy chim chìa vôi của các cậu ấy nữa... Cháu có thể kể tiếp câu chuyện mà chú đã kể phải không? Nhưng điều làm chú buồn là ven sông Đáy bây giờ không còn thấy chim chìa vôi nữa. Con người đang tàn phá thiên nhiên và chắc bầy chìa vôi đã bỏ đi rất xa.

– Vậy khi nào bầy chìa vôi sẽ trở về ạ?

– Khi nào các cháu yêu thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên thì lúc đó bầy chìa vôi sẽ trở về.

(*Theo* Nguyễn Quang Thiều, *Mon và Mên đang ở đâu?*,
tạp chí *Văn học và Tuổi trẻ*, số 9 (482 + 483)/2021)

2. Trả lời câu hỏi

a. Mon và Mên là ai trong mối quan hệ với nhà văn – tác giả truyện ngắn *Bầy chim chìa vôi*?

b. Vì sao nhà văn khẳng định rằng "tất cả lũ trẻ làng chú đều thức để lắng nghe tiếng mưa, cùng nghĩ về bãi sông và lo cho bầy chim chìa vôi non"?

c. Cậu bé – người "phỏng vấn" tác giả – ngạc nhiên vì điều gì?

d. Ngoài Mon và Mên, ai là người có trải nghiệm và kỉ niệm sâu sắc về đêm mưa, bãi sông và bầy chim chìa vôi?

e. Theo em, Mon và Mên đang ở đâu? Bầy chim chìa vôi đã bay đi đâu?

3. Chọn đọc một cuốn sách đang gây sự tò mò, chú ý đối với em (có thể đọc một truyện, một bài thơ, một chương, phần,... nếu cuốn sách có nhiều nội dung). Trong quá trình đọc, thử hình dung em có thể đặt ra những câu hỏi nào để làm rõ hơn điều em muốn biết: cách tác giả tạo nên nhân vật hoặc những chi tiết tiêu biểu, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm trong cuốn sách.

Viết

THÁCH THỨC THỨ HAI

Từ ý tưởng đến sản phẩm

Từ những điều đã đọc, trải nghiệm cùng nhân vật, trò chuyện cùng tác giả, tưởng tượng, hình dung về thế giới đời sống trong trang sách, hẳn em đã có những ý tưởng sáng tạo thú vị. Hãy lựa chọn một trong những hoạt động sau để thể hiện ý tưởng của mình cùng các bạn:

1. Thể hiện nội dung tóm tắt của một câu chuyện theo hình thức truyện tranh. Cố gắng sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ (hình vẽ hoặc các kí hiệu chỉ dẫn) để có thể hỗ trợ cho việc thể hiện nội dung một cách sinh động và hiệu quả.

2. Kể lại một câu chuyện em đã đọc theo hình thức thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

3. Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học mà em yêu thích (trong cuốn sách đã đọc), có thể vẽ minh hoạ các chi tiết, sự việc để bài phân tích được sinh động, hấp dẫn hơn.

Tham khảo một số sản phẩm sáng tạo của các bạn học sinh

- Thể hiện nội dung của một câu chuyện theo hình thức truyện tranh.

BẦY CHIM CHÍA VÔI

Nguyễn Quang Thiều

Chiều qua bố kéo chài được con cá măng.
Thế mà cũng khoe, ai chẳng biết ...
Cả một con cá măng và cá bống.
Em lấy trộm con cá bống ...
Em thả vào chỗ cống sông rồi!
Mày có nhìn thấy cái chấm đen to to ở vây nó không ??
Em không nhìn ...
Bố con bảo con cá măng ăn con cá bống!!
Hơ Hơ
Cái hố cắm sào đó ngập bìm rồi anh nhỉ? ...
Ngập từ chiều hôm kia rồi!
Anh ơi!
Tổ chim ngập mất anh. Mình phải mang chúng vào bờ, anh ạ!
Gì
Đi bây giờ à?
Vâng! Cứ lấy đò ông Hảo í.
4

Vào bờ rồi!!! Anh ơi!
Chú Côn sao
Phải kéo về bên chứ, không thì chết ...
Mình để lại đò ở đây à anh ...
Bây giờ tao kéo, mày đẩy!!!
Chưa!!!
Cái dải cát chưa chìm đâu anh nhỉ? ...
Anh nhìn thấy gì không?
Tao chưa nhìn thấy, còn tối lắm ...
Để tao nhìn ...
Thế anh bảo đã ngập hết chưa?
Hử!!! Mày lôi ra đó mà hỏi!!!
Ướt cánh, chim có bay được không?
5

haizz
Anh ơi! Có khi bố dậy rồi đấy ...
Anh ơi! Kìa tía, bãi cát.
Ừ! Đúng rồi. Vẫn chưa ngập hết! Còn bằng cái mũ thôi.
Anh bảo bầy chim còn ở đó không? ...
Không biết!
Nhưng bố bảo khi những bãi cát vừa ngập hết thì chim mới bay lên.
Sao chúng lại không bay trưa nhỉ? ...
Làm sao tao biết được!
6

- Kể lại một câu chuyện theo hình thức thơ năm chữ.

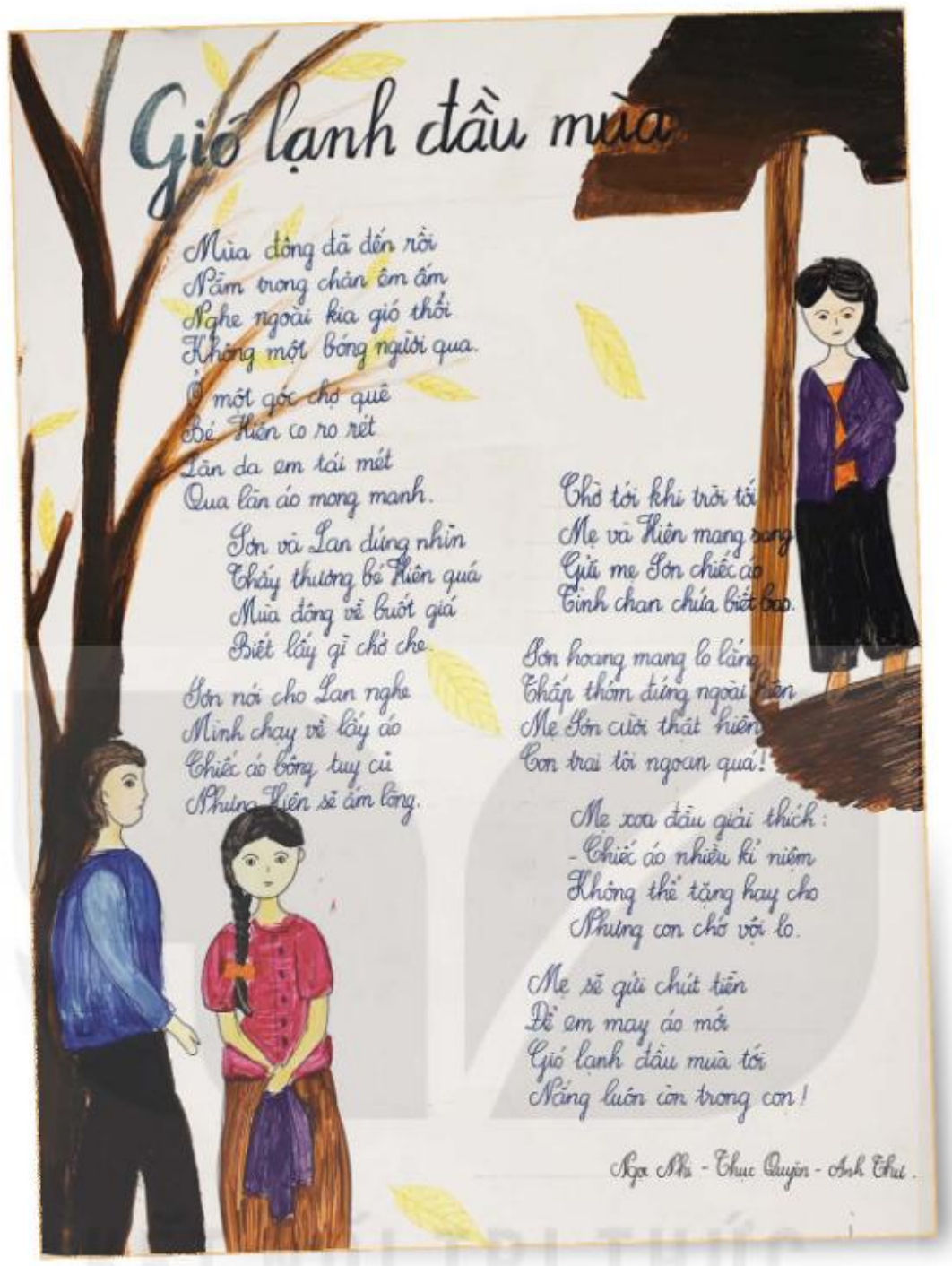

Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc

Yêu cầu đối với bài văn phân tích một nhân vật văn học trong cuốn sách đã đọc:

- Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học: lai lịch, hoàn cảnh, tình huống xuất hiện và những ấn tượng đặc biệt ban đầu (nếu có).
- Chỉ ra được đặc điểm, tính cách nhân vật qua bằng chứng cụ thể về ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, tâm trạng của nhân vật được miêu tả trong tác phẩm.
- Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn: biện pháp nghệ thuật, cách sử dụng hoặc nhấn mạnh những chi tiết làm rõ đặc điểm nhân vật.
- Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm hoặc quan niệm đời sống của tác giả.

Phân tích bài viết tham khảo

Hoàng tử bé: trò chuyện để thấu hiểu và yêu thương

Hoàng tử bé – nhân vật của nhà văn Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri đã trở thành người bạn của biết bao bạn nhỏ trên hành tinh này. Nhân vật người phi công đã gặp cậu bé trên hành trình bay đêm của mình và kể lại: "Vào đêm đầu tiên tôi phải ngủ trên cát, cách xa nơi con người ở hàng ngàn dặm. Lúc đó tôi còn cô độc hơn cả một kẻ đắm tàu đang lênh đênh trên một cái bè ở giữa biển khơi...". Chính vào khoảnh khắc đó, giọng nói của hoàng tử bé đã vang lên và cuộc trò chuyện kì lạ bắt đầu: "Xin vui lòng... vẽ hộ tôi một con cừu".

Giới thiệu nhân vật.

Hoàng tử bé được nhà văn miêu tả như là "một cậu bé thật khác thường". Nhưng không phải bằng lời mà bằng một bức vẽ minh hoạ trong tác phẩm: "Nhưng dĩ nhiên bức vẽ của tôi không bằng một nửa sự quyến rũ của người mẫu". Sự xuất hiện bất ngờ mà rất tự nhiên của hoàng tử bé trong sa mạc bắt đầu bằng giọng nói "nhỏ nhẹ kì lạ". Vì sao? Vì cậu bé ấy luôn cố gắng để trò chuyện với tất cả: người phi công, những bông hồng trên hành tinh nhỏ bé của cậu, những con người kì lạ hay thậm chí kì cục trên các tiểu hành tinh khác nữa,... Những cuộc trò chuyện tưởng như đứt quãng, nhiều khi rời rạc hoặc đi vào bế tắc: cuộc trò chuyện với ông vua trên hành tinh thứ nhất, cuộc trò chuyện với gã kiêu căng trên hành tinh thứ hai, cuộc trò chuyện với bợm nhậu ở một hành tinh tiếp theo,... Mặc dù nhiều lúc hoàng tử bé bắt đầu cảm thấy chán vì sự kì quặc và vô nghĩa của những con người này, cậu vẫn không ngừng hành trình kiếm tìm những cuộc trò chuyện để có thể lắng nghe, thì thầm, chia sẻ,...

Nhận xét về nghệ thuật miêu tả nhân vật.

Nêu rõ đặc điểm nhân vật dựa trên bằng chứng trong tác phẩm.

Rồi cuối cùng, hành tinh thứ bảy mà cậu đặt chân đến là Trái Đất. Cậu bé dường như chẳng vướng phải một "rào cản ngôn ngữ" nào. Đến từ một tiểu hành tinh xa lạ, viễn du qua bảy hành tinh khác nhau – hoàng tử bé là một cậu bé bình thường hay chính là thiên sứ từ vũ trụ? Trong bất kì hoàn cảnh nào, hoàng tử bé dường như không hề biết mệt mỏi, không đói, không khát, không sợ sa mạc hay bóng tối. Chẳng có thứ gì đáng kể trong tay, điều duy nhất cậu có thể làm được là trò chuyện để hiểu về người khác, về thế giới, để học cách chia sẻ và yêu thương. Không chút sợ hãi và hồ nghi, cậu trò chuyện với rắn – con vật đầu tiên cậu gặp trên Trái Đất và để cho con vật đáng sợ ấy quấn quanh mắt cá chân của mình "như một chiếc vòng vàng". Trong sa mạc, hoàng tử bé còn tiếp tục trò chuyện với bông hoa rất ít cánh, với ngọn núi, vườn hồng, con cáo,... Trong bất kì cuộc trò chuyện nào, dù ngắn ngủi, giản đơn hay khó hiểu,

phức tạp nhất, hoàng tử bé cũng không quên nói những lời tốt lành, lời chúc, lời tạm biệt đầy âu yếm, tự nhiên: "Bạn thật xinh đẹp!", "Chúc một ngày tốt lành!", "Mình rất xin lỗi!",... Cậu không ngừng cố gắng để trò chuyện, ghi nhớ, hiểu về người khác và tìm cách kết bạn...

Hoàng tử bé không thể chống lại nọc độc của con rắn – con vật không thể cảm hoá – nhưng cậu vẫn dành cho nó những lời bào chữa bao dung nhất: "Những con rắn là loài vật hoang dã. Chúng có thể cắn chỉ để vui thôi...". Trong khoảnh khắc đau đớn ấy, cậu vẫn dành những lời an ủi cho những người bạn của mình: người phi công và đoá hoa hồng đang ở xa... Hoàng tử bé đã rời xa Trái Đất và trở về với hành tinh của mình. Nhưng giọng nói của cậu dường như vẫn ngân lên trong tâm trí người đọc, thì thầm với chúng ta về tình yêu thương, lòng vị tha và niềm khao khát được sẻ chia, thấu hiểu.

Nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm.

(Nhóm biên soạn)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

a. *Lựa chọn đề tài*

Hãy quan tâm đến những đặc điểm nổi bật, sự độc đáo hoặc những phẩm chất tích cực của nhân vật vì cách chọn nhân vật để phân tích phản ánh quan niệm, suy nghĩ của người viết.

Mục đích viết

Phân tích nhân vật yêu thích để làm rõ những đặc điểm đáng chú ý, cuốn hút của nhân vật.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến cuốn sách và nhân vật.

b. *Tìm ý*

Em có thể tìm ý bằng cách đặt ra và trả lời các câu hỏi như:

– Nhân vật xuất hiện trong cuốn sách, tác phẩm nào?

– Vì sao em yêu thích nhân vật? Điều gì khiến em quyết định lựa chọn phân tích nhân vật này?

– Nhân vật có những đặc điểm nào nổi bật (ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ,...)? Những đặc điểm đó cho thấy điều gì về phẩm chất, giá trị của nhân vật?

– Nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn có gì đặc sắc?

– Nhân vật gợi cho em liên tưởng, suy nghĩ và rút ra bài học gì?

c. *Lập dàn ý*

Sắp xếp các ý đã tìm được theo bố cục của bài viết.

Dàn ý

– *Mở bài*: Giới thiệu nhân vật và nêu ngắn gọn ấn tượng ban đầu của em về nhân vật.

– *Thân bài*:

+ Bối cảnh và những mối quan hệ làm nổi bật đặc điểm nhân vật.

+ Những đặc điểm nổi bật của nhân vật thể hiện qua các bằng chứng trong tác phẩm (chi tiết về ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, suy nghĩ,... của nhân vật).

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật: cách sử dụng chi tiết, ngôn ngữ, biện pháp nghệ thuật,...

+ Ý nghĩa của hình tượng nhân vật.

– *Kết bài*: Nêu những bài học, suy nghĩ, ấn tượng sâu sắc mà nhân vật để lại trong tâm trí em.

2 VIẾT BÀI

Khi thực hành viết bài văn phân tích nhân vật yêu thích, em cần chú ý vai trò của các phần: Mở bài, Thân bài và Kết bài. Có thể tách phần Thân bài thành các đoạn theo các ý chính đã dự kiến. Sử dụng các chi tiết, bằng chứng làm rõ đặc điểm nhân vật theo hai cách: tóm tắt hoặc trích nguyên văn.

3 CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Đọc lại bài viết để tự kiểm tra, chỉnh sửa dựa trên những gợi ý sau:

– Tên nhân vật, tên sách, tác giả và các chi tiết liên quan có chính xác không?

– Bằng chứng cho các đặc điểm của nhân vật và nghệ thuật xây dựng nhân vật trong truyện đã đủ và phù hợp chưa?

– Có lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, tổ chức đoạn văn hay không?

Nói và nghe

VỀ ĐÍCH

Ngày hội với sách

Sau khi chinh phục những cuốn sách mới, đọc cùng nhà phê bình, trò chuyện cùng nhân vật và tác giả, kể lại câu chuyện theo hình thức thơ bốn chữ, thơ năm chữ hoặc hình thức truyện tranh, viết bài văn phân tích nhân vật, em đã có những thu hoạch bổ ích, những sản phẩm có thể mang ra trưng bày và sử dụng để thuyết trình, giới thiệu cùng các bạn. Hãy cố gắng đóng góp cho *Ngày hội với sách* những điều thú vị, hữu ích nhất theo cách của em.

Chọn một trong hai hoạt động sau để cùng tham gia trình bày với các bạn:

Giới thiệu sản phẩm sáng tạo từ sách

Tham gia giới thiệu các sản phẩm sáng tạo từ sách của cá nhân và tập thể: truyện tranh, pô-xtơ giới thiệu nhân vật, các hình thức tóm tắt tác phẩm,... Có thể sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ kết hợp lời giới thiệu, thuyết trình ngắn để giải thích về sản phẩm sao cho sinh động, hấp dẫn với người nghe.

Trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách

Sách vừa là người bạn, vừa là người thầy suốt đời của mỗi chúng ta. Sau chuỗi hoạt động của dự án đọc trong bài 10, em hãy cùng các bạn trao đổi ý kiến, thảo luận về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách giúp mọi người cùng nhận ra tầm quan trọng của việc đọc sách với quá trình học tập và phát triển bản thân.

1 TRƯỚC KHI NÓI

a. *Chuẩn bị nội dung và phương tiện để trình bày*

– Lựa chọn và xác định nội dung cần trình bày:

+ Xem lại sản phẩm sáng tạo từ sách và chọn sản phẩm độc đáo, thú vị mà em muốn giới thiệu.

+ Lập dàn ý bài nói trước khi trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách, đánh dấu những nội dung cần nhấn mạnh, cần làm rõ và thuyết phục người nghe.

– Xác định các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp cần sử dụng để hỗ trợ cho bài nói về sản phẩm sáng tạo từ sách hoặc trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách: hình ảnh, sơ đồ, tranh vẽ hoặc bản nhạc không lời (nếu cần).

Mục đích nói

Chọn một trong hai mục đích nói sau đây để chuẩn bị và trình bày bài nói:

- Giới thiệu để làm rõ ý nghĩa những sản phẩm sáng tạo từ sách.
- Trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến kết quả dự án đọc sách và quan điểm của em về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách.

b. *Tập luyện*

Em có thể chọn hình thức tập luyện:

– Tập luyện một mình để ghi nhớ nội dung và chọn cách diễn đạt phù hợp.

– Trình bày trước các bạn trong nhóm học tập, cùng các bạn trao đổi để có thể lắng nghe góp ý nhằm điều chỉnh nội dung trình bày và diễn đạt sao cho rõ ràng, mạch lạc, có sức thu hút.

Hãy cố gắng để việc giới thiệu sản phẩm sáng tạo từ sách hoặc trình bày quan điểm của em về việc đọc sách trở nên thú vị, hấp dẫn, cuốn hút và để lại ấn tượng sâu sắc với người nghe.

2 TRÌNH BÀY BÀI NÓI

– Trình bày một cách rõ ràng các nội dung đã chuẩn bị.

– Nhấn mạnh những đặc điểm nổi bật của sản phẩm sáng tạo từ sách hoặc làm rõ quan điểm của em về việc đọc sách qua lí lẽ xác đáng và bằng chứng cụ thể.

– Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp để phần trình bày hấp dẫn hơn.

3 SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
• Nghe và ghi vắn tắt những đặc điểm nổi bật của sản phẩm sáng tạo từ sách hoặc quan điểm về việc đọc sách để có thể trao đổi, nêu câu hỏi sau khi người nói trình bày. • Nêu ý kiến về nội dung bài nói và cách trình bày.	• Nghe góp ý và phản hồi những ý kiến của người nghe về nội dung bài nói một cách phù hợp, rõ ràng, có thể bổ sung những điểm cần làm rõ thêm. • Trao đổi lại với người nghe về cách trình bày để có thể rút kinh nghiệm và điều chỉnh một cách hiệu quả.

ÔN TẬP HỌC KÌ II

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

• Nêu được kiến thức về các loại, thể loại văn bản đọc, kiến thức tiếng Việt và kiến thức về các kiểu bài viết, bài nói đã được học, thực hành theo *Ngữ văn 7*, tập hai.

• Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã được học, rèn luyện trong cả năm học vào giải quyết những bài tập tổng hợp.

A. ÔN TẬP KIẾN THỨC

1. Em đã được học về những loại, thể loại văn bản nào trong học kì II? Hãy trả lời câu hỏi này bằng một bảng tổng hợp hay sơ đồ phù hợp.

2. Với *Ngữ văn 7*, tập hai, em đã được tìm hiểu sâu về một số thể loại văn bản mới, chưa học trước đó. Nêu tên và đặc điểm nổi bật của các thể loại này kèm danh mục văn bản cụ thể vào bảng sau (bảng được kẻ vào vở):

STT	Tên thể loại văn bản	Đặc điểm nội dung	Đặc điểm hình thức	Tên văn bản hoặc nhóm văn bản đã học

3. Trong học kì II, những kiến thức tiếng Việt nào được ôn lại và những kiến thức tiếng Việt nào lần đầu được học? Hãy điền thông tin phù hợp vào bảng được lập theo mẫu gợi ý sau:

STT	Bài học	Kiến thức được ôn tập	Kiến thức mới

4. Nêu những kiểu bài viết mà em đã thực hành với *Ngữ văn 7*, tập hai. Kiểu bài nào được xem là mới và yêu cầu cụ thể của những kiểu bài đó là gì? Hãy lập một sơ đồ phù hợp để thể hiện lời giải đáp của em.

5. Lập bảng nhắc lại những đề tài viết (theo từng kiểu bài) mà em đã chọn thực hiện và nêu dự kiến về những đề tài khác có thể viết thêm. Gợi ý mẫu bảng:

STT	Kiểu bài viết	Đề tài đã chọn viết	Đề tài khác có thể viết

6. Trong học kì II, hoạt động nói và nghe đã được thực hiện với những nội dung gì? Nội dung nào trong đó khiến em cảm thấy hứng thú nhất? Vì sao?

B. LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. ĐỌC

a Đọc văn bản

Lời giải thích của nhà khoa học

[...] Ý nghĩ của tôi trước sau vẫn là: con người chưa được hoàn thiện. Trong quá trình tiến hoá, tuy con người có được nhiều cái hơn hẳn tổ tiên, nhưng lại mất đi nhiều cái mà tổ tiên đã có trong những giai đoạn phát triển sơ khai của mình. Sinh hoạt ở dưới nước sẽ cho con người những điều ưu việt lớn lao. Thế thì sao ta không trả lại cho con người cái khả năng đó? Qua lịch sử phát triển của động vật, chúng ta biết rằng tất cả những muông thú sống trên cạn đều thoát thai từ những loài sống dưới nước: chúng đều từ biển bò lên. Chúng ta lại biết rằng một số động vật trên cạn lại quay về sống dưới nước. Cá heo xưa kia là cá, nhưng đã có thời gian bò lên cạn và trở thành động vật có vú. Nhưng sau đó, nó lại quay về biển và vẫn nuôi con bằng sữa như cá voi. Cả cá voi lẫn cá heo đều thở bằng phổi. Có thể giúp cá heo trở thành cá phổi lưỡng thể. Ích-chi-an (Ichthyander) đã yêu cầu tôi làm việc đó. Nếu được, thì bạn của nó là con cá heo Li-đinh (Liding) sẽ có thể cùng nó lặn rất lâu dưới nước.

Tôi đang chuẩn bị làm phẫu thuật đó cho con Li-đinh. Là người cá đầu tiên trên Trái Đất và là người đầu tiên sống trong thế giới của cá, Ích-chi-an không thể không cảm thấy cô đơn. Nhưng nếu những người khác cũng theo chân nó mà thâm nhập vào biển cả thì cuộc sống sẽ khác hẳn. Lúc đó con người sẽ thắng được nước, một lực lượng hùng mạnh của thiên nhiên, một cách dễ dàng. Các ngài hẳn biết lực lượng đó thế nào rồi. Các ngài hẳn biết diện tích các đại dương là 316 triệu 50 ngàn km^2. Hơn 7 phần 10 diện tích Trái Đất bị nước bao phủ. Khoảng nước mênh mông đó với những trữ lượng cá vô cùng tận về thực phẩm và nguyên liệu cho công nghiệp có thể chứa được hàng triệu, hàng tỉ người. Hơn 316 triệu km^2 chỉ là diện tích, là bề mặt. Mà con người thì lại có thể ở dưới nước thành nhiều tầng. Hàng tỉ con người có thể sống thênh thang thoải mái dưới nước.

[...] Nghe giáo sư Xan-va-tô (Salvator) nói, tất cả những người có mặt tại toà hôm nay dường như đã trông thấy cái thế giới ngầm dưới nước được con người chinh phục. Nếu chế ngự được biển cả thì sẽ có lợi biết bao!

(A-lếch-xan-đơ-rơ Bê-li-a-ép (Aleksandr Belyaev), *Người cá*, Lê Phương *dịch*, NXB Lao động, Hà Nội, 2013, tr. 224 – 225, 227)

b Thực hiện các yêu cầu

- **Chọn phương án đúng (làm vào vở)**

Câu 1. *Đoạn trích lấy từ văn bản thuộc loại hay thể loại nào?*

A. Văn bản nghị luận

B. Truyện khoa học viễn tưởng

C. Truyện đồng thoại

D. Văn bản thông tin

Câu 2. *Lời của nhà khoa học trong đoạn trích thể hiện khát vọng gì?*

A. Khám phá đại dương và khai thác những nguồn lợi to lớn từ đại dương

B. Sửa chữa lại cấu trúc cơ thể của con người, giúp con người hoàn thiện hơn

C. Cải tạo thể chất con người, giúp con người chinh phục thế giới ngầm của đại dương

D. Chiến thắng nước – một lực lượng hùng mạnh của thiên nhiên

- **Trả lời câu hỏi**

Câu 1. Theo đoạn trích, nhận thức khoa học nào đã được dùng làm cơ sở để giáo sư Xan-va-tô theo đuổi những dự án lớn lao của mình?

Câu 2. Tìm trong đoạn trích những dấu hiệu hoặc căn cứ cho phép ta xác định được loại hay thể loại của văn bản chứa đựng chính đoạn trích này.

Câu 3. Trong đoạn trích có câu: "*Là người cá đầu tiên trên Trái Đất và là người đầu tiên sống trong thế giới của cá, Ích-chi-an không thể không cảm thấy cô đơn.*"

– Hãy viết lại câu văn trên theo một cấu trúc khác, không làm thay đổi nội dung thông báo chính trong câu.

– Chỉ ra điểm khác biệt về nghĩa giữa câu em vừa viết với câu văn gốc.

Câu 4. Nêu nhận xét về tính thuyết phục của lời giải thích được giáo sư Xan-va-tô đưa ra.

2. VIẾT

Từ những gợi ý của nội dung đoạn trích, hãy viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về chủ đề: *Đại dương vẫy gọi*.

3. NÓI VÀ NGHE

Phác thảo những ý chính cho bài nói về đề tài: *Khai thác và bảo vệ tài nguyên biển*.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

1. ĐỌC

a Đọc văn bản

Tự chịu trách nhiệm

Không ai tránh khỏi lỗi lầm, vấp váp và thất bại trên đường đời, tuy nhiên có sự khác biệt lớn giữa người thành công và kẻ thất bại về cách ứng xử khi gặp những vấn đề trên. Người thành công tìm nguyên nhân thất bại trước tiên từ bản thân mình, còn kẻ thất bại thường tìm cách biện minh[1] bằng những yếu tố bên ngoài như thiếu phương tiện, vốn, thời gian, không nhận được sự giúp đỡ hay hợp tác của người khác. Thế nhưng chính bản thân mới là người quyết định cách hành xử trong mọi tình huống, từ đó tạo dựng cuộc sống hiện tại của mình. Yếu tố quan trọng quyết định sự nghiệp thành bại là ý thức tự chịu trách nhiệm. Chỉ khi nhìn thẳng vào thiếu sót của bản thân mới có cơ hội tự sửa mình và có thái độ khoan dung với lỗi lầm của người khác để thiết lập[2] những mối quan hệ tốt, hướng tới điều tốt đẹp hơn.

Tự chịu trách nhiệm có nghĩa là ý thức được rằng kết quả ngày hôm nay chính là hệ quả của những lựa chọn và hành động của bản thân đã thực hiện trong quá khứ, trung thực nhận thức chính mình là nguyên nhân trực tiếp hay gián tiếp của mọi

[1] *Biện minh*: trình bày lí lẽ để bào chữa hoặc chống chế.
[2] *Thiết lập*: dựng nên.

thành công hay thất bại. Người có tinh thần cầu tiến luôn biết tự chịu trách nhiệm với mọi hành động và kết quả mà mình nhận được.

Chỉ khi dám tự chịu trách nhiệm, mới tự tin đặt mình vào vị thế chủ động, tự chủ, đầy quyền lực để hành động, nhằm thay đổi hoàn cảnh hiện tại theo hướng mong muốn của mình. Cổ nhân có câu: "Tiên trách kỉ, hậu trách nhân[1]". Sự biện minh, đổ lỗi đồng nghĩa với việc đặt mình vào tình thế bị động, yếu đuối, tự thấy mình bất lực trước sự việc, đánh mất dần sức mạnh bản thân, nên không khỏi trả giá đắt vì tự huỷ hoại quyền làm chủ cuộc đời mình. Khổng Tử[2] dạy: "Người khôn ngoan tự hỏi nguyên do lỗi lầm ở bản thân, kẻ khờ dại hỏi nguyên do ở kẻ khác". Không nên viện dẫn bất kì lí do nào để biện minh về sự thất bại hay những gì mình không đạt được.

[...] Khi không dám nhìn nhận sự thật về sự yếu kém của bản thân, thì trách nhiệm cá nhân được trút lên bất kì ai hay sự việc nào liên quan. Sự thật có tệ hại thế nào chăng nữa thì nó vẫn tồn tại, không có lời biện minh hùng hồn nào có thể thay đổi nó, do đó, thay vì tìm cách biện minh hay đổ lỗi, cần nghiêm túc tự kiểm điểm bản thân mình trước. Dù có cố gắng tự biện minh và tìm ra bao nhiêu lỗi lầm ở người khác để đổ lỗi thì kết quả cũng không hề thay đổi, mà chỉ gây ra thêm những mối bất đồng, dẫn đến phá huỷ mối quan hệ. Vì vậy, mỗi khi làm điều gì mà không được như ý thì cũng đừng phàn nàn sai đối tượng.

Con người không thể thay đổi hoàn cảnh khách quan, không gian hay thời gian, nhưng bất kì ai cũng hoàn toàn có thể tự thay đổi bản thân mình, nếu muốn. Chỉ khi nhìn thẳng vào trách nhiệm của mình mới có thể tìm ra được giải pháp tích cực để không lặp lại điều bất lợi và không ngừng hoàn thiện bản thân.

(Trần Thượng Tuấn – Nguyễn Minh Huy, *8 kĩ năng mềm thiết yếu – chìa khoá đến thành công*, NXB Lao động, Hà Nội, 2015, tr. 126 – 128)

b Thực hiện các yêu cầu

- **Chọn phương án đúng (làm vào vở)**

Câu 1. *Văn bản trên thuộc loại văn bản gì?*

A. Văn bản thông tin

B. Văn bản nghị luận

C. Văn bản văn học

---

[1] *Tiên trách kỉ, hậu trách nhân*: trước hết phải trách mình, sau đó mới trách người.

[2] *Khổng Tử* (551 – 479 trước Công nguyên): người gây dựng học thuyết Nho giáo, là nhà tư tưởng, giáo dục lỗi lạc bậc nhất của Trung Quốc thời cổ đại.

Câu 2. *Theo tác giả, mỗi người cần "tự chịu trách nhiệm" về những sai lầm của bản thân để đạt được mục đích chính gì?*

A. Từng bước hoàn thiện bản thân

B. Biết khoan dung với người khác

C. Đạt được thành công về sau

D. Thiết lập những quan hệ tốt

- **Trả lời câu hỏi**

Câu 1. Vẽ sơ đồ đơn giản thể hiện mối quan hệ giữa vấn đề đặt ra và các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được tác giả trình bày trong văn bản.

Câu 2. Phân tích cách triển khai, củng cố lí lẽ mà tác giả đã sử dụng trong đoạn 3 của văn bản.

Câu 3. Nêu suy nghĩ của em về nhận định sau đây của tác giả: "Chỉ khi nhìn thẳng vào thiếu sót của bản thân mới có cơ hội tự sửa mình và có thái độ khoan dung với lỗi lầm của người khác để thiết lập những mối quan hệ tốt, hướng tới điều tốt đẹp hơn".

Câu 4. Đọc các thành ngữ, tục ngữ sau:

– *Cắn răng chịu đựng;*

– *Dám làm dám chịu;*

– *Mình làm mình chịu, kêu mà ai thương;*

– *Chân mình thì lấm bê bê/ Lại cầm bó đuốc đi rê chân người.*

Cho biết thành ngữ, tục ngữ nào có nội dung liên quan một phần tới thông điệp được nêu trong văn bản. Vì sao em xác định như vậy?

Câu 5. *Cầu tiến, vị thế, viện dẫn* là ba trong nhiều từ được dùng trong văn bản có các yếu tố Hán Việt thông dụng. Nêu cách hiểu của em về nghĩa của những yếu tố Hán Việt tạo nên các từ đó và giải thích nghĩa của từng từ.

2. VIẾT

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) bày tỏ suy nghĩ của em về những con người dám nhận trách nhiệm trước sai lầm, thất bại do chính họ gây ra.

3. NÓI VÀ NGHE

Lập dàn ý cho bài nói về vấn đề: *Điều em muốn chuẩn bị cho bước đường tương lai của mình.*

PHỤ LỤC 1

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ		
STT	**Thuật ngữ**	**Trang**
1	bằng chứng	4, 16, 17, 19, 20,...
2	cảm xúc	10, 21, 22, 54, 102
3	chi tiết	16, 21, 22, 28, 33,...
4	chủ đề	4, 12, 13, 22, 54,...
5	cốt truyện	4, 21, 25, 26, 53,...
6	cước chú	76, 77, 83
7	dấu chấm lửng	25, 26, 41, 42
8	dấu ngoặc kép	42, 83, 98
9	đề tài	4, 16, 18, 19, 25,...
10	hình ảnh	5, 13, 21, 22, 33,...
11	không gian (trong tác phẩm văn học)	25, 26, 33, 38, 39,...
12	lí lẽ	4, 16, 17, 19, 20,...
13	liên kết	20, 21, 25, 26, 34,...
14	lời nhân vật	41
15	mạch lạc	25, 26, 34, 35, 48,...
16	miêu tả	25, 28, 33, 34, 39,...
17	nhan đề	27, 33, 39, 45, 51,...
18	nhân vật	4, 5, 22, 25, 26,...
19	(biện pháp tu từ) nói quá	4, 5, 13, 14
20	phương tiện phi ngôn ngữ	73, 76, 102, 109, 116,...
21	quan điểm (của người viết, người nói)	18, 19, 49, 57, 59,...
22	quan hệ nhân quả	77, 82
23	số liệu	82, 98
24	sơ đồ	36, 87, 96, 97, 102,...
25	sự kiện	25, 26, 34, 45, 46,...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

26	tài liệu tham khảo	76, 77, 81, 82, 83,...
27	thành ngữ	4, 5, 7, 10, 11,...
28	thông điệp	50, 58, 61, 63, 77,...
29	thông tin chính của văn bản	85
30	thời gian (trong tác phẩm văn học)	25, 26, 41, 53, 77,...
31	thuật ngữ	48, 54, 55, 64, 80,...
32	tình huống (trong truyện)	4, 11, 21, 25, 26,...
33	truyện khoa học viễn tưởng	25, 26, 33, 50, 53,...
34	truyện ngụ ngôn	4, 5, 10, 21, 22,...
35	tục ngữ	4, 5, 11, 12, 13,...
36	văn bản đa phương thức	102
37	văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống	54
38	vấn đề (đặt ra trong văn bản)	4, 16, 17, 18, 19,...

PHỤ LỤC 2

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

STT	Thuật ngữ	Giải thích
1	cước chú	chú thích đặt ở chân trang hoặc cuối văn bản về một từ ngữ khó hiểu hay một nội dung chưa quen với phần lớn độc giả, vốn xuất hiện trong phần chính của trang hoặc của văn bản; loại chú thích cho biết văn bản hay một số yếu tố của văn bản được lấy từ nguồn nào cũng được gọi là cước chú
2	không gian (trong tác phẩm văn học)	một bối cảnh giàu ý nghĩa nghệ thuật, cho biết vùng, nơi chốn diễn ra câu chuyện, sự việc hoặc làm nảy sinh tâm trạng được nói tới trong tác phẩm
3	liên kết	mối quan hệ gắn nối chặt chẽ về hình thức giữa các yếu tố, các bộ phận trong văn bản, được thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ
4	mạch lạc	sự liền mạch về nội dung của văn bản nhờ sự sắp xếp hợp lí các bộ phận cấu tạo (câu, đoạn), làm nổi bật được tương quan giữa các bộ phận ấy và giúp người đọc, người nghe hình dung được sáng rõ về vấn đề tác giả muốn trình bày

5	nói quá	một biện pháp tu từ phóng đại tính chất, quy mô của đối tượng để nhấn mạnh, tăng sức biểu cảm hoặc gây cười
6	quan hệ nhân quả	quan hệ giữa các sự việc mà ở đó sự việc được nêu trước là nguyên nhân của sự việc được nói sau, tất cả kết nối với nhau thành một chuỗi liên tục
7	tài liệu tham khảo	nguồn thông tin được tìm đọc, tra cứu, học hỏi khi người ta nghiên cứu một vấn đề nào đó; được liệt kê và sắp xếp theo trật tự quy ước, thường được đặt vào phần cuối của văn bản
8	thành ngữ	cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy; nghĩa của thành ngữ thường không được suy ra từ nghĩa của từng thành tố
9	thời gian (trong tác phẩm văn học)	một bối cảnh của câu chuyện, sự việc, tâm trạng được kể hay thể hiện trong tác phẩm; mang tính ước lệ nghệ thuật, giúp độc giả cảm nhận được ý nghĩa đặc biệt của thời điểm hay chuỗi thời điểm diễn ra câu chuyện, sự việc, tâm trạng ấy
10	thuật ngữ	từ ngữ chỉ khái niệm của một số lĩnh vực chuyên môn hoặc ngành khoa học
11	tình huống (trong truyện)	sự việc then chốt làm phát lộ nhiều mối tương quan trong câu chuyện được kể, thể hiện được những tầng ý nghĩa phong phú của tác phẩm và có thể khiến người đọc đặc biệt chú ý
12	truyện khoa học viễn tưởng	một loại sáng tác nằm ở đường biên giữa khoa học và nghệ thuật, mang tính dự báo về viễn cảnh của đời sống, thể hiện trí tưởng tượng phong phú được nâng đỡ bởi những tri thức sâu sắc về khoa học và chiều hướng phát triển của khoa học trong tương lai
13	truyện ngụ ngôn	một loại truyện kể cỡ nhỏ (bằng văn xuôi hoặc thơ), dùng hình thức ám chỉ, bóng gió để truyền tải nội dung giáo huấn (nhân vật có thể là con người hoặc đồ vật, con vật được nhân hoá)
14	tục ngữ	một loại sáng tác ngôn từ dân gian có hình thức gần với lời nói thường nhưng cô đọng, gây ấn tượng và dễ nhớ, đúc kết những kinh nghiệm đời sống cần được phổ biến rộng rãi hay truyền lại cho đời sau

PHỤ LỤC 3

BẢNG TRA CỨU YẾU TỐ HÁN VIỆT

STT	Yếu tố Hán Việt	Nghĩa: *từ Hán Việt (bài)*
1	âm	– tiếng, tiếng phát ra, âm nhạc: ***âm điệu (4)***, *âm hưởng*, ***âm thanh (2, 3)***, *âm vang, hoà âm, thanh âm, tri âm,…* – tin tức: *hồi âm*
2	báo	– nói cho biết, truyền đạt thông tin hoặc dấu hiệu: ***báo cáo (7, 9)***, ***báo động (8)***, *báo hiệu,* ***cảnh báo (8)***, *thông báo, trình báo,…* – đáp lại, trả lại: *báo ân, báo oán,…* – kết quả phải nhận do làm việc xấu: *báo ứng, quả báo,…*
3	ca	– bài hát, khúc hát: ***ca dao (10)***, *dân ca,* ***hoà ca (4)***, *quốc ca, thi ca, tráng ca,…* – hát, ca ngợi: *ca tụng, ca vũ, xướng ca,…*
4	cải	đổi, thay đổi: *cải biến, cải cách, cải đạo, cải tạo,* ***cải tiến (5)***,…
5	cấp	nhanh, gấp, vội, khẩn trương: *cấp bách, cấp cứu,* ***cấp tốc (7)***, ***khẩn cấp (3)***,…
6	cuồng	– trạng thái tinh thần không bình thường: *điên cuồng, phát cuồng,…* – phóng túng, kiêu ngạo: *cuồng ngạo, cuồng vọng,…* – khí thế mãnh liệt: *cuồng nhiệt, cuồng nộ, cuồng phong,…*
7	dao	bài ca dân gian: *ca dao,* ***đồng dao (2)***,…
8	dị	dễ, đơn giản, hài hoà: *bình dị, dung dị,* ***giản dị (5, 10)***,…
9	dung	– chứa, đựng: *dung lượng, dung nạp, dung tích,* ***nội dung (4, 7, 9, 10)***,… – độ lượng với người khác: *bao dung, khoan dung,…*
10	dung	tướng mạo, cái vẻ (hình thức, trạng thái) biểu hiện ra ngoài: *dung mạo, dung nhan,* ***hình dung (1, 2, 7, 9)***,…

11	đại	– to, lớn, rộng, nhiều: *đại chúng*, ***đại dương (7, 9)***, *đại hội*, ***vĩ đại (7)***,… – chỉ người được xếp ở vị trí hàng đầu trong cùng một thế hệ hoặc trong nhóm: *đại ca*, *lão đại*,… – một cách chung chung, không cụ thể, chi tiết: ***đại khái (1)***, *đại thể*,…
12	đắc	– được, giành được, có được: *đắc dụng*, *đắc địa*, *đắc lực*, *đắc thắng*,… – đúng ý, hài lòng: *đắc ý*, *tự đắc*,…
13	đầu	– cái đầu: *đầu lâu*, *đầu não*,… – mở đầu: ***đầu tiên (1, 3, 5, 7, 8, 9)***, *khởi đầu*,…
14	đồng	trẻ em: ***đồng dao (2)***, *hài đồng*, *nhi đồng*, *thần đồng*,…
15	đột	– chợt, ngoài dự liệu: ***đột ngột (7)***, ***đột nhiên (6)***,… – vượt ra, phá ra: *đột kích*, ***đột nhập (7)***, *đột phá*, *đột xuất*,…
16	gian	khó khăn: *gian khổ*, ***gian lao (4)***, ***gian nan (5)***,…
17	gian	khoảng, khoảng giữa: ***dân gian (5)***, *dương gian*, ***không gian (5, 7, 8, 9)***, ***nhân gian (2)***, *thế gian*, ***thời gian (1, 5, 6, 7, 8, 9)***, *trần gian*, ***trung gian (8)***,…
18	giản	trái nghĩa với *phức tạp*: ***giản dị (5, 10)***, *giản đơn*, *giản lược*, *giản tiện*, ***đơn giản (9)***,…
19	giáo	– dạy bảo: ***giáo dục (8)***, *giáo dưỡng*, *giáo khoa*, ***giáo sư (7)***, *giáo viên*, ***mẫu giáo (8)***,… – tôn giáo: ***Giáo hoàng (5)***, *Công giáo*, *Đạo giáo*, *Phật giáo*, ***tôn giáo (8)***,…
20	hoà	– cân bằng, hài hoà: ***hoà bình (1, 2)***, ***hoà ca (4)***, *hoà khí*, *hiền hoà*, ***thuận hoà (6)***,… – làm cho cân bằng, hài hoà, không cạnh tranh nhau: *hoà đàm*, *hoà hoãn*, ***điều hoà (9)***, *giảng hoà*,…
21	hoan	vui vẻ, cao hứng: ***hoan hỉ (9)***, ***hoan hô (1)***, *hoan lạc*, ***hân hoan (3)***, ***liên hoan (5)***,…
22	hiển	– rõ ràng: ***hiển hiện (7)***, ***hiển nhiên (1, 8)***, *hiển thị*,… – vẻ vang: *hiển hách*, *vinh hiển*,…

23	hiệu	– danh xưng: *biệt hiệu, danh hiệu, đạo hiệu, quốc hiệu,...* – biểu hiện hình thức cho thấy điều gì đó*: báo hiệu, **dấu hiệu (7, 9)**, **tín hiệu (7)**,...* – ra lệnh, yêu cầu phải tuân theo: *hiệu lệnh, hiệu triệu,...*
24	hội	– họp, tập họp lại: *hội kiến, hội nghị, hội ngộ, hội thảo, hội tụ, đại hội,...* – nơi có đông người, tập hợp có tổ chức: *đô hội, **hiệp hội (7)**, thương hội, **xã hội (8, 9, 10)**,...* – thời: *cơ hội, vận hội,...* – hiểu biết: *lĩnh hội*
25	ích	– tăng thêm, làm lợi cho: *ích kỉ* – điều tốt, điều có lợi: *công ích, hữu ích, lợi ích, tiện ích, **vô ích (8)**,...*
26	khái	bao quát, đại lược: ***khái niệm (1, 9)**, khái quát, **đại khái (1)**,...*
27	khẩn	căng, gấp: ***khẩn cấp (3)**, khẩn trương,...*
28	khẩn	– chân thành: ***khẩn khoản (3)**, **thành khẩn (9)**,...* – cầu xin: *khẩn cầu, cầu khẩn,...*
29	khí	– vật chất ở thể khí: *khí quyển, chướng khí, **dưỡng khí (1, 7)**, **không khí (1, 4, 5, 7, 9)**,...* – biểu hiện thời tiết của tự nhiên: ***khí hậu (9)**, **khí tượng (9)**,...* – trạng thái tinh thần của con người: *khí khái, khí phách, khí tiết, hoà khí,...*
30	khiết	sạch: *liêm khiết, thanh khiết, thuần khiết, tinh khiết,...*
31	khoa	khoa học: ***khoa học (1, 7, 9)**, chuyên khoa, giáo khoa, văn khoa,...*
32	kiên	cứng, chắc, bền, không thay đổi, không dao động: *kiên cố, kiên cường, **kiên định (5)**, kiên quyết, kiên tâm, **kiên trì (7)**, trung kiên,...*
33	lao	– vất vả, nhọc nhằn: *lao khổ, lao lực, lao tâm, **gian lao (4)**,...* – công sức: ***lao động (5)**, công lao,...*

34	liên	– liền nhau: *liên hoàn, liên miên, liên tiếp,* ***liên tục (3)****,...* – kết nối: ***liên hoan (5)****,* ***liên kết (7)****, liên từ,...*
35	lợi	– điều tốt: *lợi lộc, lợi ích,* ***quyền lợi (9)****, thắng lợi,* ***thuận lợi (7, 9)****, thuỷ lợi, tiện lợi,...* – làm lợi, đem lại điều tốt: *ích quốc lợi dân* – giành lấy điều tốt cho mình: ***lợi dụng (7)****, vụ lợi,...* – tính chất sắc bén, thế mạnh: ***lợi hại (7)****, lợi khẩu, lợi thế,...* – lãi, có lãi: *lợi nhuận, lợi tức,...*
36	luật	– phép tắc: *luật lệ, pháp luật, quy luật,...* – quy định về âm điệu, quy tắc nhất định để làm thơ: *luật Đường, luật thi, âm luật, nhạc luật,...*
37	miên	dài dằng dặc, không dứt: ***liên miên (1)****, triền miên,...*
38	minh	– sáng, sáng sủa: *minh tinh,* ***bình minh (1)****,* ***lê minh (3)****, quang minh,* ***thanh minh (5)****,...* – sáng suốt, hiểu rõ, làm rõ: *minh bạch,* ***thông minh (3)****,...*
39	nghênh	– đón tiếp: *nghênh tiếp, hoan nghênh,...* – đối diện, đối đầu: ***nghênh chiến (7)***
40	nghiệm	– xem xét, kiểm tra: *chứng nghiệm, kiểm nghiệm,* ***kinh nghiệm (1, 8)****,* ***thí nghiệm (7)****,...* – hiệu quả, có hiệu quả: *hiệu nghiệm,* ***linh nghiệm (9)****, ứng nghiệm,...*
41	nghiệp	– nghề nghiệp: ***chuyên nghiệp (7)****, công nghiệp,* ***nông nghiệp (5)****, thương nghiệp,...* – đơn vị hành nghề: *doanh nghiệp, xí nghiệp,...* – công lao, thành tựu: ***cơ nghiệp (6)****, sản nghiệp, sự nghiệp,...* – việc học: *tốt nghiệp* – nguyên nhân đưa tới quả báo (Phật giáo): *nghiệp báo, nghiệp chướng, ác nghiệp, tạo nghiệp, tội nghiệp,...*
42	ngụ	– ở nhờ, ở: *ngụ cư, cư ngụ, trú ngụ,...* – gửi, gửi gắm: ***ngụ ngôn (6, 8)****, ngụ ý,...*

43	nhận	– biết, phân biệt được: *nhận diện*, ***nhận thức (9)***,… – đồng ý: *chứng nhận*, ***công nhận (7)***, ***phủ nhận (8)*** *thừa nhận, xác nhận*,…
44	phá	– làm vỡ ra: ***phá hoang (6)***, *bộc phá, khai phá*,… – làm hỏng: *phá hoại, phá huỷ, tàn phá*,… – vượt ra khỏi: *phá cách, phá lệ*,… – đánh bại: *phá trận, công phá*,…
45	phát	– bắn ra: *phát xạ, bách phát bách trúng*,… – đem cho, giao cho, bỏ ra cho: *phát chẩn, phát hành, phân phát*,… – diễn đạt, bày tỏ: *phát biểu, phát nguyện*,… – nhiều lên, tốt lên, lớn lên: *phát đạt, phát lộc, phát tài*,… – bắt đầu, mở đầu, mở ra, sinh ra: *phát bệnh, phát động,* ***phát hiện (7, 8)***, ***phát minh (7)***, *phát sinh, khởi phát,* ***xuất phát (8)***,…
46	phổ	rộng, khắp: ***phổ biến (5)***, *phổ quát, phổ thông*,…
47	phu	– đàn ông, nam giới: *phu tử, nông phu,* ***tiều phu (6)***, *trượng phu*,… – người làm công việc lao động nặng nhọc, lao động cưỡng bức: *phu dịch* – chồng: *phu phụ, phu quân, phu thê*,…
48	phù	nổi, lơ lửng: *phù du, phù phiếm,* ***phù sa (2)***,…
49	phụ	– người nữ đã có chồng: *quả phụ,* ***thiếu phụ (5)***,… – nữ giới nói chung: *phụ nữ, phụ sản*,…
50	phúng	nói mát, nói bóng, nói ám chỉ: *phúng dụ, trào phúng*,…
51	quan	– nhìn, ngắm, xem xét: ***quan sát (5, 7)***, *tham quan*,… – điều mắt nhìn thấy: ***cảnh quan (7)***, *mĩ quan*,… – cách nhìn, cách nhận thức đối với sự vật: *chủ quan, khách quan, nhân sinh quan, thế giới quan*,…
52	quy	– cái khuôn, khuôn phép: *quy củ, quy định, quy luật,* ***quy trình (9)***, *phạm quy*,… – trù liệu, sắp xếp: *quy hoạch*

53	quyết	– xác định chắc chắn quan điểm, ý kiến: ***quyết định (1, 3, 7, 8, 9)***, *quyết đoán, quyết sách,...* – nhất định không nhượng bộ: ***quyết liệt (1)***, ***quyết tâm (1)***, *kiên quyết, nhất quyết,...* – xử lí, xử tử hình: *giải quyết, hành quyết,...*
54	thanh	– tiếng do vật phát ra, âm nhạc: *thanh điệu, thanh đới, thanh quản*, ***âm thanh (2, 3)***, *phong thanh,...* – danh tiếng: *thanh danh, văn kì thanh bất kiến kì hình,...* – kể ra, nêu rõ ra: *thanh minh*
55	thế	– đời, cuộc đời, cõi đời: *thế sự, thế tục, chuyển thế, tạ thế,...* – niên đại: ***thế kỉ (5, 7)*** – cõi (của cả con người và tự nhiên): *thế gian,* ***thế giới (1, 3, 5, 7, 8, 9)***,... – đời này nối đời khác: ***thế hệ (5, 7, 8)***, *thế tộc, thế tử,...*
56	thúc	– buộc, bó lại, gò lại, khống chế: *thúc thủ, câu thúc, quản thúc, ước thúc,...* – cuối một sự việc: ***kết thúc (5)***
57	thường	– lâu không đổi, không chỉ một lần: *thường niên,* ***thường thường (5)***, ***thường trú (3)***,... – phổ thông, không có gì đặc biệt: *thường dân,* ***thường nhật (5)***, *thường thức, thường tình,* ***bất thường (9)***, ***bình thường (7, 9)***, *phi thường, thông thường,...*
58	tế	– nhỏ, bé: *tế bào, tế vi,...* – kĩ lưỡng, không thô thiển: *tế nhị,* ***tinh tế (9)***, ***tử tế (2)***,...
59	tiên	– trước: *tiên liệu, tiên phong, tiên sinh, tiên tiến,* ***tiên tri (7)***, ***đầu tiên (1, 3, 5, 7, 8, 9)***,... – (biểu thị ý tôn xưng đối với người đã khuất): *tiên đế, tiên phụ,* ***tổ tiên (5 , 9)***,...
60	tiếp	– nối liền: ***tiếp tục (1, 5, 7, 8, 9),*** *liên tiếp,* ***trực tiếp (8)***,... – đến gần, chạm vào: ***tiếp cận (9)***, ***tiếp xúc (7, 8)***,... – đón nhận: *tiếp quản, tiếp thụ,...* – đón tiếp: *tiếp đãi, tiếp viên, nghênh tiếp,...*

61	tiết	– thời tiết: *tiết khí*, ***thời tiết (5, 9)***,… – thứ được chia thành đoạn, là một bộ phận trong một chỉnh thể: *tiết mục, tiết tấu, chi tiết*,… – hạn chế lại: *tiết chế, tiết độ, tiết kiệm, điều tiết*,… – giữ mình đúng chuẩn mực: *tiết hạnh, tiết tháo, khí tiết*,… – lễ độ: *lễ tiết*
62	tiết	lộ ra ngoài, đẩy ra ngoài: ***tiết lộ (3)***, *bài tiết*,…
63	tinh	– chắt lọc, không lẫn tạp: *tinh anh, tinh chế, tinh hoa, tinh luyện*, ***tinh tế (9)***, ***tinh vi (7)***, ***vị tinh (5)***,… – chuyên, thành thục: *tinh thông, tinh tường, tinh ý, nhất nghệ tinh nhất thân vinh*,… – sinh khí, tinh thần của con người: *tinh lực*, ***tinh thần (7, 8, 9)***,… – yêu quái: *hồ li tinh, yêu tinh*,…
64	tinh	sao: ***tinh vân (7)***, ***Đại Hùng tinh (1)***, ***hành tinh (7)***,…
65	tĩnh	– dừng lại (hoạt động), yên lặng (âm thanh), trái với *động*: *tĩnh mịch, tĩnh vật, động tĩnh*, ***yên tĩnh (1)***,… – thanh thản, nhàn nhã: ***tĩnh tâm (8)***, *tĩnh toạ*,…
66	toàn	– tất cả, trọn vẹn, đủ: ***toàn bộ (3, 10)***, *toàn cầu, toàn dân, toàn quốc*, ***toàn thân (1)***, *toàn thể*, ***hoàn toàn (1, 3)***,… – làm cho không bị thiếu, không bị tổn hại: ***an toàn (3, 8)***, ***bảo toàn (5)***,…
67	trào	chế giễu, trêu đùa: *trào lộng, trào phúng, tự trào*,…
68	trường	– nơi, chỗ: *trường sở, chiến trường*, ***đấu trường (7)***, ***hiện trường (9)***, *hội trường, lập trường*, ***môi trường (9)***, *nông trường, quảng trường*, ***thị trường (9)***,… – một hình thức tồn tại đặc thù của vật chất: ***trường điện từ (7)***, *trường sinh học, điện trường, từ trường*,…
69	tục	nối, nối tiếp: *kế tục*, ***liên tục (3)***, ***tiếp tục (1, 5, 7, 8, 9)***,…
70	tục	– thói quen, nếp phổ biến trong đời sống nhân dân: ***tục lệ (5)***, *tục ngữ*, ***cổ tục (3)***, ***phong tục (5, 8)***, *thông tục*,… – chất lượng xấu, không nhã nhặn: *dung tục, thô tục*,… – đời thường, đối lập với *thoát tục*: *tục nhân, phàm tục, thế tục*,…

71	từ	– nhân ái, yêu thương: *từ bi, từ mẫu,* ***hiền từ (3)***, ***nhân từ (3)***,… – giúp đỡ vì tình thương yêu: *từ thiện*
72	vị	– thứ cảm nhận được bằng lưỡi (nếm), mũi (ngửi): *vị giác,* ***vị tinh (5)***, ***gia vị (5)***, ***hương vị (5)***, ***khẩu vị (5)***, *mĩ vị,…* – thứ tâm hồn cảm nhận được: *thi vị,* ***thú vị (7, 9)***, *ý vị,…*
73	vị	– nơi, chỗ: ***vị trí (7)***, ***định vị (7)***,… – chỉ vị trí cao thấp trong xã hội: *chức vị, danh vị, địa vị,…* – chỉ ngôi vua: *thoái vị, thoán vị, tức vị,…* – người (biểu thị ý tôn trọng): *các vị, chư vị,…*
74	xã	– thần đất: *xã tắc* (*tắc*: thần lúa; *xã tắc*: chỉ đền thờ thần nói chung, sau chuyển nghĩa chỉ đất nước) – chỉ một cộng đồng, một tập thể có tổ chức: ***xã hội (8, 9, 10)***, *hợp tác xã, thông tấn xã,…* – đơn vị hành chính: *chủ tịch xã, phường xã, thôn xã,…*
75	xác	đúng, thật: ***xác định (7, 9)***, *xác nhận, xác thực,* ***chính xác (9)***, *minh xác,…*
76	yêu	đòi, đòi hỏi: *yêu cầu, yêu sách,…*

PHỤ LỤC 4

BẢNG TRA CỨU TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

STT	Tên riêng nước ngoài	Phiên âm	Trang
1	Aesop	Ê-dốp	23
2	Albert Einstein	An-be Anh-xtanh	25, 50
3	Aleksandr Belyaev	A-lếch-xan-đơ-rơ Bê-li-a-ép	119
4	Alphonse Daudet	An-phông-xơ Đô-đê	10
5	Apollo	A-pô-lô	36, 41, 42
6	Argentina	Ác-hen-ti-na	81
7	Artemis	Ác-tê-mít	37
8	Athena Pronaia	A-then-na Pờ-rô-nai-a	36, 41
9	Atlantic	Át-lan-tíc	35

10	Augustine	Au-gu-xtinh	61
11	Bangladesh	Băng-la-đét	81
12	Bethesda	Bơ-the-xđa	78
13	Canada	Ca-na-đa	26, 32
14	Castalic	Cát-xta-líc	36, 41
15	Cedar	Xi-đa	81
16	Cedar Rapids	Xi-đa Ra-pít	81
17	Chile	Chi-lê	81
18	China News	Chai-nơ Niu	79
19	Christopher Maag	Cri-xtốp-phơ Ma-gơ	84
20	Conseil	Công-xây	30, 31, 33, 34
21	Daniel Gottlieb	Đa-ni-en Gốt-li-ép	55, 56, 58, 59, 60,...
22	Davenport	Đa-vin-pót	81
23	Delphi	Đen-phi	37
24	Farragut	Phác-ra-guýt	28, 29
25	Hebrew	Hê-bơ-rơ	35
26	Helvetia	Hen-vơ-chi-a	28, 34
27	Herbert Marcuse	Hơ-bớt Mác-kiu-dơ	62
28	Hunter Lovins	Hân-tơ Lo-vin	78
29	Ichthyander	Ích-chi-an	118, 119, 120
30	Indonesia	In-đô-nê-xi-a	99, 100
31	Iowa	Ai-o-oa	81, 84
32	Ivan Antonovich Efremov	I-van An-tô-nô-vích E-phơ-rê-mốp	51
33	Ivan Krylov	I-van Crư-lốp	23
34	Jeff Zogg	Giép Dooc	81
35	John Holdren	Giôn Hô-đơ-rơn	80
36	John Muir	Giôn Mi-ơ	76
37	Jules Verne	Giuyn Véc-nơ	27, 32, 33, 39, 40,...
38	Jura	Giu-ra	40
39	La Fontaine	La Phông-ten	23
40	Lexus	Lếch-xớt	82
41	Liding	Li-đinh	118, 119

42	Lincoln	Lin-côn	29
43	Maldives	Man-đi-vơ	81
44	Maryland	Me-ri-lân	78
45	Menlo Park	Men-lô Pác	46
46	Minnesota	Min-ne-xô-ta	78, 83
47	Mwen Mass	Mơ-ven Ma-xơ	52, 53
48	Nautilus	Nau-ti-luýt	27, 33
49	Ned Land	Nét Len	27, 28, 29, 31, 32
50	Nemo	Nê-mô	27
51	New York Herald	Niu Oóc Hê-rôn	46
52	New York Times	Niu Oóc Thai-mơ	81, 82
53	Ninomiya	Ni-nô-mi-gia	68
54	Olympus	Ô-lim-pơ	36
55	Omphalos	Ôm-phe-lốt	36, 37, 38, 42
56	Pakistan	Pa-ki-xtan	81
57	Pierre Aronnax	Pi-e A-rôn-nác	27, 33
58	Pulitzer	Pu-lít-dơ	82
59	Ren Boze	Ren Bô-dơ	53
60	Rod Serling	Rót Xơ-linh	79
61	Salvator	Xan-va-tô	119
62	Shannon	San-nông	28, 34
63	Spinosaurus Aegipticus	Spi-nô-sô-rớt Ê-gip-ti-cớt	40
64	Sudan	Xu-đăng	81
65	Thomas Edison	Thô-mát Ê-đi-xơn	45
66	Thomas L. Friedman	Thô-mát L. Phrít-man	78, 81, 82, 103
67	Twilight Zone	Thoai-lai Dôn	79
68	Veronica	Vê-rô-nhi-ca	51
69	Vladimir Arbekov	Vla-đi-mia A-bê-cốp	24
70	Wales	U-ên	81
71	Wave	Guây-vơ	99
72	Zeus	Dớt	36

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: THÂN THUỲ TRANG – TRẦN MAI THANH HẰNG
Biên tập tái bản: NGUYỄN THỊ NHIỆM
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: NGÔ QUANG THẾ
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Minh hoạ: NGÔ QUANG THẾ
Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG – VŨ THỊ THANH TÂM
Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền © (2022) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGỮ VĂN 7 – TẬP HAI

Mã số: G1HH7V002h26
In ..... bản (QĐ .....), khổ 19 x 26,5 cm.
In tại: .....
Địa chỉ: .....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/67-09/GD
Số QĐXB: ..... /QĐ-GD-HN ngày ..... tháng ..... năm .....
In xong và nộp lưu chiểu quý ..... năm .....
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-30718-7
Tập hai: 978-604-0-30719-4

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 7 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 7, tập một
2. Ngữ văn 7, tập hai
3. Toán 7, tập một
4. Toán 7, tập hai
5. Khoa học tự nhiên 7
6. Công nghệ 7
7. Lịch sử và Địa lí 7
8. Mĩ thuật 7
9. Âm nhạc 7
10. Giáo dục công dân 7
11. Tin học 7
12. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7
13. Giáo dục thể chất 7
14. Tiếng Anh 7 – Global Success – SHS

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-30719-4

9 786040 307194

Giá: 17.000 đ